Những bài làm văn

(Biên soạn theo chương trình mới)

10

PHẦN I- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 1

Đề số 1- Tóm tắt đoạn trích Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây.

Bài làm

Sau khi bị Mtao Mxây cướp mất vợ là Hơ Nhị, Đăm Săn vô cùng tức giận. Chàng cầm khiên đến nhà Mtao Mxây để khiêu chiến.

Đến nhà Mtao Mxây, Đăm Săn đứng ở dưới gọi Mtao Mxây xuống thách đấu. Lúc đầu Mtao Mxây không xuống, vừa dè chừng vừa để tỏ ý khiêu khích. Nhưng Đăm Săn doạ sẽ đốt nhà, Mtao Mxây buộc phải đi xuống. Hắn bước xuống "tần ngần, do dự", sợ sẽ bị Đam Săn đâm chết khi đang đi xuống.

Đăm Săn nhường cho Mtao Mxây múa khiên trước. Mtao Mxây rung khiên múa, tiếng khiên kêu lạch xạch như quả mướp khô. Đăm Săn thấy buồn cười trước hành động múa khiên của Mtao Mxây và chàng không nhúc nhích. Mtao Mxây kiêu ngạo nói với Đăm Săn rằng mình là một tướng đã quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, đã quen xéo nát đất đai của thiên hạ. Tức giận khi nghe câu nói của Mtao Mxây, Đăm Săn rung khiên múa với một sức mạnh như vũ bão. Chàng xốc tới chỗ Mtao Mxây. Hắn sợ bỏ chạy hết bãi tây sang bãi đông. Đăm Săn rượt đuổi theo. Chàng bị Mtao Mxây vung dao chém trúng một cái chão trâu.

Khi đã thấm mệt, Mtao Mxây bảo Hơ Nhị quăng cho hắn một miếng trầu. Nhưng Đăm Săn đã đớp được miếng trầu đó. Chàng nhai trầu và sức mạnh của chàng tăng lên gấp bội. Chàng lại tiếp tục múa khiên và rượt đuổi Mtao Mxây với sức mạnh phi thường. Khi Đăm Săn múa khiên, gió như bão lốc, chòi lẫm đổ lăn lóc, cây cối chết rụi, đồi núi rạn nứt, đồi tranh bật rễ nhổ tung. Chàng cầm ngọn giáo phóng trúng vào đùi Mtao Mxây nhưng Mtao Mxây vẫn không hề bị thương gì. Mệt quá, Đăm Săn vừa chạy vừa ngủ. Chàng mộng thấy ông Trời. Ông Trời đã chỉ cho Đăm Săn biết cách đánh thắng Mtao Mxây: lấy cái chày mòn ném trúng vành tai của Mtao Mxây. Đăm Săn bừng tỉnh, chộp ngay một cái chày mòn ném trúng vành tai Mtao Mxây. Tức thì chiếc áo giáp bảo vệ thân thể trên người Mtao Mxây rơi xuống. Mtao Mxây sợ hãi bỏ chạy. Đăm Săn đuổi theo rất nhanh, Mtao Mxây bị ngã lăn quay ra đất. Hắn van xin Đăm Săn tha chết. Nhưng Đăm Săn đã đâm chết Mtao Mxây và cắt đầu hắn đem bêu ngoài đường.

Sau khi Mtao Mxây chết, tôi tớ của hắn đã đi theo Đăm Săn.

Giết chết được Mtao Mxây, giành lại được vợ, thu được nhiều tôi tớ, của cải, danh tiếng Đăm Săn vang lừng khắp nơi, đến tai các thần.

Chàng mở tiệc linh đình để ăn mừng thắng lợi. Người nhà Đăm Săn, dân làng và khách khứa từ khắp mọi nơi kéo về chúc mừng, ăn uống, tiệc tùng kéo dài suốt mùa khô.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Tóm tắt tác phẩm hay đoạn trích là một kĩ năng rất quan trọng và cần thiết. Làm thế nào để câu chuyện (hay đoạn trích) dài, rất dài cũng có thể trở thành ngắn, rất ngắn? Nhưng vẫn phải giữ được cái "thần" của nó, thế mới khó chứ!

Ta đã biết rằng, muốn tóm tắt, trước hết phải nắm được đại ý, nhớ được các đoạn. Mỗi đoạn tóm gọn lại ý chính, kể lại một hay vài sự kiện, chi tiết quan trọng nhất. Miễn sao toát ra được cái cốt lõi nhất của đoạn hay của bài là được.

Các bạn hãy tập tóm tắt đi! Như bài của bạn trên đây là được đấy!

Đề 2- *Hãy tưởng tượng mình là Đăm Săn, kể lại trận đánh Mtao Mxây*

Bài làm

Các bạn thân mến! Tôi là Đăm Săn, người anh hùng trong sử thi Đăm Săn. Tôi là một tù trưởng hùng mạnh, "đầu đội khăn kép, vai mang túi da". Tôi xin kể lại cùng các bạn một trong những chiến công của tôi. Đó là trận đánh Mtao Mxây - một tên tù trưởng đã cướp vợ tôi.

Sau khi nghe tin Mtao Mxây đã cướp nàng Hơ Nhị - người vợ xinh đẹp của tôi, tôi vô cùng tức giận. Tôi liền xách khiên, dáo đến thẳng nhà Mtao Mxây để rửa nỗi nhục này và giành lại người vợ hiền yêu quý.

Nhà Mtao Mxây quả thực là đẹp. Đầu sàn hiên đẽo hình mặt trăng, đầu cầu thang đẽo hình chim ngói, cầu thang lên xuống rất rộng. Tôi đứng ở dưới nói to:

- Ơ diêng, ơ diêng, xuống đây! Ta thách nhà ngươi đọ dao với ta đấy!

Mtao Mxây chẳng những không xuống, hắn còn nói khích tôi::

- Ta không xuống đâu, diêng ơi! Tay ta còn bận ôm vợ hai chúng ta ở trên nhà này cơ mà.

Máu nóng trong người tôi bốc lên, tôi quát lớn:

- Xuống, diêng! Xuống, diêng! Ngươi không xuống ư? Ta sẽ lấy cái sàn hiên của ngươi ta bổ đôi, ta sẽ lấy cái sàn hiên của ngươi ta kéo lửa, ta hun cái nhà của ngươi cho mà xem!

Nghe tôi nói vậy, hắn sợ hãi đi xuống. Hắn còn nói với tôi rằng, không được đâm hắn khi hắn đang đi xuống. Tôi cười khẩy mà nói với hắn:

- Sao ta lại đâm ngươi khi ngươi đang đi nhỉ? Ngươi xem, đến con lợn nái của nhà ngươi dưới đất, đến con trâu cái của nhà ngươi trong chuồng ta cũng không thèm đâm nữa là.

Mtao Mxây bước xuống, tay cầm khiên, giáo. Khiên hắn tròn như đầu cú, giáo hắn óng ánh như cái cầu vồng. Trông hắn dữ tợn như một vị thần, nhưng dáng vẻ thì lại tần ngần do dự, mỗi bước đi đắn đo.

Tôi nhường cho hắn múa khiên trước. Ban đầu hắn từ chối. Hắn bảo với tôi:

- Ta như gà làng mới mọc cựa khẽ, như gà rừng mới mọc cựa ê chăm, chưa ai dẫm phải mà đã gãy cánh.

Và hắn bảo tôi múa khiên trước. Nhưng tôi nhất định không chịu. Tôi là người thách đấu, lẽ nào tôi lại rung khiên múa trước. Thế là Mtao Mxây rung khiên múa trước.

Tôi đứng im, không nhúc nhích nhìn Mtao Mxây múa khiên. Khiên hắn kêu lạch xạch như quả mướp khô. Buồn cười trước hành động múa khiên của hắn, tôi nói khích:

- Ngươi múa một mình, múa kêu lạch xạch như quả mướp khô. Miếng múa ấy ngươi học ai vậy? Ngươi múa chơi đấy phải không, diêng?

Hắn nói với tôi:

- Có cậu ta học cậu. Có bác ta học bác. Có thần Rồng ta học thần Rồng.

Tôi mỉa mai:

- Thế ư, ta thì đâu có cậu mà học cậu, đâu có bác mà học bác! Chỉ có hai ta đây, ngươi múa đi xem nào!

Nghe tôi nói vậy, chắc là hắn tức lắm. Hắn kiêu ngạo hỏi tôi:

- Thế ngươi không biết ta đây là một tướng đã quen đi đánh thiên hạ, bắt tù binh, đã quen đi xéo nát đất đai thiên hạ hay sao?

Đến lúc ấy thì tôi không thể đứng im được nữa. Tôi phải dạy cho hắn một bài học về thói kiêu ngạo và rửa nỗi nhục hắn đã cướp vợ của tôi. Tôi rung khiên múa. Hắn vội vã bỏ chạy. Một lần xốc tới, tôi vượt một đồi tranh, một lần xốc tới nữa tôi vượt một đồi lồ ô. Tôi chạy vun vút qua phía đông sang phía tây, đuổi theo hắn. Còn hắn thì bước thấp bước

cao chạy hết bãi tây sang bãi đông. Hắn vung dao chém tôi, nhưng chỉ vừa trúng một cái chão cột trâu. Tôi lại nói khích hắn:

- Sao ngươi lại chém cái chão cột trâu? Còn khoeo chân ta, ngươi dành làm gì?

Và tôi lại tiếp tục đuổi theo hắn. Rượt đuổi nhiều, cả tôi và hắn đều đã thấm mệt. Lúc này, hắn bảo Hơ Nhị quăng cho hắn một miếng trầu. Trong khi đánh nhau, nếu ăn được một miếng trầu sẽ đỡ mệt hơn rất nhiều. Nhanh như cắt, tôi đớp lấy miếng trầu và nhai luôn. Sau đó, sức của tôi tàng lên gấp bội. Tôi lại múa khiên và rượt đuổi theo hắn. Khi tôi múa trên cao, vang lên tiếng đĩa khiên đồng, tiếng gió mạnh như bão. Khi tôi múa dưới thấp vang lên tiếng khiên kêu, gió mạnh như lốc. Cả một vùng đồi núi nơi diễn ra cuộc chiến đấu tan hoang: chòi lẫm đổ lăn lóc, cây cối chết rụi. Khi tôi múa chạy nước kiệu, quả núi ba lần rạn nứt, ba đồi tranh bật rễ bẫy tung. Tôi phóng cây giáo thần - cây giáo đã từng đâm chết bao nhiêu thú dữ, bao nhiêu kẻ địch của tôi - vào trúng đùi của Mtao Mxây. Nhưng lạ thay, đùi hắn vẫn không hề bị thương gì, không hề chảy máu. Tôi lại phóng cây giáo đâm trúng người hắn, nhưng hắn cũng chẳng hề hấn gì. Hắn vẫn bỏ chạy. Chẳng nhẽ hắn có phép thuật gì sao? Hay có vị thần nào bảo vệ cho hắn? - Tôi tự hỏi mình như vậy.

Trận đánh diễn ra ròng rã. Mấy lần tôi đã đâm trúng Mtao Mxây, nhưng hắn vẫn không bị thương. Mệt quá, tôi vừa chạy vừa ngủ. Tối mộng thấy ông Trời. Tôi hỏi ông Trời:

- Ối chao, chết mất thôi, ông ơi! Cháu mệt quá! Tại sao cháu đâm mãi mà không thủng hắn.

Ông Trời đã chỉ cho tôi điểm yếu của hắn: "Cháu lấy một cái chày mòn ném vào vành tai hắn là được". Bừng tỉnh, tôi chộp ngay lấy cái chày mòn ném trúng vành tai Mtao Mxây. Quả nhiên, cái giáp trên người hắn tức thì rơi loảng xoảng. Đến lúc ấy tôi mới biết vì sao mấy lần ngọn giáo thần của tôi đâm trúng hắn mà vẫn không thủng.

Mất vũ khí bảo vệ, hắn hoảng sợ tháo chạy. Hắn tránh quanh chuồng lợn, tôi phá tan chuồng lợn. Hắn tránh quanh chuồng trâu, tôi phá tan chuồng trâu. Hắn chạy đến đâu tôi đuổi theo đến đấy. Cuối cùng hắn ngã lăn quay ra đất.

Khi nằm dưới mũi giáo của tôi, mặt hắn tái mét, cắt không còn giọt máu. Hắn sợ hãi, cầu xin tôi tha mạng. Hắn nói:

- Ơ diêng! ơ diêng! Để ta làm lễ cầu phúc cho diêng một trâu! Ta cho diêng thêm một voi.

Nhưng tôi đâu có bận tâm. Cầu phúc cho tôi ư? Có ích gì? Còn trâu, voi? Tôi đâu có thiếu. Hắn đã to gan dám cướp vợ của tôi thì tôi không thể tha thứ được.

Tôi giận dữ nói với hắn:

- Sao ngươi còn cúng trâu cầu phúc cho ta? Chẳng phải vợ ta ngươi đã cướp, đùi ta ngươi đã đâm rồi sao?

Và ngọn giáo của tôi đã đâm phập vào người hắn. Tôi cắt luôn cái đầu của hắn, đem bêu ngoài đường để dân làng được chứng kiến.

Giết chết Mtao Mxây, tôi giành lại được Hơ Nhị. Tất cả đám tôi tớ của Mtao Mxây đều đi theo tôi. Để mừng chiến thắng, tôi đã mở tiệc chiêu đãi tôi tớ trong nhà, dân làng. Các tù trưởng phương xa, khách khứa từ khắp nơi nghe tin tôi chiến thắng đều ùn ùn kéo về ăn mừng chiến thắng của tôi. Nhà tôi đông nghịt khách, tôi tớ chật ních cả nhà ngoài. Tôi sai giết nhiều lợn, mổ nhiều trâu, đánh lên các chiêng, các trống to, hoà nhịp cùng chũm choẹ sao cho kêu lên rộn rã. Tiệc tùng linh đình ăn uống kéo dài suốt mùa khô.

Sau trận đánh thắng Mtao Mxây, danh tiếng của tôi vang khắp nơi, đâu đâu cũng nghe thấy, vang tận đến tai các thần. Sau trận ấy, tôi thật sự trở thành một trang tù trưởng mới giàu lên, đang tràn đầy sức trai, tiếng tăm lừng lẫy.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Kể chuyện thì đã được học từ hồi tiểu học, qua trung học cơ sở, có gì nà khó?

Song, ở đây không phải kể chuyện thông thường, mà là kể chuyện trong vai của nhân vật, lại là nhân vật Đăm Săn, người anh hùng của dân tộc Ê-đê từ thời cổ xưa.

Như vậy thì cũng có nhiều cái khó đấy!

Thứ nhất, tất nhiên là phải nhớ chuyện, nhớ các chi tiết chính, nhớ những lời đối thoại giữa hai nhân vật Đăm Săn và Mtao Mxây, nhớ cả những hành động của họ nữa..., mới có thể kể lại được.

Thứ hai là cũng phải có tầm cỡ, tầm cỡ như Đăm Săn ấy, mới có thể nhập vai được, chứ không à?

- Nhưng tớ đâu phải người anh hùng?- Có bạn bảo thế.

Đúng vậy, ở đây chưa yêu cầu bạn phải trở thành người anh hùng, nhưng cũng phải có gì đồng cảm với người anh hùng mới có thể kể lại chuyện này một cách hấp dẫn được chứ, nhỉ?

Đề 3- Tả quang cảnh nhà Đăm Săn sau khi chiến thắng Mtao Mxây.

Bài làm

Bạn đã bao giờ được dự một buổi tiệc mừng chiến thắng của người Tây Nguyên chưa? Tôi cũng thú thực, chưa bao giờ được chứng kiến cái cảnh ăn mừng nhộn nhịp ấy. Tuy nhiên, sau khi đọc sử thi *Đăm Săn* và được học đoạn trích "*Chiến thắng Mtao Mxây*", tụi cứ có cảm giác mình đã từng được dự vào cái không khí tưng bừng trong buổi tiệc ăn mừng chiến thắng ở nhà tù trưởng Đăm Săn.

Đăm Săn là một tù trưởng anh hùng. Chàng đã lập được một chiến công lừng lẫy đó là đánh thắng tù trưởng thù địch Mtao Mxây để giành lại vợ, cũng tức là để mở rộng lãnh thổ của bộ tộc, làm cho bộ lạc mình càng trở nên hùng mạnh.

Hôm Êy quang cảnh nhà Đăm Săn thật vui tươi, tấp nập. Trước tiên phải kể đến đoàn người tôi tớ của Mtao Mxây đông như bầy cà tong, ùn ùn như kiến, như mối, mang của cải về nhà chủ mới: Đăm Săn. Cùng lúc đó chàng vừa về đến nhà, lập tức hô gọi tôi tớ mang rượu, bắt trâu dâng cúng thần, cúng tổ tiên, mở tiệc ăn mừng cho anh em trong nhà cũng như tất cả bà con trong làng. Tất cả các chiêng, các trống, cồng, chũm choẹ cũng được mang ra. Âm thanh của các nhạc khí của nhà tù trưởng Đăm Săn cùng rung lên rộn ràng "khiến voi, tê giác trong rừng quên không cho con bú, ếch nhái dưới gầm sàn, kì nhông ngoài bãi phải ngừng kêu". Nhà Đăm Săn hôm nay đông nghịt khách, có rất nhiều tù trưởng từ phương xa đến. Còn Đăm Săn chàng nằm trên võng, tóc thả trên sàn, hứng tóc chàng ở dưới đất là một cái nong hoa, mùi thơm bay ra ngào ngạt. Bữa tiệc linh đình đã được chuẩn bị chu đáo. Cùng một lúc cả chủ, khách, dân làng, tôi tớ ăn uống rào rào, thịt lợn, thịt trâu ăn không ngớt, thịt lợn ăn đến cháy đen hết ống le, thịt dê ăn đến cháy đen hết ống lồ ô. Máu bò, máu trâu đọng đen khắp sàn hiên. Dây cồng, dây chiêng giăng như mạng nhện. Chỉ vàng, chỉ đỏ như hao dăm piết. Tù trưởng Đăm Săn hôm nay vui sướng quá chừng, chàng uống không biết say, ăn không biết no, trò chuyện không biết chán. Mà đâu chỉ tù trưởng Đăm Săn vui, tất cả mọi người cùng hoan hỉ ra mặt, các chàng trai đi lại ngực đụng ngực, các cô gái đi lại vú đụng vú. Xung quanh cả một vùng nhão ra như nước. Lươn trong hang, giun trong bùn, rắn hổ, rắn mai đều chui lên nằm trên cao sưởi nắng. ếch nhái dưới gầm nhà, kì nhông ngoài bãi thì kêu inh ỏi suốt ngày đêm. Rõ ràng là tù trưởng Đam Săn đang giàu lên. Chiêng lắm, la nhiều, voi cả bầy này, tôi tớ nhiều vô kể và bè bạn thì nhiều như nêm như xếp. Bữa tiệc linh đình đông vui đó sẽ không chỉ diễn ra một hai

hôm, mà kéo dài suốt cả mùa khô cho đến lúc nào rượu nhạt, ché vơi thì khách mới lần lượt ra về.

Thật là một bữa tiệc mang đậm hương vị của núi rừng, ngập tràn niềm vui chiến thắng. Đó là bữa tiệc của những con người Tây Nguyên mộc mạc, hồn nhiên, yêu đời. Cuộc sống của họ mang tính cộng đồng rất cao. Tù trưởng Đam Săn là nhân vật trung tâm của sử thi anh hùng dân tộc Ê-đê, đồng thời chàng cũng là niềm tự hào, là lí tưởng xã hội của toàn thể cộng đồng. Do vậy bữa tiệc ở nhà chàng hôm ấy như một ngày vui của toàn thể buôn làng.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Bài viết này thuộc loại miêu tả sáng tạo. Điều quan trọng là phải dùng đến trí tưởng tượng. Cần nhớ một số chi tiết trong phần cuối của đoạn trích "Chiến thắng Mtao Mxây", và nếu đọc được toàn bộ Sử thi Đăm Săn, lại có thêm những kinh nghiệm quan sát về cuộc sống của đồng bào Tây Nguyên nữa thì càng tốt- những điều ấy rất cần để tái hiện cả một cuộc vui mừng chiến thắng tưng bừng của đồng bào Ê-đê trong thời kì tiền sử.. Có thể nói, đó là một yêu cầu rất khó. Đối với ai cũng khó!

Tuy nhiên, nếu có niềm say mê thì chúng ta chắc cũng không phải là không làm được.

Như bài viết trên đây đã có một số chi tiết rất tốt.

Đề 4- *Có ý kiến cho rằng, cuộc chiến của Đăm Săn với Mtao Mxây tuy có mục đích cụ thể là giành lại vợ, nhưng vẫn có ý nghĩa và tầm quan trọng đối với lợi ích của toàn cộng đồng. Qua đoạn trích "Chiến thắng Mtao Mxây", hãy chứng minh.*

Bài làm

Trong kho tàng văn học dân gian vô cùng phong phú của dân tộc Việt Nam, sử thi Tây Nguyên chiếm vị trí đặc biệt cả về số lượng lẫn chất lượng. Trong đó, nổi tiếng nhất là sử thi anh hùng *Đăm Săn*.

Sử thi *Đăm Săn* viết về đề tài chiến tranh. Toàn bộ thiên sử thi tập trung ca ngợi tài năng, sức mạnh, vẻ đẹp phi thường của người anh hùng - tù trưởng Đăm Săn Một trong những chiến công nổi bật của Đăm Săn là chiến thắng Mtao Mxây - tên tù trưởng thù địch, giành lại được vợ của mình. Có ý kiến cho rằng: "Cuộc chiến của Đăm Săn với Mtao Mxây tuy có mục đích cụ thể là giành lại vợ, nhưng vẫn có ý nghĩa và tầm quan

trọng đối với lợi ích của toàn cộng đồng". Ý kiến này đã khái quát nội dung ý nghĩa của đoạn trích "Chiến thắng Mtao Mxây".

Sau khi nghe Mtao Mxây cướp vợ của mình, Đăm Săn đã đến thẳng nhà Mtao Mxây để thách đấu. Mục đích của chàng là giết được kẻ thù, giành lại người vợ hiền yêu quý - Hơ Nhị - của mình. Với ý thức của một người đàn ông, Đăm Săn không thể chịu nổi nỗi nhục bị người khác cướp vợ của mình. Nhất là, chàng lại là một tù trưởng có bản tính "ngang tàng từ trong bụng mẹ". Chàng có thể chết dưới mũi giáo, đường gươm của kẻ thù chứ không thể chịu nổi nỗi nhục ấy. Nhất định chàng phải trả thù, chàng phải chiến đấu với Mtao Mxây để giành lại vợ của mình.

Và chàng đã chiến đấu bằng cả sức mạnh. Cuộc chiến diễn ra hết sức căng thẳng. Mtao Mxây do có chiếc áo giáp bảo vệ nên đã mấy lần mũi giáo thần của Đăm Săn đâm trúng nhưng hắn vẫn không chết. Không nản chí, Đăm Săn vẫn quyết tâm chiến đấu đến cùng. Khi đã thấm mệt, chàng "vừa chạy vừa ngủ" và mộng thấy ông Trời. Ông Trời đã chỉ "điểm yếu" nơi vành tai Mtao Mxây cho chàng. Chính sự mách bảo ấy đã giúp cho Đăm Săn chiến thắng kẻ thù. Khi bị Đăm Săn lấy chiếc chày mòn ném trúng vành tai, bộ áo giáp trên người không còn nữa, Mtao Mxây hoảng sợ bỏ chạy. Nhưng hắn chạy đến đâu cũng bị Đăm Săn rượt đuổi theo đến đó. "Hắn tránh quanh chuồng lợn, Đăm Săn phá tan chuồng lợn, hắn tránh quanh chuồng trâu, Đăm Săn phá tan chuồng trâu". Và đến khi "hắn ngã lăn ra đất", nằm dưới ngọn giáo của Đăm Săn, hắn vội cầu xin Đăm Săn tha mạng: "Ơ diêng, ơ diêng, để ta làm lễ cầu phúc cho diêng một trâu! Ta cho thêm diêng một voi". Nhưng cái giá phải trả của một kẻ đã cướp vợ người không thể khác được. Câu trả lời của Đăm Săn đã như một bản kết án tử hình: "Sao ngươi còn cúng trâu cầu phúc cho ta? Chẳng phải vợ ta ngươi đã cướp, đùi ta ngươi đã đâm rồi sao?". Chàng đã giết chết Mtao Mxây, rửa được nỗi nhục cho bản thân và giành lại vợ của mình.

Cuộc chiến đấu của Đăm Săn với Mtao Mxây tuy có mục đích riêng là giành lại vợ, nhưng vẫn có ý nghĩa và tầm quan trọng đối với lợi ích của toàn cộng đồng.

Trong lịch sử hình thành các dân tộc, các bộ tộc, bộ lạc, đứng đầu là các tù trưởng như Đăm Săn đã mở rộng đất đai, tích luỹ của cải bằng những cuộc chinh phạt, mà nguyên nhân trực tiếp bao giờ cũng do sự tranh chấp tài sản, đất đai hay nô lệ, trong đó thường có sự tranh giành phụ nữ. Cho nên, cuộc chiến giành lại Hơ Nhị cũng chỉ là cái nguyên cớ trực tiếp. Ý nghĩa gián tiếp, khách quan, và cũng là ý nghĩa lịch sử của những cuộc chiến này là sự mở rộng lãnh thổ, phát triển buôn làng. Điều đó không chỉ có ý nghĩa đối với cá nhân Đăm Săn hay Hơ Nhị, mà còn có

ý nghĩa đối với cả dân tộc Ê-đê. Nó phản ánh một dấu mốc lớn trong lịch sử hình thành dân tộc Ê-đê.

Chính vì lẽ đó, chiến thắng của Đăm Săn mới được miêu tả như một kì tích, có cả Ông Trời giúp đỡ, và trở thành niềm vui, niềm tự hào của cả buôn làng.

Tất cả tôi tớ trong nhà, dân trong làng đều vui sướng, nhộn nhịp trong buổi tiệc mừng chiến thắng của tù trưởng. "Các chàng trai đi lại ngực đụng ngực, các cô gái đi lại vú đụng vú. Cảnh làng một tù trưởng nhà giàu trông sao mà vui thế". Và họ tự hào rằng họ đã có được một tù trưởng, đầu đội khăn nhiễu, vai mang nải hoa, đánh đâu đập tan đó, vây đâu phá nát đó như chàng".

Chiến công của Đăm Săn còn đem đến niềm vui, niềm tự hào cho nhiều buôn làng khác. "Các khách tù trưởng đều từ phương xa đến". Họ đến là để chia vui, mừng cho chiến thắng của Đăm Săn. Sau chiến thắng ấy, danh tiếng của Đăm Săn vang lừng khắp nơi "danh vang đến các thần, tiếng lừng khắp núi, đông tây đâu đâu cũng nghe thấy danh tiếng". Uy tín, sức mạnh của chàng tăng lên gấp bội. Người ta tự hào "ca ngợi Đăm Săn là một dũng tướng chắc chết mười mươi cũng không lùi bước". "Đăm Săn hiện ra là một tù trưởng mới giàu lên, đang tràn đầy sức trai, tiếng tăm lừng lẫy".

Như vậy, cuộc chiến của Đăm Săn với Mtao Mxây có mục đích riêng là để giành lại người vợ nhưng lại có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với cả cộng đồng. Đoạn trích "*Chiến thắng Mtao Mxây*" là một trong những bản hùng ca ca ngợi tài năng và sức mạnh của người anh hùng Đăm Săn, ghi lại dấu mốc của một thời kì lịch sử của dân tộc Ê- đê.

Hướng dẫn đọc

Đối với HS lớp 10, bài viết trên đây có cái khó là làm sao để tránh được việc đem lối suy diễn đời thường áp dụng cho văn chương, và làm sao thoát khỏi cách hiểu "hiện đại hoá" các nhân vật trong sử thi.

Cuộc chiến giành lại Hơ Nhị không phải chỉ do sự ghen tuông hay vì tự sĩ diện đời thường, cũng không phải chỉ để "trừng phạt kẻ xấu" theo cách nghĩ sau này.

Bài viết trên đây đã làm được việc đó. Tôi cũng không hiểu sao bạn ấy lại có thể biết được "lịch sử hình thành các dân tộc thường có nguyên cớ trực tiếp ở việc tranh giành đất đai, nô lệ, trong đó có phụ nữ". Có lẽ bạn ấy đã đọc thêm rất nhiều.

Bài học cho chúng ta là phải đọc và tìm hiểu thêm, càng sâu sắc càng tốt những tri thức ngoài sách vở đã được học trong nhà trường.

Đề 5- *Cảm nghĩ của anh (chị) về vẻ đẹp của một nhân vật văn học mà anh (chị) thích.*

Bài làm

Từ khi còn bé tôi đã thích đọc những câu chuyện thần tiên và mơ ước trở thành nàng công chúa. Nhưng nhân vật yêu thích của tôi không phải là nàng công chúa ngủ trong rừng đợi chờ hoàng tử..., mà là một cô gái tự đi tìm hạnh phúc cho mình. Đó là công chúa Tiên Dung trong truyền thuyết *Chử Đồng Tử*.

Truyện kể rằng: Tiên Dung là nàng công chúa "nhan sắc tuyệt trần, tuổi đã lớn mà không chịu lấy chồng, chỉ thích chèo thuyền đi xem sông núi". Nhưng một con người đã từ chối truyện hôn nhân để đổi lấy một thú vui sơn thuỷ hữu tình vì sao lại dễ dàng kết duyên cùng Chử Đồng Tử - một người chưa hề quen biết, một chàng trai nghèo khổ đến mức không mảnh khố che thân? Là một công chúa, được sinh ra từ chốn phồn hoa, Tiên Dung phải là người hiểu hơn ai hết những "khuôn vàng thước ngọc" của xã hội ấy. Vậy mà nàng vẫn quyết tâm lấy Chử Đồng Tử. Hẳn rằng nếu không có tâm hồn cởi mở với thiên nhiên, tự do, phóng túng thì có lẽ Tiên Dung đã không giăng màn tắm trên bãi sông. Một tình huống bất ngờ giúp bộc lộ tính cách nhân vật chính là sự xuất hiện của Chử Đồng Tử. Tiên Dung coi đấy là duyên trời. Nàng sai thị tì lấy quần áo cho Chử Đồng Tử mặc rồi lại mong muốn kết duyên cùng chàng.

- Thiếp đã nguyện không lấy chồng, nay duyên trời run rủi gặp chàng chốn này mới biết không cưỡng lại được trời.

Khi Chử Đồng Tử ngần ngại, Tiên Dung đã mạnh mẽ nhắc lại:

- Thiếp với chàng là tự trời se duyên việc gì mà từ chối.

Duyên trời ấy há chẳng phải là sự gặp gỡ kì lạ của hai người hay sao? Không có một xúc tác nào từ phía gia đình và xã hội, họ đến với nhau tình cờ cũng như một lẽ tự nhiên.

Đối với một người ham thích trời rộng như Tiên Dung thì sự dứt bỏ cuộc sống tù túng chốn hoàng cung để sống giữa nhân dân cũng là điều không khó hiểu. Sự lựa chọn ở lại với Chử Đồng Tử vì thế vừa bộc lộ tính cách Tiên Dung, vừa thể hiện được ý nguyện nhân dân. Đó có thể chưa phải là khát vọng một tình yêu tự do nhưng đó chắc chắn là mơ ước về một hôn nhân không biên giới, không có sự can thiệp của lễ giáo, không có sự phân biệt sang hèn, thứ bậc.

Ở Tiên Dung còn toả sáng vẻ đẹp của ý chí tự cường và tinh thần yêu lao động. Cũng như Mai An Tiêm khi bị đày ra đảo hoang, Tiên Dung đã vững vàng trên đôi tay và khối óc của mình.

Ý chí đó là phẩm chất tốt đẹp của người dân Việt Nam từ bao đời nay trong lao động và trong chiến đấu. Nó đã hoá thân cả vào những sự vật bình thường làm nên linh hồn dân tộc.

Nhưng con người bằng đôi tay có thể làm thay đổi cuộc đời lại không ham giàu sang, phú quý. Khi được Chử Đồng Tử truyền cho phép tiên mà chàng được sư Phật Quang truyền dạy, Tiên Dung đã cùng chồng bỏ làng xóm đi tìm nơi thanh tĩnh để tu tiên học đạo. Tác giả dân gian qua việc miêu tả hành động đó có phải ước mơ về cuộc sống thoát tục hay không? Chi tiết cuối Tiên Dung cùng Chử Đồng Tử bay lên trời có phải là sự thể hiện ước mơ ấy? Nhân dân muốn bất tử hoá những con người xứng đáng được tôn vinh. Nhà văn Trung Quốc Lỗ Tấn từng nói: "Người chết chỉ chết thật khi họ chết hẳn trong lòng người sống". Vì Tiên Dung, Chử Đồng Tử lúc nào cũng như ngọn lửa bập bùng cháy đỏ trong tâm khảm con người Việt Nam nên họ đời đời tươi trẻ. Vẻ đẹp toả ra từ họ chính là vẻ đẹp kết tụ từ tâm hồn dân tộc, từ những ước mơ, khát vọng của nhân dân.

Càng yêu quý, cảm phục nhân vật bao nhiêu ta càng tôn trọng tác giả, người cha tinh thần của nhân vật bấy nhiêu. Để tạo nên một công chúa Tiên Dung dũng cảm, mạnh dạn trong tình yêu và hôn nhân, yêu lao động, tự tin chấp nhận và cải thiện hoàn cảnh, không ham mê giàu sang phú quý, tác giả dân gian hẳn đã giành rất nhiều tâm huyết. Câu chuyện ấy là tiếng hát say mê của nhân dân vút lên từ bao nhiêu mồ hôi, nước mắt. Chính vì thế mà nó có sức sống lâu bền như một liều thuốc an thần xoa dịu những đắng cay. Câu chuyện ấy đẹp vì nó được tạo ra từ những trang đời, từ ước mơ, lí tưởng của nhân dân. "Không có câu chuyện cổ tích nào đẹp hơn câu chuyện do chính cuộc sống viết ra" (An-đéc-xen). Tuyệt vời làm sao khi cổ tích và cuộc sống hoá thân làm một.

Từ truyện kể lịch sử đi vào trí tưởng tượng dân gian, từ trí tưởng tượng dân gian bước ra cuộc sống, Tiên Dung đã trở nên thật gần gũi và quen thuộc với chúng ta, bình dị hơn bất cứ cô gái nào trong ca dao hay trong tranh dân gian Nàng công chúa ấy vẫn thường hiện về trong giấc mơ của tôi.

(Bài của Hoàng Thị Lam, do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Phát biểu cảm nghĩ về một nhân vật cũng là một kiểu bài riêng, và khó. Ở đây, đề chưa yêu cầu phân tích nhân vật. Tuy nhiên, cần huy động những kĩ năng đã học về môn Tập làm văn như: giới thiệu tác

phẩm, nhân vật, tóm tắt truyện của nhân vật, sau đó mới nêu suy nghĩ, cảm xúc của mình về nhận vật đó...

Bài viết trên đây đã viết theo cảm hứng riêng nhưng cũng đã có bố cục khá mạch lạc. Bạn ấy đã đánh giá đúng về nhân vật công chúa Tiên Dung: mạnh mẽ, quả quyết, tự lập, tự cường, và đặc biệt là có tinh thần dân chủ, gần gũi với người lao động. Ngoài ra, bạn ấy còn biết cả tư tưởng "coi trọng tự nhiên" trong tác phẩm.

Tuy nhiên, có một số câu văn còn dễ dãi, có chỗ diễn đạt còn rối.

Đề 6- *Cảm nghĩ anh (chị) sau một chuyến đi (du lịch hoặc tham quan).*

Bài làm

Có lẽ không phải riêng tôi mà đứa trẻ nào cũng mơ ước được một lần bước lên tấm thảm bay, xỏ chân vào đôi hài bảy dặm, thậm chí cưỡi chổi thần của bà phù thuỷ mà du ngoạn khắp thế gian. Và lần này – không phải trong giấc mơ đâu – tôi đã được cùng bố mẹ đến xứ sở thần tiên huyền diệu – một thế giới trong tranh: Mai Châu – Hoà Bình. Tôi đã hiểu ra một điều thật ý nghĩa: những phút giây bên gia đình chính là những phút giây đẹp đẽ nhất mà câu truyện cổ tích dẫu hấp dẫn đến đâu cũng không thể tạo ra được.

Cả nhà chúng tôi đi, hôm đó, trời mưa bụi. Cảnh vật bên đường mờ ảo trong khói sương. Thực sự chưa bao giờ tôi biết rằng quê hương mình lại rộng lớn đến như vậy. Mẹ ngồi bên cạnh thỉnh thoảng lại đưa tay vuốt tóc tôi cho khỏi rối. Em tôi thì luôn miệng đọc mấy câu thơ của một ai đó:

"Cha mỉm cười xoa đầu con nhỏ:

- Theo cánh buồm đi mãi tớI nơi xa

Sẽ có cây, có cửa, có nhà

Vẫn là đất nước của ta

Những nơi đó cha chưa hề đi tới

...

- Cha mượn cho con buồm trắng nhé

Để con đi..."

Chắc hẳn cu cậu đang sung sướng lắm. Em thân yêu ạ, rồi em sẽ còn đi được rất nhiều nơi bằng đôi chân của chính em. Nhưng những phút

giây bên gia đình như thế này dù rất muốn em cũng không bao giờ có thể quay trở lại. Nó nhìn tôi, đôi mắt long lanh. Tôi nhớ bố tôi khi đó còn huýt sáo rất vui: "Ba sẽ là cánh chim cho con bay thật xa..."

Tôi ghé đầu vào vai mẹ, đưa mắt nhìn ra xa. Núi tiếp núi đuổi nhau chạy mãi như muốn đến tận đường chân trời. Dòng sông nằm dưới chân chúng tôi đang thì thầm hát khúc ca bất hủ của núi rừng. Cảnh đẹp và yên bình quá. Nhưng tôi muốn khi nhớ lại tôi không hề cảm thấy nuối tiếc. Tôi mơ ước được đến đây tham quan nhưng lại rất sợ không gian thiếu vắng bóng người.

Tôi nhớ Mai Châu với những núi mai, núi bương bàng bạc. Tôi nhớ bản Vân, bản Lác – những bản du lịch với nhà sàn ẩn hiện trong tán nhãn và ngát hương các loại lan rừng. Còn gì tuyệt vời hơn buổi sớm mai thức dậy nghe tiếng chim hót trên mấy cây cao trước nhà, ngắm nhìn những giò phong lan hoa rủ từng chùm xuống mặt ao tăm cá. Hình như bao nhiêu mệt mỏi đều tan biến. Không khí trong lành quá đến nỗi chị em tôi đều ước ao có thể hít căng đầy lồng ngực để dự trữ khi trở về, vì nơi mình ở chẳng bao giờ có buổi sáng nào thanh khiết tuyệt vời như thế.

Chúng tôi ở trong nhà người Thái. Mỗi khi ngắm những bức ảnh chụp chung với họ, bố mẹ tôi đều xúc động đến rơi nước mắt. Con người nơi đây hiếu khách và nhiệt tình quá. Phong tục người Thái Mai Châu rất lạ. Bếp lửa của họ bập bùng cháy suốt ngày đêm. Có lẽ khi đi xa họ sẽ nhớ nhất bếp lửa ấy, nhớ tiếng nói, tiếng cười vang lên cùng tiếng tàn đóm nổ lép bép và những khuôn mặt ánh hồng rạng rỡ. Rồi những đêm bản tổ chức văn nghệ, thật kì lạ bởi những khách du lịch như chúng tôi hình như không chỉ say sưa vì rượu cần mà còn vì thả hồn theo những động tác uyển chuyển của điệu múa xoè hoa.

Hôm tạm biệt Mai Châu, cả nhà xách lễ mễ những quà: nào cơm lam, rượu cần, nào phong lan, nào khăn, áo thổ cẩm... Mẹ cười: "Cả Mai Châu theo mình về nhà rồi". Bây giờ, nhìn những thứ đồ ấy lại nhớ xứ sương mù, nhớ từ dãy núi, dòng sông đến những vật dụng bình thường như cối trầu hay những bậc thang...

Cảm ơn bố mẹ về chuyến đi tuyệt vời ấy. Con nhớ nhất là những tiếng cười, tiếng hát trong mét chuyến đi du lịch miền sơn cước, cả nhà ta hạnh phúc bên nhau.

Hướng dẫn đọc

Đây là bài văn phát biểu cảm nghĩ, tức biểu cảm, trước một chuyến đi du lịch. Thế mà bạn ấy lại kể chuyện về chuyến đi, thế có "lạc đề" không chứ?

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRUNG TÂM THÔNG TIN THƯ VIỆN

Cũng may, bài viết cũng có nhiều dòng biểu cảm, xen lồng trong các ý, các đoạn. Tôi rất tiếc: giá như các ý ấy được bố cục lại theo đúng một bài văn biểu cảm thì tốt!

Bài làm số 2

Chuyến đi ấy giờ đây với tôi đã trở thành một kỉ niệm đẹp đẽ! Nó ghi dấu tình cảm của bạn bè lớp tôi, nhất là tình cảm của chúng tôi đối với cô chủ nhiệm.

Cô giáo chủ nhiệm lớp tôi là một giáo viên dạy văn mới ra trường. Cô nhiệt tình, và thương yêu học sinh hết mực.

Ngày hôm đó, chúng tôi thấy cô chủ nhiệm bước vào lớp và..., thế là chương trình du lịch đã được định hình thành.

Tôi vốn là đứa bé nhút nhát. Thực lòng, tôi không thích những cuộc du lịch như vậy. Nhưng chính chuyến đi ấy là do cô giáo muốn tạo ra để những đứa trẻ như tôi bớt đi phần nhút nhát...

Sông Chu nằm cách trường không xa. Đường đi thật khó, lên dốc, xuống dốc.

Tôi một mình đơn độc trên chiếc mi-ni, đã mệt lại càng thêm mệt.

Lần ấy, chiếc xe của tôi bỗng nhiên bị hỏng. Cả lớp phải dừng lại, cô giáo và các bạn lo lắng, làm cho tôi đỏ bừng mặt. Tôi đang lúng túng thì... Đúng lúc đó, Nam – cậu bạn "điển trai" và học giỏi nhất lớp đi tới.

Cậu ta hỏi đôi câu, rồi lật ngửa xe ra, lấy tay vặn mấy cái ốc, quay vài vòng, thế là xong. Cô giáo cũng phải khen cậu ta là giỏi.

Tôi lâu nay chưa hề "quan hệ" với một bạn nam nào trong lớp, thậm chí còn lảng tránh khi các cậu ta đến làm quen.

Sửa xong, Nam trao xe cho tôi bằng một nụ cười thân mật. Tôi bối rối, mãi mới lí nhí nói được lời cảm ơn.

Cả lớp lại lên đường, Sơn đề nghị được đèo tôi, cô giáo và các bạn đồng ý, tiếng ai đó vang lên:

- Cái Trang mệt rồi! Sơn đèo Trang đi!

- Ừ, phải đấy! Sơn - Trang, chúng mày ạ! - Tiếng lao nhao cười đùa làm tôi ngượng suýt khóc.

Rồi dù ngượng đến đâu, tôi cũng phải ngồi sau Sơn vì quả thật, tôi đã thấm mệt. Tôi tự nhủ, mình sẽ không thèm nói một câu nào cho mà xem.

Bãi cát sông Chu một buổi chiều mùa đông nhạt nắng. Màu cát vàng trải dài theo triền sông được tô điểm thêm màu xanh của mía, và

ngô khoai. Dòng nước trong vắt. Những làng xóm bên sông gợi ra một cảm giác êm ả, thái bình... Ôi một buổi chiều đông tuyệt đẹp làm sao!

Nửa buổi chiều, cô giáo gọi cả lớp tập hợp trên bãi cỏ. Mấy bạn rải ni-lông bày những thức quà mà cô trò mua lúc đi. Cả lớp quây tròn quanh cô. Mấy đứa con gái nhanh trí còn mang theo những món ăn riêng như dưa chuột, táo, khế... bứt ở trong vườn nhà cái Lan. Tình cảm cô trò và các bạn trong lớp thật khác nào như người trong một nhà...

Cô giáo kể cho cả lớp nghe những câu chuyện về dòng sông Chu. Rồi cô đọc những bài thơ hay nhất viết về dòng sông.

Cô còn kể về thời học sinh của cô thật hồn nhiên và trong sáng gắn liền với dòng sông quê mình.

Hôm ấy, cô giáo hỏi chuyện các bạn, giúp các bạn tự bộc lộ về mình, để chúng tôi có dịp hiểu về nhau hơn. Ôi, tình cảm của người cô thật sự làm tôi xúc động!

Bấy giờ, tự nhiên, tôi không còn cảm giác ngại ngần như trước nữa. Tôi thấy cô như một người chị, một người bạn thân thiết của chúng tôi. Một cảm giác mà bấy lâu nay tôi không cảm nhận được ở trong tập thể. Bây giờ đây, lần đầu tiên, tôi nhận tình cảm của các bạn và của cô giáo dành cho tôi thật hết sức chân thành.

Buổi pic-nic ấy kéo dài cho tới tận chiều tối. Ai cũng vui và muốn kéo dài thêm nữa. Với tôi, buổi chiều hôm ấy thật có ý nghĩa vô cùng.

Ôi, một cuộc du lịch! Nó không chỉ đem đến cho tôi những nhận thức mới về thiên nhiên và cuộc sống. Nó đã làm biến đổi cả con người tôi!

Chúng tôi ra về lúc trời đã tắt nắng, gió từ sông thổi lên đê lành lạnh. Tôi quay đầu nhìn lại dòng sông một lần nữa! Ôi, dòng sông quê hương! Nó gần gũi với chúng tôi đến thế mà giờ đây, với tôi, vẫn trở nên mới mẻ lạ lùng!

Tôi lại ngồi sau xe của Sơn, một cậu bạn đẹp trai, học giỏi, lại có nhiều tài vặt. Tôi vẫn tự hứa sẽ không thèm nói với cậu ta một lời nào. Nhưng trong lòng cảm thấy vui vui!

Như thế từ đây, Sơn, cô giáo, và tất cả các bạn trong lớp đã trở nên không thể thiếu trong tinh thần của tôi.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên sưu tầm)

Hướng dẫn đọc

Vẫn có rất nhiều yếu tố tự sự, nhưng chúng không nên lấn át mục đích chính là "biểu cảm" trong bài viết.

Cần ghi nhớ rằng, văn biểu cảm có giọng văn giống như lời tâm sự thì thầm, gần với một bài thơ trữ tình không vần, nhịp...

Để viết được bài văn biểu cảm, phải suy nghĩ và xúc động thật sâu sắc và chân thành. Có thể diễn đạt dựa trên một cốt truyện hay một sự kiện chính nào đó, rồi cứ thế mà đào sâu, khai thác mãi cái ý nghĩa của nó...

Trong văn biểu cảm cũng cần có kể chuyện và miêu tả. Nhưng kể hay tả cũng chỉ là cái cớ, chứ không phải mục đích!

THAM KHẢO MỘT SỐ ĐOẠN VĂN BIỂU CẢM

MÙA XUÂN MIỀN BẮC TÔI YÊU[1] *(Đầu đề đoạn trích do chúng tôi đặt)*

"Mùa xuân của tôi - mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội- là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ, mộng...

Người yêu cảnh, vào những lúc trời đất mang mang như vậy, khoác một cái áo lông [...] mở cửa đi ra ngoài, tự nhiên thấy một cái thú giang hồ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng như lòng mình say sưa một cái gì đó- có lẽ là sự sống!

Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người cứ căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được phải trồi ra thành những cái lá nhỏ li ti giơ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh"

(Vũ Bằng- *Thương nhớ tuổi mười hai*. Dẫn lại *Ngữ văn* 7, tập 1. GD. 2003, tr. 174).

CÔ GIÁO CỦA EM

"Ôi! Cô giáo rất tốt của em, không, chẳng bao giờ em lại quên cô được! Sau này, khi em lớn lên, em vẫn sẽ nhớ đến cô, và em sẽ tìm gặp cô giữa một đám học trò nhỏ. Mỗi bận đi ngang qua một trường học và nghe một cô giáo giảng bài, em sẽ tưởng chừng như nghe tiếng nói của cô. Em sẽ nhớ lại hai năm ngồi trong lớp học của cô, ở đó, em đã học được bao nhiêu điều bổ ích; ở đó, em đã bao nhiêu lần nhìn thấy cô mệt nhọc và đau đớn nhưng luôn luôn theo dõi lớp học, luôn luôn yêu thương mọi người. Cô đã thất vọng khi thấy một em bé cứ cầm sai cây bút khi viết mà không sao uốn nắn lại được; [...] cô lấy làm sung sướng khi chúng em

đạt được những kết quả xuất sắc. Lúc nào cô cũng có lòng tốt và dịu hiền như một người mẹ.

Không bao giờ, phải, không bao giờ em lại có thể quên cô được, cô giáo yêu quý của em!" (Ét-môn-đô đơ A-mi-xi, *Những tấm lòng cao cả*, Dẫn lại *Ngữ văn* 7, tập 1. GD. 2003, tr. 119).

TẾT TRUNG THU ĐỘC LẬP ĐẦU TIÊN

"Đêm nay, anh đứng gác ở trại. Trăng ngàn và gió núi bao la khiến lòng anh man mác nghĩ tới trung thu và nghĩ tới các em. Trăng hôm nay soi sáng xuống nước Việt Nam độc lập... Trăng sáng mùa thu vằng vặc chiếu khắp thành phố, làng mạc, núi rừng, nơi quê hương thân thiết của các em...

Anh nhìn trăng và nghĩ tới ngày mai...

Ngày mai, các em có quyền mơ tưởng một cuộc sống tươi đẹp vô cùng. Mươi mười lăm năm nữa thôi, các em sẽ thấy cũng dưới ánh trăng này, dòng nước thác đổ xuống làm chạy máy phát điện; ở giữa biển rộng, cờ đỏ sao vàng phấp phới bay trên những con tàu lớn. Trăng của các em sẽ soi sáng những ống khói nhà máy chi chít, cao thẳm, rải trên đồng lúa bát ngát vàng thơm, cùng với nông trường to lớn vui tươi.

Trăng đêm nay sáng quá! Trăng mai còn sáng hơn. Anh mừng cho các em vui Tết Trung thu độc lập đầu tiên và anh mong ước ngày mai đây, những tết trung thu tươi đẹp hơn nữa sẽ đến với các em". (Thép Mới- Dẫn lại *Tiếng Việt* 4 tập 1. GD, 2005, tr. 66).

TIẾNG HÁT QUÊ HƯƠNG

"Trên đài, một người con gái nào đó vừa hát một bài dân ca của đất nước ta trong đêm khuya. Bây giờ, tất cả im lặng rồi, giọt sao ngoài khung cửa đọng lại, đứng im, không nhảy nữa, đêm đã đi vào chiều sâu mà vẫn còn nghe âm vang mãi của giọng hát của người con gái lúc nãy. Một giọng hát dân ca, ngân nga bát ngát như cánh cò trên đồng lúa miền Nam chạy tới chân trời, có lúc rụt dè e thẹn như khóe mắt người yêu mới gặp, có lúc tinh nghịch duyên dáng như những đôi chân nhỏ thoăn thoắt gánh lúa chạy trên những con đường làng trộn lẫn bóng tre và bóng nắng... Có lẽ không phải là một người con gái đã hát trên đài. Đó chính là quê hương ta đang lên tiếng hát. Tiếng ngân nga dội lên từ lòng đất, ở trong đó, một góc vườn có đôi cây sầu đông và một dàn bầu đong đưa quả nặng, một ngày đã xa, mẹ ta chôn nhúm rau của ta thuở ta mới lọt lòng. Đó là tiếng ngân của mặt đất, của dòng sông, của những xóm làng và những cánh đồng sau một ngày lao động và chiến đấu"

(Nguyên Ngọc- *Đường chúng ta đi*. Dẫn lại *Ngữ văn 7*, tập 1. GD. 2003 tr. 72)

QUÊ HƯƠNG TÔI

"Riêng tôi về làng về xứ, lúc nào tôi cũng muốn nói đến cái đẹp, cái lớn quê mình. Có lẽ vì tôi yêu quê hương thắm thiết, yêu đến độ đam mê như một kẻ si tình yêu cả cái dở của người yêu.

Tuổi thơ tôi đã hằn sâu trong ký ức những ngọn núi trông xa lấp lánh như kim cương, lúc xanh mờ, khi xanh thẫm, lúc tím lơ, khi rực rỡ như núi ngọc mầu xanh. Những năm tháng xa quê, dông tố cuộc đời tưởng chừng cuốn bay tất cả, nhưng trong tâm tư tôi những dòng sông quê mênh mông vẫn cuồn cuộn chảy, những dòng kinh biêng biếc vẫn lặng lờ trôi. Tôi yêu những cánh đồng bao la vàng rực ngày mùa, mù mù khói rạ thơm vị mía lùi và trắng xóa sương mù sau Tết. Yêu cả tiếng chuông chùa ngân thăm thẳm canh khuya. Tôi yêu ánh nắng chiều tà rải màu vàng tái trên rẫy khoai mì nghiêng nghiêng bên triền núi. Biết bao đêm trăn trở, tôi viết bao trang về con rạch nhỏ cạn lờ chảy qua bến Miễu, cát vàng xâm xấp nước. Tôi yêu màu đá xám đen, tấm phên xác xơ che nắng cho người đập đá. Tôi nhớ ngọn cỏ phất phơ giữa đồng nước lớn, cây cà na trái nặng chùm chùm, cây gáo mồ côi, cây gáo đôi im lìm xa ngoài đồng bãi. Như con chiên ngoan mơ về "Đất Hứa", tôi da diết mong gặp lại cây đa bến Miễu, cây me già Đá Chẹt, con đường quanh co lồi lõm lên Pháo Đài. Tôi nhớ những dòng nước lấp lánh từ triền đá cao ào ào đổ xuống, róc rách len vào các khe đá rồi thong thả bò qua con đường trải đá, chảy xuống xóm làng..."

(Theo *Tản văn* Mai Văn Tạo. Dẫn lại *Ngữ văn 7* tập 1, GD. 2003, tr. 89).

Đề 7- *Thuyết minh về văn học dân gian Việt Nam cho đoàn học sinh nước ngoài đến thăm trường em.*

Bài làm

Chào mừng các bạn đã đến với đất nước Việt Nam tươi đẹp của chúng tôi !

Đến với Việt Nam, các bạn đang đến với một đất nước có nền văn hóa lâu đời. Các bạn sẽ được tiếp xúc với nền văn học dân gian đặc sắc của các dân tộc trên đất nước Việt Nam. Người Việt Nam luôn tự hào vì nền văn học dân gian độc đáo của mình, vì nó phản ánh vẻ đẹp của tâm hồn con người Việt.

Thưa các bạn ! Truyện thần thoại Việt Nam kể rằng, các dân tộc Việt Nam đều có nguồn gốc từ những đứa con được sinh ra trong bọc trứng. Người bố là Lạc Long Quân thuộc họ nhà Rồng, người mẹ là Âu

Cơ, thuộc họ nhà Chim, tức giống Tiên. Cho nên, người Việt Nam luôn tự hào mình là "con Rồng cháu Tiên".

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, người Việt Nam đã luôn vươn lên để chiến thắng thiên nhiên, điều đó được ghi lại trong truyện *Sơn Tinh Thủy Tinh*. Sơn Tinh là vị thần của núi rừng; còn Thủy Tinh là vị thần trị vì sông nước.

Nhân dân Việt Nam còn luôn phải đương đầu với các thế lực ngoại xâm để bảo vệ quốc gia, lãnh thổ. Điều đó đã được phản ánh trong truyện Thánh Gióng, một cậu bé lên ba không biết nói biết cười bỗng ngồi bật dậy, trở thành tráng sĩ, nhờ ngựa sắt, giáp sắt, nón sắt, gậy sắt, đánh tan lũ giặc.

Các truyền thuyết như *Sự tích bánh chưng bánh dày, Sự tích dưa hấu, Sự tích trầu cau...* đã cho thấy dân tộc Việt Nam từ thời Hùng Vương đã có nền văn minh rất phát triển.

Rồi đất nước Việt Nam phải trải qua thời kì bi ai của lịch sử. *Truyện An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thủy* phản ánh tấn bi kịch mất nước, mở đầu thời kì một ngàn năm Bắc thuộc...

Văn học dân gian Việt Nam còn có một kho tàng truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn hết sức phong phú. Nhân dân Việt Nam đã thổi trí tưởng tượng vào các nhân vật cô Tấm, Thạch Sanh..., hun đúc thành những nhân vật tiêu biểu cho tâm hồn, nhân cách con người Việt Nam. Cô Tấm xinh đẹp, hiền thục nết na, dù phải trải qua bao thất bại cay đắng nhưng cuối cùng, nhờ Tiên Phật giúp đỡ, cũng chiến thắng mẹ con nhà Cám độc ác và trở thành hoàng hậu. Thạch Sanh tài năng, trung hậu, dẫu trải qua trăm nghìn nỗi cực khổ gian truân, cuối cùng vẫn chiến thắng Lí Thông, một kẻ gian xảo, quỷ quyệt tham lam, độc ác. Thạch Sanh được Viện Vương gả công chúa và truyền ngôi cho...

Đến với Việt Nam, ngoài những pho truyện cổ tích li kì, bạn còn được nghe cả một rừng cười (người Việt Nam gọi truyện cười là "tiếu lâm", nghĩa là "rừng cười"). Rồi bạn sẽ được tiếp xúc với cả "rừng" ngụ ngôn đầy chất trí tuệ hóm hỉnh.

Chưa hết, văn học dân gian Việt Nam còn có một kho tàng ca dao-dân ca, tục ngữ... vô cùng phong phú. Những bài ca dao được sáng tác, lưu truyền từ đời này sang đời khác. Đó là lời hát giao duyên ngọt ngào, tình tứ của vùng quê Kinh Bắc, lời ca ấm áp, mặn nồng, dịu ngọt của xứ sở miền trung, hay lời ca sầu thảm cất lên từ Đồng Tháp Mười... Khắp các miền thôn quê, đâu đâu cũng có lời ca tiếng hát, thể hiện cuộc sống nội tâm cùng các sinh hoạt văn hoá tinh thần của người Việt Nam thật là phong phú và sâu sắc.

Thưa các bạn ! Tục ngữ Việt Nam có câu: "Đi một ngày đường học một sàng khôn". Các bạn đã vượt cả ngàn dặm đường tới đây, hi vọng sẽ học được nhiều "sàng khôn", tức học được kho tàng văn hoá văn học dân gian của người Việt.

Chúc các bạn hạnh phúc và thành công !

(Bài của Nguyễn Thị Lan Vi - TP. Hồ Chí Minh.
Tư liệu do thầy Phạm Minh Diệu cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Viết bài văn thuyết minh nhằm giới thiệu một vấn đề lớn và phức tạp cho một đối tượng đặc biệt là đoàn học sinh nước ngoài..., đó là cả một công việc cực kì khó khăn.

- Giả sử cứ phân tích hay bình giảng một tác phẩm có khi lại dễ hơn!- Chắc có bạn nói thế!

Sự thực thì việc gì cũng có cái khó của nó! Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là học sinh không thể làm được. Bài viết trên đây của bạn Lan Vi cho thấy điều đó.

Cái khó là phải biết khái quát, đừng sa đà vào câu chuyện cụ thể nào, nhưng đồng thời lại cũng phải biết dừng lại, điểm qua đôi nét, sao cho từng thể loại lần lượt hiện lên với những nét chấm phá...

Đề 8 – *Hãy viết một bài văn ngắn giới thiệu về trường hoặc về lớp của anh (chị).*

Bài làm

Thưa các bạn! Trường phổ thông trung học của chúng tôi mang tên Cầm Bá Thước, nằm ở một vùng núi xa xôi của huyện T.X.

Trường đã được thành lập từ hơn bốn mươi năm trước. Từ lớp học ghép năm mươi học sinh ngày nào, đến nay trường đã có hàng ngàn học sinh trưởng thành, ra đi khắp mọi miền Tổ quốc.

Trường vinh dự được mang tên anh hùng dân tộc Cầm Bá Thước. Đó là người anh hùng dân tộc Thái đã hưởng ứng mạnh mẽ phong trào Cần Vương trong kháng chiến chống Pháp cuối thế kỉ 19. Ông là tấm gương sáng nhất trên quê hương Quế Ngọc - Châu Thường quê tôi. Là một thủ lĩnh phong trào Cần Vương của đồng bào dân tộc thiểu số, ông đã chiến đấu rất anh dũng và hi sinh ngay trên quê hương thân yêu của mình.

Trường tôi nằm trên một quả đồi thấp. Phía trước nhìn ra thị trấn Đồng Mới, phía sau là cánh rừng bạch đàn bốn mùa xanh tươi. Những

dãy nhà màu trắng xen giữa những hàng cây xà cừ xanh tươi bốn mươi tuổi quanh năm toả bóng mát. Vào những ngày sương mù, nhìn từ xa mái trường như một bản người Thái, người Mường thu nhỏ vậy. Tôi yêu trường tôi, tôi yêu quê tôi như yêu cái bản Thái chỉ vẻn vẹn có hai mươi nóc nhà và hơn một trăm người sinh sống, nghèo khổ nhưng luôn yêu đời bằng sức sống mộc mạc mà nguyên sơ.

Thầy tôi kể lại, ngày trường mới thành lập vào năm 1965, những thầy cô giáo ở miền xuôi được cử lên đây đã phải băng rừng lội suối cả ngày trời mới tìm thấy lớp học. Lớp học ngày đó chỉ là những lán trại dựng tạm bằng tranh tre nứa lá. Vì bom giặc Mĩ nên trường đã chuyển hàng chục nơi. Có lúc tưởng chừng không thể nào còn giữ được trường lớp. Thế nhưng, các thầy cô giáo đã vì học sinh thân yêu mà vượt qua tất cả để bám trường bám lớp. Mỗi khi đến chỗ đặt trường mới thầy trò lại cùng chặt gỗ, chặt nứa dựng lại cái cột, cái kèo và thế là thành trường, thành lớp.

Bao nhiêu gian nan rồi cũng được bù đắp. Khoá học sinh đầu tiên ra trường, chủ yếu là con em dân tộc thiểu số. Trong số đó có người được đi học đại học trong nước và đi du học ở Liên Xô (cũ), Những thế hệ cha anh ấy bây giờ là thầy cô giáo của chúng tôi, là những cán bộ, kỹ sư, bác sĩ, có người là thạc sĩ, tiến sĩ của các ngành khoa học. Chúng tôi đã được gặp mặt những con người ấy trong ngày kỉ niệm bốn mươi năm thành lập trường.

Trường tôi bây giờ không như ngày xưa nữa, đẹp và khang trang lắm. Những dãy nhà cấp bốn đã được thay bằng những dãy nhà cao tầng với những tiện nghi hiện đại, có bàn ghế đẹp, có điện thắp sáng, mưa gió bão lụt không còn lo sơ tán nữa. Học trò ngày một đông hơn, có rất nhiều bạn đã làm rạng danh cho trường bằng sự cần cù, thông minh và sáng tạo của mình trong học tập, có rất nhiều học sinh đạt giải cao trong các kì thi học sinh giỏi cấp tỉnh và quốc gia. Tiếng tăm của trường đã vượt qua sông Chu, qua đồi Trịnh Vạn đến với bạn bè trong cả nước. Vừa qua, một niềm vui lớn nữa đã đến với thầy trò trường chúng tôi, đó là trường được Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng ba và được công nhận là trường chuẩn Quốc gia.

Chúng tôi luôn tự hào khi nhắc đến ngôi trường thân yêu mà mình đang học tập và chúng tôi luôn tự ý thức được rằng phải học tập rèn luyện tốt hơn nữa để xứng đáng với bao thế hệ thầy cô giáo cũng như các thế hệ học sinh đi trước đã vun đắp cho mái trường này.

Nếu có dịp, mời bạn hãy đến với trường của chúng tôi.

Hướng dẫn đọc

Bài viết trên đây có mục đích giới thiệu về trường lớp. Người giới thiệu có sử dụng yếu tố miêu tả và biểu cảm, khiến cho ngôi trường hiện lên sinh động và có ý nghĩa "phô trương".

Tuy nhiên, văn viết cần hay hơn: miêu tả cần sinh động hơn, biểu cảm cần xúc động hơn. Có thế thì người nghe mới muốn đến thăm trường bạn chứ!

Đề 9- *Viết bài văn giới thiệu bức tranh chùa Một Cột.*

Bài làm

Các bạn thân mến! Mời các bạn đến với chùa Một Cột, một di tích văn hoá nổi tiếng trong lòng Thủ đô Hà Nội.

Cùng với Hồ Tây, Hồ Gươm, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh..., chùa Một Cột là một địa chỉ văn hoá, là linh hồn của Thăng Long ngàn năm văn hiến.

Nhìn tổng thể, đó là một công trình kiến trúc vừa tôn nghiêm, cổ kính vừa hết sức bình dị, mộc mạc, mô phỏng hình tượng bông sen vươn lên giữa đầm hồ. Chùa Một Cột là cụm kiến trúc gồm ngôi chùa và toà đài sen xây dựng giữa hồ vuông. Cả cụm vốn có tên gọi là chùa Diên Hựu và đài Liên Hoa. Đài này lâu nay quen gọi là Chùa Một Cột. Chùa nằm trên đất thôn Thanh Bảo, huyện Quảng Đức, phía Tây hoàng thành Thăng Long đời Lí, nay thuộc phố Chùa Một Cột, quận Ba Đình, Hà Nội, ở bên phải lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chùa hình vuông, mỗi bề rộng khoảng 3 mét, mái cong, dựng trên cột đá hình trụ. Cột có đường kính 1,2 mét, cao 4,0 mét (chưa kể phần chìm dưới đất) đỡ toàn bộ hệ thống những thanh gỗ tạo khung sườn kiên cố cho ngôi đài dựng bên trên, tựa một đoá hoa sen vươn thẳng trên khu ao hình vuông, có lan can bằng gạch bao quanh. Từ bên ngoài có lối nhỏ bằng gạch đi qua ao đến một chiếc thang xinh xắn dẫn lên Phật đài. Trên cửa Phật đài có biển đề "Liên Hoa Đài" (*Đài hoa sen*) ghi nhớ sự tích nằm mộng của vua Lí dẫn tới việc xây chùa. Sử chép: vua Lý Thái Tông (1028 - 1054) chiêm bao thấy Phật Quan Âm trên toà sen đưa tay dắt vua lên toà. Khi tỉnh dậy, vua kể cho các quan nghe, có người cho là điềm không lành. Sư Thiên Tuế khuyên nhà vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa hồ, làm toà sen của Phật Quan Âm như đã thấy trong mộng. Chùa xây xong, đài sen nghìn cánh đỡ toà Phật sắc hồng, trong đặt tượng Phật vàng lấp lánh. Các nhà sư đến làm lễ, đi vòng quanh chùa niệm phật cầu phúc cho vua sống lâu, vì thế đặt tên là chùa Diên Hựu. Sự tích ấy còn thể hiện lòng tin vào những điều tốt đẹp của Phật giáo, hướng con người đến sự thanh lọc tâm hồn, đồng thời cũng cho thấy thị hiếu thẩm mỹ của người Việt Nam ta.

Thời gian trôi qua và sự tàn phá của chiến tranh đã làm cho chùa Một Cột không còn giữ được vẻ đẹp lúc ban đầu. Tuy nhiên sức sống và linh hồn của nó thì không hề phai giảm. Đó là biểu tượng thiêng liêng cho con người Việt Nam, văn hoá Việt Nam và cả sức sáng tạo tuyệt vời

của người nghệ sĩ. Chừng nào còn những bức tranh chùa Một Cột thì chừng ấy chúng ta còn háo hức tìm hiểu những nét đẹp hoà quyện trong công trình kiến trúc độc đáo đó.

Hướng dẫn đọc

. Chùa Một Cột là linh hồn của Thủ đô Hà Nội ngàn năm văn hiến? Đúng vậy, đó là một di tích văn hoá nổi tiếng vì sự độc đáo của nó. Cho nên, giới thiệu chùa Một Cột là việc làm rất khó. Nếu hiểu quá ít về nó, không có thái độ trân trọng di tích văn hoá này..., chắc sẽ không thể giới thiệu được.

Bạn có thể dựa vào nội dung các bài đọc- hiểu, nhớ lại những bài Tập đọc ở cấp dưới, và quan trọng hơn, nên tự tìm hiểu trong sách báo, nhất là báo điện tử (mạng Internet), và nếu có dịp, hãy tới thăm chùa Một Cột để được quan sát kĩ và trực tiếp đối với di tích văn hoá có giá trị quốc tế này.

Đề 10- *Giới thiệu hình ảnh đầm sen Việt Nam.*

Bài làm

Thưa các bạn!

Đầm sen là một trong những hình ảnh gần gũi, quen thuộc với làng quê Việt Nam.

Trên khắp các làng quê Việt Nam, nơi nào cũng có hồ sen, ao sen, đầm sen...

Có một vùng quê nổi tiếng có hoa sen ngào ngạt, bát ngát một vùng đầm lầy, đó là đầm sen Tháp Mười:

"Tháp Mười đẹp nhất bông sen"

Làng tôi thuộc miền trung du, ở đó không có những cánh đồng thẳng cánh cò bay, không có những dòng sông đỏ nặng phù sa, nhưng vẫn có một đầm sen xanh biếc. Đến mùa sen nở rộ, cả một rừng hoa trắng hồng phơi dưới ánh nắng trông thật lung linh. Đâu đó trong làn gió, ta ngửi thoảng mùi hương sen dịu dàng, tinh khiết.

Không những thế, hoa sen còn được đúc thành tượng, in thành tranh..., khắp nơi, đâu đâu cũng có.

Nhiều làng quê lấy tên loài hoa vùng đầm lầy này để đặt tên, chẳng hạn như làng Sen quê hương của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Sen đi vào trong những bài dân ca tỏ tình:

"Hôm qua tát nước đầu đình

Bỏ quên chiếc áo bên cành hoa sen..."

Hình tượng hoa sen đã đi sâu vào đời sống tâm linh của người Việt Nam. Bạn đến bất cứ làng quê nào cũng có thể thấy hình tượng bông sen được gắn trên các cổng làng, đình chùa, miếu mạo... Và gần như làng nào cũng có hồ sen, đầm sen, ao sen...

Người Việt Nam luôn tự hào ví mình như những bông sen tươi đẹp và thơm ngát, bất chấp sự ô uế của môi trường xung quanh:

"Trong đầm gì đẹp bằng sen

Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng

Nhị vàng bông trắng lá xanh

Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn".

Còn đối với tôi, mỗi khi qua đầm sen của làng có một cái gì đó rất lạ như níu kéo tôi đứng lại.

Xin mời bạn hãy đến với đầm sen Việt Nam.

Đứng trước đầm sen, bạn sẽ thấy tâm hồn thư thái, sẽ nhận ra chính cốt lõi của tâm hồn mình.

(Bài của bạn Hà Minh Thư- Thanh Hóa)

Hướng dẫn đọc

Bông sen là một hình tượng đẹp, thường được nhân dân ta (và người phương Đông nói chung) sử dụng làm biểu tượng để nói về tâm hồn, cốt cách của mình.

Để viết được bài này, cần có sự hiểu biết khá sâu sắc về bông sen và văn hoá Việt Nam.

Như ta thấy đấy, bài viết trên đây đã đáp ứng được yêu cầu đó.

Đề 11- *Giới thiệu hình ảnh cánh đồng lúa quê hương bạn.*

Bài làm

Mời bạn đến quê hương tôi, bạn sẽ bắt gặp ngay những cánh đồng lúa bát ngát. Hình ảnh cánh đồng lúa từ lâu đã trở thành biểu tượng cho miền quê Việt Nam, và cũng là hình ảnh hằn sâu trong kí ức chúng tôi mỗi khi nghĩ tới quê nhà.

Cánh đồng làng tôi là một vùng đất trũng, xung quanh là đồi núi. Nhưng cánh đồng chiêm trũng ấy cũng đủ rộng để mỏi cánh cò bay....

Hàng năm, cánh đồng cho hai vụ thu hoạch: vụ chiêm bắt đầu cấy lúa từ trước Tết, khi trời còn rét căm căm, và vụ mùa thì bắt đầu cấy lúa khi trời đổ lửa tháng sáu.

Người nhà nông quê tôi xưa kia cực kì vất vả. Vùng đất ấy chưa nắng đã hạn, chưa mưa đã lụt. "Chiêm mất đằng chiêm, mùa mất mùa"! Bao nhiêu công sức cực nhọc của người nhà quê phút chốc bị nhấn chìm trong biển nước, hoặc được đền đáp bằng cái nắng hạn dai dẳng mà người xưa đã miêu tả trong chuyện *Cóc kiện trời*.

Còn bây giờ thì cả cánh đồng mênh mông lúc nào cũng sung sức nước tưới. Nào đê điều, kênh mương, lạch rãnh..., tất cả đều được xây đắp kiên cố. Và con đường nhựa liên xã rẽ đôi cánh đồng lúa có nhiều bờ vùng bờ thửa rất đẹp mắt, khiến người ta nghĩ rằng đây là một vùng quê giàu có và phát triển.

Nếu bạn về quê tôi vào vụ tháng năm, bạn sẽ bắt gặp cảnh tượng cánh đồng lúa chín. Lúa tháng năm chín từng vùng, màu lúa chín pha lẫn cái màu của nắng mùa hạ mới chói chang làm sao! Những con châu chấu, cào cào sạch sẽ và thơm tho bay lên, chui lọt cả vào tay áo của khách qua đường.

Nếu bạn về quê tôi vào vụ tháng mười, bạn sẽ thấy mùi thơm của hương cốm và lúa nếp. Chỉ mùi của rơm cũng đã thơm nồng. Lúa tháng mười chín đều. Cả cánh đồng vàng rực. Cái màu vàng không chói chang như đồng lúa chín tháng năm. Và cái nắng tháng mười cũng dìu dịu, pha lẫn cái gió khô và hanh..., thật là dễ chịu.

Còn bây giờ là cánh đồng lúa xanh mơn mởn. Người ta gọi là "lúa phất cờ", lúa "thì con gái". Vừa sau một trận mưa rào tháng ba, lúa trông sạch sẽ, khởi sắc lạ thường. Đâu đó có tiếng cò lửa, cò bợ gọi nhau "túc tục", tiếng sơn ca hót líu ríu từ trên khoảng xanh thẳm rót xuống cánh đồng bát ngát...

Và chập chờn trên khoảng rộng là mấy cánh cò trắng, vừa muốn đậu, vừa muốn bay. Cùng với chúng là những chiếc nón trắng của những mẹ, những chị đang làm cỏ, bón phân cho lúa đồng...

Những người con xa quê hương vẫn nhớ nhất hình ảnh cánh đồng lúa, bao phủ xóm làng...

Mời bạn đến với quê hương tôi, đến với những cánh đồng lúa bát ngát gắn liền với cuộc sống của những người nông dân nơi đây, nghìn đời nay, nọ vẫn sống và vươn lên bằng nghề trồng lúa nước.

(Bài do thầy giáo Phạm Minh Diệu cung cấp)

Bài làm số 2

Xin chào các bạn! Hân hạnh giới thiệu cùng các bạn một hình ảnh bình dị nhưng rất đẹp: hình ảnh cánh đồng lúa quê hương tôi.

Quê tôi là một vùng đất trũng nghèo khó, nằm cạnh dòng sông Chu. Mùa mưa, nước lên nhanh; mới hôm nay còn là đồng lúa xanh mơn mởn, ngày sau chỉ là cánh đồng trắng nước, mênh mông. Mùa nắng, lại dễ bị hạn hán, năm nào đến mùa tháng bảy, cả làng kéo nhau ra đồng dẫn nước. Nước từ con kênh được xã ưu tiên cấp cho ba ngày. Cánh đồng khô hạn, nứt nẻ, như reo ca, như một sự hồi sinh, lúa xanh hơn và lá mướt hơn. Đồng lúa quê tôi nằm kề với đồng lúa của các xã lân cận, nên trải dài ra như một tấm thảm rộng lớn, đến tận phía chân núi xa kia. Ngay từ nhỏ, cánh đồng đã mở ra trước mắt tôi một chân trời lạ lẫm và kì bí. Nhà tôi ở giữa cánh đồng, xung quanh là những thửa ruộng, dọc ngang và những con đường đầy hoa dại. Nhìn những rặng núi phía xa, tôi từng ngỡ cánh đồng như một cái hồ rộng lớn, và những dẫy núi ấy là bãi bờ xa hun hút. Những hôm sương xuống nhiều, cánh đồng phủ một màu trắng hư ảo đẹp như trong giấc mơ, và khi nắng lên lại hiện ra tươi tắn dưới ánh trời. Tôi thường gọi cánh đồng như một cô nàng đỏng đảnh, thay đổi xiêm áo từng giờ, từng ngày, từng mùa, chỉ cần nhìn vào màu áo là có thể đoán được tuổi của cô.

Khi mùa gặt xong, cánh đồng chỉ còn trơ gốc rạ, thỉnh thoảng vài con cò sà xuống lặn lội kiếm mồi. Tấm thảm vàng không còn nữa, chỉ còn một màu nâu lởm chởm, nhìn vô hồn và buồn buồn đến se lòng. Nhưng chỉ vài ngày sau, lại trở thành cánh đồng màu trắng, lúc đó là sắp đến mùa vụ mới, các bác nông dân đang làm đất để chuẩn bị cho một mùa cấy. Trên triền đê, một vạt màu xanh mơn mởn hiện lên. Đó là nơi gieo mạ!

Mùa cấy bắt đầu, và nhanh như một giấc mơ. Những thửa ruộng màu xanh cứ nhân lên theo bàn tay chăm chỉ của người nhà nông quê tôi. Mỗi ngày màu xanh ấy lại lan ra rộng hơn, xa hơn, chẳng mấy chốc cả cánh đồng lại phủ một màu xanh của mạ. Nhanh đến bất ngờ! Màu xanh ấy cứ đậm dần lên theo những cơn mưa. Có năm rét hại, những thân lúa run rẩy, còi cọc, nhiều mảnh ruộng rạc đi, lúa chết nhiều. Nhưng chỉ một thời gian, các bác nông dân kiên trì cấy lại, lúa lại vươn lên, kiêu hãnh vượt qua mùa rét. Từng ngày lúa lớn lên như một đứa con ngoan ngoãn dưới bàn tay chăm bẵm của những bác nông chuyên cần.

Khi lúa ở thì con gái, màu xanh như xanh hơn, mơn mởn, dịu dàng và tươi tắn hơn. Lúa đã biết cười, tiếng cười rì rào trong gió, những lá lúa vươn lên lung lay trước gió như những bàn tay giơ lên vẫy vẫy lúa vui như ngày hội và nặng dần bước vào mùa làm đồng đầy khó nhọc.

Sang tháng tư hạt lúa mẩy và bắt đầu phớt vàng, sự thay đổi sắc màu như một điều kì diệu mà thiên nhiên ban tặng. Màu vàng của lúa và màu vàng của nắng hoà vào nhau đẹp như trong mơ. Tôi thích ngắm nhìn đồng lúa chín dưới nắng chiều thu, cái màu vàng của nắng chiều với màu của lúa sao dịu dàng, tinh khiết đến thế. Cả cánh đồng trải dài như một tấm thảm vàng xinh xắn, rộn lên trong tôi bao tình cảm thiết tha. Mỗi ngày màu vàng ấy mỗi đậm hơn, cánh đồng như một biển vàng lấp lánh. Mùa gặt bắt đầu rộn ràng và tấp nập. Mùi gạo mới, mùi rơm mới quện thơm, đưa hương trên khắp xóm làng. Xa xa là những cánh diều, những đàn bò thong thả cúi đầu gặm cỏ. Tiếng cười của lũ trẻ giòn tan bay giữa ánh hoàng hôn.

Tôi đứng trên bờ đê, nhìn cánh đồng sau một mùa gặt, bình lặng quá! Tôi lại hình dung một mùa mới, cảm tưởng như ngày qua ngày cánh đồng lại sinh sôi màu xanh lại trỗi dậy và cánh đồng lại vàng như bao mùa đã đi qua, bền bỉ và đầy thơ mộng, như một sự đáp đền công lao không quản nắng mưa của con người quê tôi.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Cả hai bài viết trên đây đều giới thiệu hình ảnh đồng lúa Việt Nam. Cả hai đều giới thiệu những cánh đồng vùng chiêm. Rất tiếc chưa sưu tầm được những bài giới thiệu những cánh đồng lúa bát ngát Nam Bộ hoặc những cánh đồng châu thổ sông Hồng. Cũng có thể giới thiệu những cánh đồng trên thửa ruộng bậc thang. Và tôi còn thấy cả những nơi trồng lúa nương trên núi cao rất đặc trưng cho miền núi, có thể giới thiệu những cánh đồng lúa nương ấy, sẽ rất hấp dẫn đấy.

Mỗi miền quê đều có những cánh đồng lúa với những đặc trưng riêng. Bạn có thể giới thiệu về nó để các bạn nơi khác cùng biết. Chỉ xin lưu ý là văn giới thiệu (tức thuyết minh) không phải là văn miêu tả hay văn biểu cảm. Trong văn giới thiệu, cần nêu lên những nét chính về đối tượng. Có thể sử dụng các yếu tố miêu tả, kể chuyện, biểu cảm, nhưng đừng sa vào các thể văn này.

Trên đây có những đoạn sa vào miêu tả và biểu cảm. Hãy tìm và rút kinh nghiệm cho bài viết của bạn.

Đề 12- *Giới thiệu hình ảnh con trâu trên đồng ruộng.*

Bài làm

Thưa các bạn !

Con trâu trên đồng ruộng là một hình ảnh rất gần gũi với người nông dân Việt Nam. Người nông dân xưa vẫn thường hát:

"Trâu ơi ta bảo trâu này
Trâu ăn no cỏ, trâu cày với ta
Cấy cày vốn nghiệp nông gia
Ta đây, trâu đấy ai mà quản công..."

(Ca dao)

Từ thời xa xưa, hình ảnh người nông dân cùng con trâu, vất vả một nắng hai mưa trên cánh đồng đã trở nên rất quen thuộc:

"Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày..."

(Ca dao)

Thế rồi hình ảnh mục tử, mục đồng (đứa trẻ chăn trâu) véo von tiếng sáo giữa buổi chiều tà đã trở thành hình ảnh tượng trưng cho cuộc sống yên bình nơi thôn dã:

"Gác mái ngư ông về viễn phố
Gõ sừng mục tử lại cô thôn..."

(Bà Huyện Thanh Quan)

Về với làng quê Việt Nam, chúng ta dễ dàng bắt gặp hình ảnh con trâu đang cày bừa, hoặc đang ăn cỏ trên đồng ruộng.

Người nông dân có câu: "Con trâu là đầu cơ nghiệp". Trong tình trạng sản xuất nông nghiệp còn ở trình độ thủ công, con trâu đúng là "cơ nghiệp" của nhà nông. Giờ đây, với tốc độ công nghiệp hóa nhanh chóng, cái cảnh "con trâu đi trước, cái cày theo sau" sẽ dần dần không còn nữa.

Nhưng hình ảnh con trâu trên đồng ruộng đã đi vào tâm thức của bao thế hệ người Việt Nam:

"Ai bảo chăn trâu là khổ ?
Tôi mơ màng nghe chim hót trên cao"

(*Quê hương*- Giang Nam)

Mời bạn đến với đồng ruộng Việt Nam để được chứng kiến tận mắt cái cảnh thái bình yên ả,"trẻ dắt trâu về tiếng sáo bay"...

(Bài viết của Phạm Hoàng Lan)

Hướng dẫn đọc

Có thể thấy bài viết trên đây có rất nhiều ưu điểm.

Trước hết, bạn ấy đã có cái nhìn tổng quát để biết ý nghĩa của hình ảnh con trâu trên đồng ruộng Việt Nam. Lại cũng biết rất rõ rằng, trong thời kì công nghiệp hoá, hình ảnh con trâu có thể khác trước nhưng nó đã đi vào tâm thức của người Việt. Đặc biệt, bạn ấy còn biết đến ý nghĩa của những câu thơ viết về mục đồng, tiếng sáo... nói lên cuộc sống thái bình yên ả nơi thôn quê...

Kể ra viết như thế cũng thật là "già" ! Nhưng tôi vẫn ước giá như tất cả học sinh lớp 10 đều biết được ý nghĩa văn hoá- văn học của các hình ảnh mang đậm chất dân tộc và truyền thống này.

Đề 13- *Giải thích và làm sáng tỏ ý nghĩa của câu ngạn ngữ: "Học vấn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào".*

Bài làm

Để có được thành công, con người phải không ngừng học hỏi, tìm kiếm, thậm chí phải đổ cả mồ hôi, nước mắt. Để động viên mọi người học tập, phấn đấu, ngạn ngữ xưa từng có câu: "Học vấn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào". Đây chính là bài học kinh nghiệm mà người xưa muốn gửi gắm cho thế hệ mai sau.

"Học vấn" là một vấn đề đáng quan tâm nhất của mọi thời đại. Để phát triển, con người phải không ngừng học hỏi, khám phá để chinh phục những chân trời đầy bí ẩn. "Học vấn" là học hỏi, là sự tìm tòi, khám phá và là con đường chiếm lĩnh tri thức của nhân loại. Nhưng con đường chiếm lĩnh ấykhông bằng phẳng. "Chùm rễ đắng cay" ở đây là hình ảnh nói đến sự vất vả, khổ cực. "Rễ" là cái gốc, cái xuất phát, cái nền tảng của sự phát triển. Còn "đắng cay" là từ tượng trưng cho gian khổ, khó khăn vất vả của con người. "Chùm rễ đắng cay" được hiểu là những gian khổ, khó khăn, có khi là cả sự thất bại cay đắng. Hình ảnh này tượng trưng cho những bước kiếm tìm, khám phá. Để đạt được mục đích, con người phải miệt mài vượt qua bao thử thách.

Đối lập với "đắng cay" là một kết quả "ngọt ngào". Như một quy luật tất yếu "trồng cây đến ngày hái quả"- thứ quả mà con người trồng bằng bao đắng cay, gian khổ cũng đến ngày chín. "Hoa quả ngọt ngào" là cụm

từ chỉ thành quả của một quá trình học tập, nghiên cứu để làm chủ được tri thức. "Ngọt ngào" cũng là từ nói về cảm giác. Thú vị là cảm giác "đắng cay" nói về rễ, còn "ngọt ngào" nói về "hoa quả", đó đều là những cảm giác có thật, và ở đây chúng được dùng theo nghĩa ẩn dụ. "Hoa quả ngọt ngào" tượng trưng cho những thành quả mĩ mãn, đúng như mong ước. Đó là những kết quả vinh quang và hiển hách, là sự đền bù xứng đáng cho những con người biết vượt khó.

Bằng cách nói đầy hình ảnh, câu ngạn ngữ đã làm thành một lời nhắc nhở, khuyên răn: muốn thành công, con người phải trải qua vô vàn gian khó. Càng khó khăn bao nhiêu thì cái đích thắng lợi càng vinh quang bấy nhiêu. Tục ngữ xưa cũng từng khuyên: "Có công mài sắt có ngày nên kim". Người xưa khuyên chúng ta phải biết kiên trì, học tập, tu dưỡng, biết chờ đợi biết vượt lên mọi khó khăn thì thành công nhất định sẽ tới.

Chân trời kiến thức của nhân loại tuy bao la vô tận, để chinh phục được nó không phải là điều dễ dàng. Có người phải bỏ cả tuổi xuân của mình, có người phải hi sinh tình cảm riêng tư, có khi phải đổ mồ hôi, xương máu... để thử nghiệm một vấn đề nào đó. Và không phải bao giờ cũng thành công. Nhiều người trong số họ đã phải chịu thất bại cay đắng. Nhưng cũng có nhiều người cuối cùng đã thành công. Bù lại những công lao và cả sự mất mát, họ sẽ hái được "hoa quả ngọt ngào". Nguyễn Ngọc Kí từng là một cậu bé bị liệt hai tay, nhưng cậu đã dùng đôi chân để tập viết. Nhiều lúc cậu tưởng chừng phải bỏ cuộc. Nhưng bằng nghị lực phi thường Nguyễn Ngọc Kí đã thành công.

Mạc Đĩnh Chi từng là cậu bé nhà quê học bằng ánh đèn đom đóm, nhưng cuối cùng đã thành tài, đỗ Trạng nguyên. Để có được thành công đó, Mạc Đĩnh Chi đã không quản khó khăn, học tập và rèn luyện với một nghị lực phi thường. Phải nói rằng, nghị lực con người sẽ làm nên tất cả.

Hiện nay trong nhà trường, học sinh được trang bị kiến thức bằng nhiều môn học, thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau: Văn, Sử, Địa, Toán, Lí, Hoá, Sinh... Đó chính là cơ hội tốt để học sinh tự trang bị cho mình những kiến thức trước khi bước vào đời.

Dù có khó khăn đến đâu cũng phải phấn đấu để học tốt.

Ý nghĩa của câu ngạn ngữ vô cùng to lớn, nó giúp chúng ta biết tin vào ngày mai, tin vào cuộc sống. Dù ngày hôm nay, chúng ta vất vả học hành, nhưng ngày mai chúng ta có kiến thức để vào đời.

Có thể nói, câu ngạn ngữ là lời răn dạy, khuyên nhủ, cũng là lời tâm tình của người xưa dành cho chúng ta hôm nay. Đó là bài học kinh nghiệm mà bao thế hệ đi trước đã đúc kết nên. "Học không bao giờ là

muộn", vì "học vấn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào".

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Bài làm số 2

Có người nói: thiên tài có 1% là bẩm sinh còn 99% là mồ hôi và nước mắt.

Thật vậy, kiến thức không tự nhiên mà đến với mỗi con người. Để sáng tác những bài nhạc bất hủ như Mô-da, sáng tạo những phát minh khai sáng loài người như Ga-li-lê, Ê-đi-xơn, viết những áng thơ làm rung động trái tim như Ta-go, Pu-skin,... thì đến 99% những thành tựu của họ là mồ hôi và nước mắt. Thành công không đến với con người như một trái táo chín rụng cành mà là quá trình chinh phục, là một con đường dài, đầy trắc trở nhưng phía trước lại tràn ngập ánh sáng. Đúng như câu ngạn ngữ Hi Lạp nói: *"Học vấn có chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào"*.

Ông cha ta có câu: "Nhân bất học bất tri lí" (Người không học thì không biết lí lẽ). Vì vậy đã sinh ra là con người phải có học, kẻ không biết lí lẽ thì đâu có thể coi là ***Con Người*** đúng nghĩa.

Học vấn là trình độ hiểu biết của con người. Trình độ hiểu biết gắn liền với quá trình học hỏi, nghiên cứu và nâng cao. Quá trình này chẳng phải ngày một, ngày hai mà có được, nó kéo dài thậm chí cả đời người.

Kiến thức là biển rộng, trời cao, là vũ trụ bao la. Càng hiểu biết nhiều, con người càng nhận ra mình quá nhỏ bé trong kho tàng tri thức của nhân loại. Học vấn không chỉ bó hẹp trong phạm vi sách vở, trong một lĩnh vực nào đó. Tất cả những hiểu biết và những điều chưa được khám phá tận cùng đều là tri thức.

Cã danh ngôn nói rằng:*"Bộ lông làm đẹp con công, học vấn làm đẹp con người"*. Nhờ chiếm lĩnh được những tri thức, mà con người từ ăn hang ở lỗ đã tiến đến văn minh như ngày nay, từ nương nhờ thiên nhiên đến bắtt thiên nhiên phục vụ cuộc sống của mình... Tất cả đều nhờ khao khát khám phá mãnh liệt kho tri thức bao la vô cùng vô tận của nhân loại. Thế mới biết: *"Có học thì như lúa như nếp, không học thì như rơm như cỏ"*.

Khát vọng chinh phục thúc đẩy con người chiếm lĩnh những tầm cao tri thức. Nhưng đây là con đường đầy chông gai. Người dễ nản lòng, nản chí, không thể đi đến tận cùng. Không ít người đó bỏ cuộc vì không đủ điều kiện và lòng kiên nhẫn... Cũng không ít người bị vấp ngã, thất bại

không đứng lên được. *"Chùm rễ đắng cay"* của học vấn không biết kể đâu cho hết. Đó là khó khăn, vất vả, là thất bại. Tuy nhiên, cũng có nhiều người đã thành công nhờ có nghị lực, có lòng kiên nhẫn..

Nhiều nhà văn, nhà thơ lớn xuất thân từ tầng lớp bình dân, nên họ rất nghèo. Ô.Ban-zắc luôn nợ nần chồng chất, phải gắn mình trên bàn viết 20 tiếng mỗi ngày, nhưng lao động nghệ thuật nghiêm túc cộng với quyết tâm, nỗ lực cao độ đã giúp ông thành công. U. Sếch-xpia, cha đẻ của nền sân khấu thế giới, cũng xuất thân là người trông ngựa cho rạp hát. M. Goóc-rki, người mở đầu cho khuynh hướng văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa ở Nga cũng xuất thân là người thợ, từng làm đủ nghề để kiếm sống... Tất cả những danh nhân ấy xứng đáng để người đời sau tôn thờ vì sự nỗ lực vươn lên, vượt qua cả những "chùm rễ đắng" để hái được những chùm "hoa quả ngọt ngào".

Bát cơm manh áo đã từng làm bận lòng biết bao nhà văn, nhà thơ Việt Nam trước cách mạng tháng Tám. Xuân Diệu đó từng viết:

"Cơm áo không đùa với khách thơ"

Thế nhưng, những nghệ sĩ ấy đâu có chịu khuất phục. Họ đã không ngừng học tập, rèn luyện trình độ, nhân cách, ngòi bút của mình để viết nên những tác phẩm lớn cho dân tộc và cho nhân loại.

Một minh chứng điển hình cho tinh thần học tập là Bác Hồ kính yêu của chúng ta. Dù làm phụ việc trên tàu, làm anh quét tuyết ở công viên, làm thợ ảnh, nhà báo... Bác đều nghiêm túc, nỗ lực học tập hết mình. Bác học ngoại ngữ, học viết văn, làm báo, nghiên cứu chủ nghĩa tư bản, tiếp thu học thuyết Mác - Lê-nin... Một mình Bác bôn ba khắp năm châu để cuối cùng tìm được con đường cho Cách mạng Việt Nam. Người là vị lãnh tụ ưu tú của dân tộc, là một trong số ít những lãnh tụ không cần đến người phiên dịch khi tiếp khách nước ngoài, là một nhà thơ tài hoa, một nhà báo điêu luyện. Tất cả đều bắt đầu từ *"chùm rễ đắng cay"* nhưng lại cho *"hoa quả ngọt ngào"*.

Trong quá trình phấn đấu học tập, ngoài những khó khăn từ ngoại cảnh, khó khăn từ bản thân mình mới chính là kẻ thù đáng sợ nhất. Biết bao tấm gương đã vượt lên trên khó khăn của bản thân mình, chiến thắng chính bản thân mình để dành được thành công viên mãn.

Người tham lam là người không muốn trồng cây nhưng lại muốn hái quả. Người dễ nhụt chí là người biết trồng cây nhưng không biết chăm bón. "Hoa quả ngọt ngào" cuối cùng chỉ dành cho người biết vun trồng bằng sự nỗ lực và cố gắng.

Trong thời đại văn minh hiện nay, kinh tế càng phát triển, vấn đề tri thức, học vấn càng trở nên quan trọng, cần thiết hơn. Vì vậy, chúng

ta, những con người của thế kỉ mới, dù ở đâu, lúc nào cũng luôn ghi nhớ một chân lí: *"Học vấn có chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào"*.

(Bài của Nguyễn Thanh Thủy do thầy giáo Lê Hồng Chính cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Nội dung bài nghị luận xoay quanh vấn đề khắc phục khó khăn, chiếm lĩnh tri thức để cuối cùng đạt được thành công.

Cả hai bài viết trên đều đã cố gắng huy động những kiến thức và lí lẽ cần thiết để giải thích và chứng minh cho luận điểm trên.

Tuy nhiên, cả hai bài đều bộc lộ những điểm yếu đáng lẽ có thể khắc phục được. Giả như các bạn ấy cứ trình bày mạch lạc theo hai ý:

- Giải thích rõ ràng ý nghĩa của câu danh ngôn.

- Chứng minh cho nội dung câu danh ngôn ấy.

Như vậy thì bài viết chắc sẽ mạch lạc hơn.

Phần chứng minh, giá có nhiều tư liệu hơn và chọn lọc hơn, chắc sẽ có sức thuyết phục.

Cuối cùng, văn nghị luận cần có lập luận sắc sảo hơn chút nữa.

Tuy nhiên, bước đầu học viết văn nghị luận, viết được như thế cũng đã tương đối khá rồi. Chúc các bạn vượt qua "những chùm rễ đắng" để có được "hoa quả ngọt ngào"!

Đề 14- *Nhận xét về nội dung câu tục ngữ: "Học thầy không tày học bạn".*

Bài làm

Cuộc sống là một bài học lớn mà ở đó con người không ngừng học tập. Quá trình ấy được nhân dân phản ánh vào tục ngữ thông qua những kinh nghiệm. Hàng loạt những câu tục ngữ về việc học được đúc kết từ thực tiễn và sự trải nghiệm trở thành những bài học quý giá cho các thế hệ con cháu mai sau. "Học thầy không tày học bạn" là câu tục ngữ có giá trị thực tiễn cao và được vận dụng rất nhiều trong cuộc sống.

Truyền thống hiếu học là một trong những truyền thống tốt đẹp, lâu đời, và là vẻ đẹp văn hoá của người Việt. Truyền thống ấy được thể hiện cụ thể trong mọi lĩnh vực cuộc sống. Từ việc nhỏ đến việc lớn, tất cả đều cần phải được học tập, cần phải có người dạy, người hướng dẫn.

Nhân dân ta có câu: "Học ăn, học nói, học gói, học mở". Thật vậy, ăn cũng phải học.

Vì thế vai trò, vị trí của người thầy rất được đề cao trong ý thức của nhân dân: "Không thầy đố mày làm nên".

Tuy nhiên, trong phương pháp học tập, cái nhìn của nhân dân không chỉ coi việc học bó hẹp ở chỗ "học thầy". Cần phải học bạn bè xung quanh mình.

"Học thầy" cố nhiên là rất quan trọng, nhưng "học bạn" còn có ý nghĩa thiết thực hơn nhiều: "Học thầy không tày học bạn".

"Học thầy" theo lối học xưa là việc tiếp thu lí thuyết, học lí luận, học chữ nghĩa của Thánh Hiền. "Không tày học bạn" tức là "không bằng học bạn". Đây là cách nói đề cao lối học thực tiễn, coi trọng thực tế. Chính "học bạn" là học trong thực tế, lấy bạn để làm gương, lấy bạn để soi lại mình, mới thấy rõ cái yếu, cái mạnh của mình.

Việc "học thầy" chủ yếu diễn ra trong môi trường dạy học, tức là trong lớp, trong trường. "Học bạn" không chỉ diễn ra trong trường, trong lớp mà có thể diễn ra ở nhiều lúc, nhiều nơi. Theo đó, nội dung chính của câu tục ngữ khuyên người ta không nên chỉ biết coi trọng lí thuyết mà phải quan tâm đến thực tế. Đúng như Bác Hồ đã dạy: "Học trong sách vở, học trong thực tế cuộc sống, học trong nhân dân".

Với tư tưởng ấy, câu tục ngữ không hề đi ngược lại truyền thống tôn sư trọng đạo của người Việt mà còn thể hiện cái nhìn biện chứng, linh hoạt của nhân dân trong học tập. Đó là một bài học quý giá của cha ông để lại cho con cháu muôn đời.

(Theo thầy giáo Lê Hồng Chính)

Hướng dẫn đọc

Bài văn có yêu cầu nghị luận: nhận xét về một vấn đề thuộc nội dung và phương pháp học tập.

Bài viết cũng đã cố gắng huy động một số kiến thức cần thiết.

Tuy nhiên, kiến thức còn nghèo, cách trình bày lại chưa mạch lạc.

Xin bật mí rằng: bài viết có thể theo dàn ý sau:

+ Giải thích thế nào là "học thầy không tày học bạn"? (Học thầy không bằng học bạn).

+ Vì sao "học thầy" lại " không tày học bạn"? (Học thầy theo cách học xưa chủ yếu là học lí thuyết; học bạn là học thực hành, học trong thực tế. Vậy học thực tế, thực hành hơn học lí thuyết)

+ Chứng minh: tất cả những người thành công trong sự nghiệp lớn đều học trong thực tế (học bạn).

Đề 15- *Giải thích và chứng minh câu tục ngữ: "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn".*

Bài làm

Tục ngữ Việt Nam giàu có, óng ánh sắc màu trí tuệ. Nó đúc rút kinh nghiệm quý báu trong dân gian. Là bài học nhân sinh, là cách ứng xử... nó dạy khôn, dạy khéo để làm người. Chỉ một chuyện học mà nhân dân ta có bao nhiêu câu tục ngữ mang tính giáo dục sâu sắc. Một trong những câu tục ngữ đó là câu:

"Đi một ngày đàng, học một sàng khôn".

Chúng ta cần hiểu câu tục ngữ này như thế nào cho đúng và đầy đủ?

"Một ngày" so với một năm là ngắn, "một ngày" trong một đời người trăm năm là vô cùng ngắn. "Đi một ngày đàng" đối với khách bộ hành thì quãng đường đi được có đáng là bao? Thế nhưng nhân dân ta lại khẳng định là "học một sàng khôn". "Khôn" là điều hay, điều tốt, cái mới mẻ rất bổ ích đối với mọi người để mở mang trí tuệ, trau dồi nhân cách. "Sàng" là công cụ lao động, đan bằng tre, nứa của nhà nông dùng để sàng gạo. "Sàng khôn" là biểu tượng chỉ khối lượng kiến thức rất lớn, rất nhiều mà người bộ hành đã "học" được sau một hành trình, "đi một ngày đàng".

Tóm lại, câu tục ngữ có hai vế tương phản đối lập với cách nói thậm xưng trong mối tương quan hai vế: đi ít mà học được nhiều, qua đó khẳng định một chân lí, đề cao một bài học kinh nghiệm, nhằm khuyên nhủ mọi người biết đi nhiều mở rộng tầm mắt và sự hiểu biết, sống nhiều, học giỏi trong thực tế cuộc sống.

Tại sao "đi một ngày đàng" lại học được "một sàng khôn"? Câu tục ngữ "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn" là hoàn toàn đúng! Học ở trường lớp, học trong sách vở, học thầy, học bạn. Chúng ta còn cần hải biết học hỏi trong thực tế cuộc sống rộng lớn của xã hội. Nhân dân là ông thầy vĩ đại của mỗi chúng ta. Học tập trong thực tế cuộc sống là phương thức học tập khoa học nhất: học đi đôi với hành, học tập gắn liền với lao động sản xuất và hoạt động xã hội. Nếu chỉ biết quanh quẩn trong bốn bức tường lớp học, cách học tập như thế đã xa rời cuộc sống, học sinh bước vào đời sẽ lúng túng, thiếu năng động. Cá không thể xa rời nước, chim không thể thoát li bầu trời, người đi học cũng vậy, học tập cũng không thể tách rời thực tế cuộc sống muôn màu muôn vẻ của xã hội.

Đi rộng biết nhiều, "đi một ngày đàng" tầm mắt được mở rộng, thấy được bao cảnh lạ, tiếp xúc được nhiều người, nghe được bao điều hay

lẽ phải của thiên hạ. Từ đó mà biết suy xét: xa lánh điều xấu kẻ xấu, học tập cái hay, noi gương người tốt việc tốt; "học một sàng khôn" là như vậy.

"Đi một ngày đàng, học một sàng khôn" là cách học tập và giáo dục kết hợp chặt chẽ giữa ba môi trường: gia đình – nhà trường – xã hội. Kiến thức sách vở được củng cố khắc sâu. Sự hiểu biết được mở rộng và nâng cao. Cùng với trang sách học đường, ta có thêm pho sách cuộc sống muôn màu muôn vẻ.

Những hoạt động của thầy và trò như ngoại khoá, cắm trại, đi tham quan là rất bổ ích. Nó đem lại nhiều sinh khí cho trường học. Học sinh được đến với đồng quê, nhà máy, danh lam thắng cảnh... mà thêm yêu nhân dân lao động, tự hào với nhân dân đất nước. Đi hội Lim ta thấy được cái hay của câu hát "liền anh liền chị" "Bèo dạt mây trôi" làn điệu dân ca quan họ tuyệt vời. Đến với đền Hùng, ta trở về cội nguồn, lòng ta xôn xao bài ca tình nghĩa:

"Ai về Phú Thọ cùng ta
Nhớ ngày giỗ Tổ tháng ba mùng mười.
Dù ai đi ngược về xuôi,
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba"

Đến với Ba Đình lịch sử, viếng lăng Bác Hồ, xúc động trước cuộc đời cách mạng sôi nổi, phong phú của lãnh tụ, mỗi học sinh chúng ta mới thấy hết cái hay của vần thơ Viễn Phương:

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng,
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ"

(*Viếng lăng Bác*)

Thi hào Nguyễn Du đã từng viết "Nghe khúc hát thôn quê mới thấy được lời nói trong nghề trồng dâu, gai". Văn hào Go-rơ-ki tuy chưa bước qua ngưỡng cửa trường đại học, nhưng nhờ tự học mà đã trở thành một danh nhân văn hoá thế giới và ông đã từng nói: "Dòng sông Vôn-ga và thảo nguyên mênh mông là những trường đại học của tôi".

"Đi một ngày đàng, học một sàng khôn" là một bài học vô cùng sâu sắc đối với mỗi người. Sau thời cắp sách là thời làm ăn và tự học, học trong công việc, học trong cuộc đời. Và có đi nhiều, có sống nhiều, lăn lộn với đời mới biết đường đi khó, lắm thử thách gian nan. Phải có quyết tâm vượt khó, có bản lĩnh thì chúng ta mới có thể chiếm lấy tầm cao để thực hiện hoài bão của mình:

"Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng;

Núi cao lên đến tận cùng,

Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non"

(*Đi đường* – Hồ Chí Minh)

Câu tục ngữ trên cho ta thấy đầu óc thực tế của người lao động. Nhân dân ta hiếu học, nhưng thuở xưa, mấy ai được cắp sách đến trường? Cho nên trong dân gian lưu truyền nhiều câu tục ngữ đề cao việc học hỏi trong thực tế cuộc sống.

"Đi một buổi chợ, học một mớ khôn.

Qua một chuyến đò ngang, học một sàng mới lạ.

Ở nhà nhất mẹ nhì con,

Ra đường còn lắm kẻ giòn hơn ta..."

Trên con đường học tập đi tới ngày mai tươi đẹp, học sinh chúng ta phải chăm chỉ, cố gắng, coi "sách vở là vũ khí, lớp học là chiến trường" như A-mi-xi đã dạy. Phải khắc sâu vào trái tim: "Không thầy đố mày làm nên", "Học thày không tày học bạn". Phải coi trọng lời khuyên của ông bà cha mẹ: "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn". Chỉ có điều là phải khiêm tốn, biết quan sát, lắng nghe, biết suy ngẫm thật, giả, tốt, xấu v.v... thì việc học hỏi trong thực tế cuộc sống mới thu được nhiều điều "khôn" mà ta hằng mong muốn.

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. NXB ĐHQG Hà Nội, 2006, tr. 51).

Đề 16- *Phân tích tác dụng của yếu tố kì ảo trong truyền thuyết "An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thuỷ".*

Bài làm

An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thuỷ là một trong những truyền thuyết đặc sắc của người Việt Nam. Ở đó, sức hấp dẫn không chỉ được tạo nên bởi tính chất bi tráng của sự thực lịch sử mà một phần là nhờ sự có mặt của yếu tố kì ảo.

Cũng như nhiều truyền thuyết khác, yếu tố kì ảo trong truyền thuyết *An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thuỷ* là một "đường viền" không thể thiếu trong diễn biến của câu chuyện mất nước. Câu chuyện bắt đầu từ việc xây thành giữ nước của An Dương Vương. Công việc xây thành thất bại, mọi chuyện sẽ rơi vào bế tắc nếu như không có sự động lòng của yếu tố thần linh. Cụ già bí ẩn từ phương Đông tới mách bảo sứ Thanh Giang sẽ giúp vua xây thành. Sứ Thanh Giang hiện thân trong hình hài của Rùa Vàng xuất hiện, mọi khó khăn trong xây thành được

giải quyết, thành được xây xong nhanh chóng. Đó là lần thứ nhất yếu tố kì ảo thể hiện vai trò của mình.

Hiện hình trong sứ mệnh của Rùa Vàng, yếu tố thần kì lại giúp An Dương Vương làm lẫy nỏ. Nỏ thần được làm bằng lẫy của Rùa Vàng. Lẫy nỏ thần có một sức mạnh kì diệu. Quân Triệu Đà ồ ạt, hung hãn kéo sang xâm lược. Thế giặc mạnh như vũ bão. Nhưng chỉ ngay lần đầu chiến đấu, Loa thành đã chiến thắng lẫy lừng. Sức mạnh ấy có được chính là nhờ có nỏ thần mà Rùa Vàng đã giúp đỡ. Lần thứ hai, yếu tố thần kì đã tỏ rõ sức mạnh của mình. Nhờ vào yếu tố kì ảo này, nhân dân đã lí giải được nguồn gốc của những chiến thắng kì diệu đã từng có trong lịch sử dân tộc, đồng thời cũng thể hiện được thái độ ủng hộ, tôn vinh của mình đối với một nhà vua biết chăm lo công việc của đất nước.

Sau chiến thắng là câu chuyện về âm mưu và tình yêu, câu chuyện của bài học cảnh giác. Sự ỷ lại vũ khí mạnh và mất cảnh giác của An Dương Vương, sự cả tin ngây thơ của Mỵ Châu vào tình yêu đã dẫn đến một bi kịch đau thương. Loa Thành thất thủ, cha con An Dương Vương bỏ chạy nhưng giặc vẫn đuổi sau lưng. Một lần nữa, Rùa Vàng- yếu tố kì ảo- lại xuất hiện.

An Dương Vương sau khi chém con gái, cầm sừng tê bảy tấc theo Rùa Vàng rẽ nước đi xuống biển. Người anh hùng không chết như trong sự thực lịch sử. Ông đi vào một thế giới khác, thế giới của thần linh, của sự bất tử. Kết thúc câu chuyện như vậy, cùng với yếu tố kì ảo ấy đã làm giảm bớt sự đau thương, giảm bớt nỗi xót xa trước bi kịch lịch sử. Yếu tố kì ảo ấy cũng phản ánh ý nguyện, lòng biết ơn của nhân dân đối với An Dương Vương.

Còn Mỵ Châu và Trọng Thuỷ, hai nhân vật chính trong câu chuyện tình yêu, mỗi người có một kết cục riêng. Mỵ Châu biến thành châu ngọc. Trọng Thuỷ gửi hồn vào nước giếng. Hình ảnh châu ngọc cũng như nước giếng có hồn là những yếu tố kì ảo, thể hiện thái độ bao dung của nhân dân ta đối với cả hai nhân vật.

Với Mỵ Châu, mặc dù nàng bị kết tội là "giặc "nhưng chỉ vì ngây thơ, cả tin mà vô tình đã trở thành phản quốc. Tuy nhiên, tấm lòng của nàng thì vẫn trong sáng và long lanh như ngọc trai biển Đông.

Với Trọng Thuỷ, tuy là một kẻ phản bội tình yêu, vong ân bộ nghĩa với An Dương Vương, nhưng xét cho cùng, Thủy cũng là kẻ nặng tình, cho nên mới ngày đêm tưởng nhớ Mỵ Châu, rồi nhảy xuống giếng mà chết. Chuyện kể: Thủy thấy hồn Mỵ Châu dưới giếng nước, thương nhớ không cùng, liền nhảy xuống chết theo nàng. Có bản kể hồn Mỵ Châu dìu chết Trọng Thủy. Cả hai bản kể đều sử dụng yếu tố kì ảo: đó là hồn ma Mỵ Châu. Rồi tính chất kì ảo cuối cùng là việc đem ngọc trai dưới biển Đông,

rửa vào giếng nước Trọng Thuỷ, ngọc trai sẽ sáng hơn lên. Tất cả những yếu tố kì ảo ấy đều là sản phẩm của trí tưởng tượng, dù hoang đường nhưng nó cũng phản ánh tấm lòng, thái độ đánh giá của nhân dân lao động thời xưa đối với các nhân vật này. Có thể nói, đó là tấm lòng bao dung, vị tha, nhân hậu đối với con người.

Rõ ràng, với sự có mặt của yếu tố thần kì, những câu chuyện lịch sử đã thực sự trở nên sinh động, hấp dẫn. Nó là sản phẩm của trí tưởng tượng, là đôi cánh nghệ thuật giúp cho hình tượng trở nên lung linh, rực rỡ và thiêng liêng. Nó cũng phản ánh tình cảm, thái độ của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử.

Hướng dẫn đọc

Trong truyền thuyết, yếu tố kì ảo vừa là phương tiện nghệ thuật, vừa là nội dung thể hiện sự lí giải của nhân dân lao động đối với những sự thực lịch sử và cũng thể hiện nguyện vọng của nhân dân đối với các nhân vật, sự kiện...

Trong truyện An Dương Vương, yếu tố kì ảo cũng đóng vai trò quan trọng, nhằm giải thích những nguyên nhân thành công hay thất bại của vua An Dương Vương, đồng thời cũng thể hiện thái độ, cách đánh giá của nhân dân đối với các nhân vật chính trong truyện.

Yếu tố kì ảo cũng chính là sản phẩm của trí tưởng tượng giúp cho câu chuyện thêm li kì và hấp dẫn.

Bài viết trên đây chỉ ra được một cách khá rõ ràng những yếu tố kì ảo trong truyện, thấy được vai trò của chúng trong việc thể hiện nội dung và đó cũng chính là tác dụng nghệ thuật của những yếu tố kì ảo.

Bài viết tuy khá tốt, nhưng theo tôi vẫn hơi "già", và cũng cần mạch lạc hơn chút nữa.

Đề 17- *Qua đoạn trích "Đẻ đất đẻ nước" của dân tộc Mường, nêu nhận xét của em về quan niệm của nhân dân lao động thời xưa về nguồn gốc vũ trụ.*

Bài làm

Đẻ đất đẻ nước là bộ sử thi thần thoại của dân tộc Mường. Khác với sử thi anh hùng, nội dung chủ yếu của sử thi thần thoại là tập trung phản ánh sự lí giải của nhân dân về quá trình hình thành vũ trụ, thiên nhiên, con người và xã hội. *Đẻ đất đẻ nước* cũng đã phản ánh những vấn đề ấy. Đoạn trích "Đẻ đất đẻ nước" thuộc chương mở đầu của tác phẩm sử thi này.

Xuất phát từ những cái đã có, đã biết, người Mường muốn tìm hiểu và lí giải ngọn nguồn của vũ trụ, trời đất, cỏ cây, thiên nhiên và cuộc sống xã hội của con người.

Theo quan niệm của người xưa, vũ trụ được hình thành thật đơn giản:

"Ngày xưa sinh trời trước

Dưới đất chưa có đất

Trên trời chưa có trời

Trên trời chưa có ngôi sao xanh đỏ

Dưới đất chưa có ngọn cỏ xanh xanh

Đất còn nên pạc lạc

Nước còn nên pời lời

Trên trời còn nên puổng luổng"...

Vũ trụ còn trống không, mông lung, mịt mùng. Đất chưa có đất, nước chưa thành nước... Tất cả là một cõi hỗn mang, mịt mù, lộn xộn. Các điệp ngữ "chưa có", "chưa nên" lặp đi lặp lại trong suốt đoạn trích chính là để tô đậm thêm tính chất hỗn độn chưa hình thành ấy. Trong cõi hỗn mang này, cái gì cũng chưa có. Sông thì chưa có sông, mó thì chưa có mó, chưa có nước trong sông, trong mó. Chưa có đồi núi, chưa có các loài cây, chưa có muông thú. Cuộc sống và xã hội loài người cũng chưa có bởi vì chưa có con người.

Cách giải thích của người xưa thật đơn giản nhưng cũng thật biện chứng. Họ nhận thấy rõ sự vận động và ràng buộc lẫn nhau của các sự vật trong trời đất, thiên nhiên, cuộc đời con người. Mọi cái đều là tiền đề, là nguyên nhân và là kết quả của nhau: chưa có nước nên chưa có sông, có mó, các loài cây "muốn dậy" nhưng chưa có những điều kiện cần thiết để dậy, để thành cây, các loài vật, các sự vật, đồ vật cũng chưa có, vì chưa có đủ điều kiện cho sự hình thành. Những điều kiện cần cho việc hình thành muôn loài, muôn sự được nêu trong sử thi đều là những đặc điểm nổi bật của giống loài hay của loại sự vật ấy:

"Dây sắn muốn dậy néo vò

Nhưng chưa nên néo vò

... Trống gà, trống công, trống khôn muốn dậy nhưng chưa có mào

... Cá chuối, cá gáy muốn dậy nhưng chưa có mang, có vảy

Con nhà, con người muốn dậy nhưng chưa có mặt mũi".

Tất cả mọi vật, mọi loài đều chưa xuất hiện, chính là vì chưa hoàn chỉnh, chưa có tiền đề và chưa có đủ hệ thống:

"... Trâu muốn dậy nhưng chưa có bò

... Khiêng cơm muốn dậy nhưng chưa có khiêng rượu"...

Chỉ cần có đủ điều kiện, đủ tiền đề, đủ hệ thống thì lập tức tất cả sẽ trỗi dậy, sẽ tạo thành vũ trụ, thành muôn loài, thành thiên nhiên, cỏ cây, thành con người và xã hội.

Sự hình thành thế giới theo quan niệm của người xưa thật đơn giản nhưng cũng thật lô-gíc. Cõi hỗn mang dù hỗn độn, mù mịt vẫn nuôi trong mình mầm mống của sự sống, của vũ trụ. Và trong trời đất, mọi vật đều có mối quan hệ, liên lạc ràng buộc lẫn nhau để cùng hình thành và phát triển.

Đoạn trích "Đẻ đất đẻ nước" cho ta thấy cách lí giải hồn nhiên và giàu hình tượng, giàu cảm xúc của người Mường cổ xưa về thiên nhiên, vũ trụ. Có thể nói, đó là một bài thơ về cõi hỗn mang, bài thơ về nguồn gốc của thiên nhiên tạo vật.

Bí quyết để làm nên sự hấp dẫn của bài thơ ấy là các tác giả dân gian đã khai thác mối quan hệ biện chứng giữa các sự vật, hiện tượng. Dân gian đã khéo léo xoá nhoà ranh giới giữa trời và đất, giữa vật nọ với vật kia, trong một quan hệ đồng nhất kì lạ.

Qua "bài thơ triết lí" này, chúng ta nhận ra vẻ đẹp tâm hồn của người Mường cổ xưa- một cách nhìn hồn nhiên với tâm hồn trong sáng, trí tưởng tượng phóng túng và giàu biện chứng.

(Bài do cô giáo Vũ Thị Thắng cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Bài văn nghị luận trên đây có yêu cầu cao trong việc phân tích và khái quát hoá một đoạn trích để nêu ra nhận xét về ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm- một thiên sử thi lớn của dân tộc Mường.

Người viết đã thấy được "quan niệm của người xưa thật đơn giản nhưng cũng thật lô-gíc. Cõi hỗn mang dù hỗn độn, mù mịt vẫn nuôi trong mình mầm mống của sự sống, của vũ trụ". Bài viết còn kết luận: đây là "một bài thơ triết lí về cõi hỗn mang", trong đó, tác giả dân gian đã "khéo léo xoá nhoà ranh giới giữa trời và đất, giữa vật nọ với vật kia, trong một quan hệ đồng nhất kì lạ"...

Tôi cũng hơi ngạc nhiên vì những khám phá trên đây. Có phải bạn ấy đã "học thuộc lòng" không?

Đề 18- *Viết đơn xin học môn cờ vua tại câu lạc bộ thể thao.*

Bài làm

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐƠN XIN HỌC LỚP CỜ VUA

TẠI CÂU LẠC BỘ THỂ THAO HUYỆN HÀ TRUNG

Hà Trung, ngày 12 tháng 5 năm 2006.

Kính gửi: Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ thể thao huyện Hà Trung.

Tên tôi là: Nguyễn Thị Lan – Tuổi: 16

Địa chỉ: Học sinh lớp 10A, trường PTTH Hà Trung.

Sau khi tìm hiểu nội quy, quy định của Câu lạc bộ,

Sau khi xem xét nguyện vọng và năng lực bản thân,

Tôi thấy mình có nhu cầu và khả năng vào học tại lớp huấn luyện cê vua của câu lạc bộ, nhằm phát triển năng lực thể thao cho bản thân.

Tôi viết đơn này xin phép Ban Chủ nhiệm Câu lạc bộ cho phép tôi được vào học tại lớp Huấn luyện cê vua dành cho lứa tuổi từ 16 - 17.

Tôi xin hứa sẽ thực hiện đúng nội quy, quy định của Câu lạc bộ, và sẽ nộp học phí đầy đủ.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Người viết đơn

(Kí tên)

Nguyễn Thị Lan

PHẦN II-CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 2

Đề 19- ***Tóm tắt chuyện của nhân vật Trọng Thuỷ trong truyền thuyết An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thuỷ.***

Bài làm

Trọng Thuỷ là con trai Triệu Vương. Trong cuộc chiến chinh phục nước Âu Lạc, Trọng Thủy bị vua cha sai làm gián điệp.

Nước Âu Lạc có Loa Thành kiên cố và có nỏ thần, vua cha là Triệu Đà nhiều lần tấn công nhưng đều thất bại. Triệu Đà bèn dùng kế cầu hoà và hai nước kết làm thông gia. Trọng Thuỷ kết hôn cùng Mỵ Châu, con gái An Dương Vương.

Đợi một thời cơ thuận lợi, Trọng Thuỷ dỗ dành Mỵ Châu cho xem nỏ thần, rồi ngầm làm một cái lẫy nỏ khác thay thế. Xong việc, Trọng Thuỷ nói dối về phương Bắc thăm cha.

Trước khi chia tay Trọng Thuỷ còn hỏi Mỵ Châu: ..."nếu hai nước xảy ra việc binh đao, ta biết tìm nàng ở đâu?".

Mỵ Châu thật bụng tin chồng, nói:

- Thiếp có chiếc áo lông ngỗng. Nếu có biến, chạy tới đâu, thiếp sẽ rải lông ngỗng tới đó. Chàng cứ theo đó mà tìm.

Có được nỏ thần, Triệu Đà cất binh xâm lược Âu Lạc. An Dương Vương thất trận, đem theo Mỵ Châu lên ngựa chạy về phương Nam.

Trọng Thuỷ theo lời vợ dặn đuổi theo dấu lông ngỗng đến bờ biển. Trọng Thuỷ ôm xác Mỵ Châu về táng ở Loa Thành. Theo lời thề của nàng, sau khi chết nàng hoá thành ngọc trai ở biển Đông.

Trọng Thuỷ ngày đêm thương tiếc Mỵ Châu. Một lần, khi đi tắm, Trọng Thuỷ tưởng thấy bóng nàng bèn lao đầu xuống giếng mà chết.

Người đời sau mò được ngọc ở biển Đông, lấy nước giếng này rửa, thấy ngọc càng thêm sáng.

Trọng Thuỷ đáng bị lịch sử lên án song ít nhiều cũng là kẻ đáng thương bởi Trọng Thuỷ là nạn nhân của chiến tranh xâm lược.

Hướng dẫn đọc

Tóm tắt tác phẩm là một kĩ năng rất quan trọng, cần được lặp lại nhiều lần. Nhưng ở đây yêu cầu kể lại một cách tóm tắt, mà kể lại trong một góc nhìn mới- góc nhìn của nhân vật Trọng Thủy- chứ không phải tóm tắt truyện kể một cách đơn thuần.

Tính sáng tạo của bài viết trên đây cũng đảm bảo yêu cầu của đề ra đấy chứ?

Đề 20- *Kể lại truyện An Dương Vương và Mỵ Châu Trọng Thuỷ, tưởng tượng một cách kết thúc khác với tác giả dân gian.*

Bài làm

Truyện An Dương và Mỵ Châu, Trọng Thuỷ là một trong những truyện tiêu biểu trong hệ thống truyền thuyết về nước Âu Lạc và An Dương Vương, đồng thời tiêu biểu cho hệ thống truyền thuyết Việt Nam.

Truyền thuyết kể rằng: vua An Dương Vương xây Loa Thành cứ gần xong lại đổ, bèn lập đền trai giới, cầu khấn thần linh. Ngày mồng bảy tháng ba, thần hiển linh thành một cụ già từ phương Đông tiến thẳng tới trước cửa thành. Cụ già nhìn thành mà than rằng: "Tiếc cho công sức của biết bao người!". Vua mừng rỡ đón cụ già vào điện, thi lễ và xin cụ già cho biết nguyên nhân vì sao việc xây thành lại chiếm nhiều công sức mà cứ xây xong lại đổ. Cụ già nói với nhà vua là sẽ có sứ Thanh Giang (một sứ giả đến từ dòng sông Xanh linh thiêng) đến giúp. Nói rồi, cụ già từ biệt nhà vua.

Quả nhiên, ngày hôm sau, nhà vua gặp được sứ Thanh Giang. Vị sứ giả này chính là Rùa Vàng (Thần Kim Quy) vật tổ linh thiêng của người Việt. Rùa Vàng nói sâi tiếng người đã giúp nhà vua xây thành chỉ nửa tháng là xong. Thành rộng hơn ngàn trượng xỏy hình trôn ốc nên gọi là Loa Thành (Qui Long Thành, Côn Lôn Thành).

Rùa Vàng ở lại ba năm rồi từ biệt ra về, nhà vua cảm tạ và xin Thần Rùa kế sách giữ nước. Rùa tháo vuốt đưa cho nhà vua để chế làm lẫy nỏ và dặn: "Vận nước suy thịnh, xã tắc an nguy đều do mệnh trời, con người có thể tu đức mà kéo dài thời vận".

Vuốt Rùa được Cao Lỗ chế làm lẫy nỏ thÇn có thể bắn một phát trúng cả ngàn tên giặc khiến cho Triệu Đà bao lần xâm lược Âu Lạc đều thất bại phải xin hoà.

Không bao lâu, Đà xin cầu hôn. An Dương Vương gả con gái là Mỵ Châu cho con trai Đà là Trọng Thuỷ với mong muốn cuộc hôn nhân này sẽ nối lại hoà hiếu bang giao hai nước. Không ngờ cuộc hôn nhân này lại nằm trong mưu đồ xâm lược của Triệu Đà. Trọng Thuỷ sau khi lấy được Mỵ Châu đã dỗ nàng cho xem trộm nỏ thần rồi ngấm ngầm làm một cái lẫy nỏ khác giống hệt đánh tráo lẫy nỏ làm bằng vuốt Rùa Vàng. Xong việc, Trọng Thuỷ lấy cớ về phương Bắc thăm cha, đem lẫy nỏ thần về phương Bắc cho Triệu Vương. Trước khi đi, Trọng Thuỷ còn đề phòng

"Bắc Nam cách biệt" hỏi Mỵ Châu cách tìm nàng khi có biến. Mỵ Châu mang áo gấm ra nói rằng nàng sẽ dứt lông ngỗng trên áo rải dọc đường làm dấu.

Trọng Thuỷ về nước, Triệu Đà cất quân đánh Âu Lạc, An Dương Vương chủ quan cậy có nỏ thần nên quân giặc đến gần vẫn điềm nhiên đánh cờ nói cười như không. Đến khi cầm nỏ mới biết lẫy thần đã bị mất, nhà vua lập tức hiểu hết sự tình.

Nhà vua nhìn Mỵ Châu đầy trách móc, Mỵ Châu biết tội bèn quì xuống xin cha trừng phạt. Không nỡ giết con, An Dương Vương sai người lấy ngựa đem Mỵ Châu chạy trốn, còn mình thì nhanh chóng tập hợp quân sĩ quyết một phen tử chiến. Khi quân hai bên đánh nhau đến bờ biển, thế giặc mạnh không thể chống đỡ, An Dương Vương cùng đường, gọi: "Sứ Thanh Giang đâu! Mau mau giúp ta!". Rùa Vàng hiện lên, rẽ nước đưa nhà vua xuống Thủy cung.

Triệu Đà chiếm được Loa Thành. Trọng Thuỷ nhớ lời dặn bèn theo vết lông ngỗng mà tìm. Đến bờ biển, Trọng Thuỷ nhìn thấy Mỵ Châu đang nắm chặt chuôi kiếm đứng đợi. Trọng Thuỷ tiến lại gần, Mỵ Châu tuốt kiếm chĩa về phía Trọng Thuỷ mà rằng: "Chàng vì nghĩa vụ quốc gia mà trở thành kẻ lừa dối, phản bội. Thiếp vì yêu chàng mà đem trái tim đặt nhầm lên khối óc. Nhưng thiếp thề rằng, tấm lòng thiếp vẫn trong sáng và trung thành với vua cha và xã tắc. Nếu có lòng phản trắc, sau khi chết xin làm mồi cho cá. Ngược lại, xin được làm ngọc trai dưới biển Đông". Dứt lời, nàng vung kiếm tự vẫn.

Trọng Thủy đem xác Mỵ Châu về chôn cất tại Loa Thành. Xong xuôi, chàng quá ân hận và thương nhớ Mỵ Châu bèn nhảy xuống giếng tự vẫn.

Người đời sau đem ngọc trai biển Đông về rửa ở giếng nước Trọng Thủy, viên ngọc bỗng sáng khác thường.

Hướng dẫn đọc

Đề yêu cầu kể lại chuyện An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thuỷ, nhưng lại phải tưởng tượng một cách kết thúc khác của tác giả dân gian.

Cái khó không phải là ở chỗ kể lại (vì đã học kĩ ở cấp dưới), mà là phải tưởng tượng ra một kết thúc khác.

- Nhưng kết thúc khác là thế nào mới được chứ?- Chắc có bạn nghĩ thế. Vì những cách kết thúc trong truyện dân gian đã có ý nghĩa rất sâu xa. Khó có thể tìm cách kết thúc khác sao cho sự hấp dẫn và ý nghĩa câu chuyện không bị thuyên giảm.

Bài viết trên đây đã biết kết thúc theo hướng "tạo cơ hội" cho các nhân vật "sửa chữa sai lầm". Bạn ấy cũng không làm mất đi tính chất bi kịch và tính chất lịch sử của câu chuyện.

Đề 21- *Tê-lê-mác kể lại buổi Uy-lit-xơ trở về.*

Bài làm

Tôi là Tê-lê-mác, con trai của vị anh hùng Uy-lít-xơ. Sau khi hạ được thành Tơ-roa, người cha vĩ đại của tôi đã phải trải qua hai mươi năm lênh đênh trên biển cả, đương đầu với rất nhiều thử thách trước khi về được quê hương I-tác.

Thuyền của nhà vua xứ Phê-a-ki đưa cha tôi về I-tác, cập bến vào đúng thời điểm mẫu thân tôi đang gặp rắc rối vì bọn cầu hôn thúc ép. Bà tìm cách chối từ, bèn lấy chiếc cung của cha tôi ra, giao hẹn: hễ kẻ nào giương được cung, bắn xuyên qua mười hai cái vòng rùi thì bà sẽ lấy kẻ đó. Tất cả bọn cầu hôn đều thất bại, trừ một người. Ấy chính là cha tôi. Tôi nhận ra ông ngay lập tức bởi thân hình vạm vỡ, lực lưỡng, cánh tay giương cung nổi cơ bắp cuồn cuộn, rắn chắc, ánh mắt cháy rừng rực như ngọn lửa mặt trời. Tôi kể nhanh sự tình và cùng cha trừng trị bọn cầu hôn cũng như những gia nhân phản bội. Lúc rửa chân cho cha, nhũ mẫu Ơ-ri-clê đã nhận ra người qua vết sẹo ở chân và mặc dù bị cha ngăn lại, nhũ mẫu vẫn đem chuyện kể cho mẫu thân. Thật trái với những gì tôi tưởng tượng, mẫu thân tôi không tin.

Sau bao năm xa cách, lẽ ra giây phút gặp lại, cha mẹ phải ôm hôn nhau thắm thiết, nhưng thật không thể hiểu nổi: cha ngồi dựa vào một cây cột cao, mắt nhìn xuống đất trong khi mẹ bước qua ngưỡng cửa bằng đá đến ngồi trước mặt dựa vào một bức tường đối diện. Giữa hai người là bếp lửa hồng cháy rừng rực. Im lặng. Một sự im lặng khó hiểu đến nghẹt thở khiến tôi không thể chịu nổi, Tôi thấy mẹ tôi thật bất công với cha bèn buông lời trách bà gay gắt, rằng: người thật độc ác, thật nhẫn tâm, trái tim người làm bằng sắt đá...

Mặc dù bị tôi, đứa con yêu trách cứ nặng nề, nhưng Pê-nê-lốp, mẹ tôi, vẫn nói những lời thận trọng. Người nói với tôi để bóng gió với cha rằng: họ có những dấu hiệu riêng để nhận ra nhau. Cha tôi nhẫn nại mỉm cười và nói với tôi những lời có cánh. Tôi chỉ biết đáp lại: "Cha thân yêu, việc này xin để tuỳ cha định liệu, vì xưa nay cha vẫn là người nổi tiếng khôn ngoan, không một kẻ phàm trần nào sánh kịp".

Nói rồi, theo lời cha, mọi người tắm rửa, ca hát nhảy múa như trong nhà đang làm lễ cưới. Cha cũng đi tắm và khi từ phòng tắm bước ra, trông người đẹp như một vị thần. Người trở về chỗ cũ, đối diện với mẹ và nói: "Khốn khổ! Hẳn là các thần tiên núi Ô-lem-p đã ban cho nàng một trái tim sắt đá hơn ai hết... vì một người khác chắc không có gan ngồi xa chồng như thế, khi chồng đi biền biệt hai mươi năm trời, trải qua bao nỗi gian truân, nay mới trở về xứ sở". Người quay sang nói với nhũ mẫu Ơ-ric-lê: "Già hãy kê cho tôi một chiếc giường để tôi ngủ một mình". Mẹ tôi vẫn rất thận trọng đáp lời cha tôi và nói với nhũ mẫu: "Ơ- ric-lê! Già hãy khiêng chiếc giường chắc chắn ra khỏi gian phòng vách tường kiên cố do chính tay Uy-lít-xơ xây nên, rồi lấy da cừu, chăn và vải đẹp trải lên giường."

Mẹ nói vậy có ý thử cha và cha bỗng giật mình hỏi: "Ai đã xê dịch giường tôi đi chỗ khác vậy? Nếu không có thần linh giúp đỡ thì là người tài giỏi nhất cũng khó lòng làm được việc này". Cha tôi đã kể liền một mạch về bí mật chiếc giường mà chỉ hai người biết. Sở dĩ chiếc giường không thể xê dịch được là vì một chân giường do chính tay cha làm bởi gốc cây ô-liu cổ thụ có rễ bám chặt vào lòng đất. Cha còn kể tỉ mỉ về những vật dụng, những đồ trang trí trong phòng khiến mẹ tôi nghe mà bủn rủn cả chân tay. Tới lúc đó người mới chạy lại, nước mắt chan hoà, ôm lấy cổ cha, hôn lên trán người và nói: "Uy-lít-xơ! Xin chàng chớ giận thiếp". Rồi cứ thế, cha mẹ tôi ôm nhau khóc. Đó là những giọt nước mắt hạnh phúc của giây phút đoàn tụ sau hai mươi năm xa cách với muôn vàn sóng gió.

Nhìn cảnh tượng cha mẹ hạnh phúc, tôi cảm động và sung sướng vô cùng. Tôi thầm cảm ơn thần Dớt, vị thần tối cao, cảm ơn các vị thần trên đỉnh Ô-lem-pơ!

Hướng dẫn đọc

Trở lại với văn kể chuyện, nhưng cách kể chuyện không đơn thuần như trong CT tiểu học hay THCS mà được kể trong vai nhân vật một sử thi Hi Lạp: Tê lê-mác- con trai Uy-lít-xơ- kể lại buổi người cha mình trở về sau cuộc chiến thành Tơ-roa và những ngày lênh đênh trên biển cả.

Người kể mới vừa tạo cơ hội cho người viết cảm nhận sâu hơn tâm lí nhân vật, đồng thời kích thích trí tưởng tượng sáng tạo của HS.

Bài viết trên đây đã thực hiện được những yêu cầu cơ bản của đề. Tuy nhiên, văn viết chưa hay, chưa xúc động.

Đề 22- ***Tóm tắt truyện Tấm Cám.***

Bài làm

Tấm Cám là một trong nhiều truyện tiêu biểu cho loại truyện cổ tích thần kì Việt Nam.

Tấm và Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Bố mẹ mất sớm, Tấm phải ở với dì ghẻ (mẹ Cám). Tấm vất vả, khổ cực, còn Cám thì được cưng chiều.

Một hôm, Tấm và Cám cùng đi hớt tép. Cám mải rong chơi nên chiều về giỏ không. Cám đã lừa trút hết tép trong giỏ của Tấm. Tấm khóc. Bụt hiện lên bảo Tấm xem trong giỏ còn gì không. Tấm tìm thấy một con cá Bống. Tấm thả cá Bống xuống giếng, mỗi ngày cho Bống ăn cơm. Mẹ con nhà Cám rình, biết được, đã lừa cho Tấm đi chăn trâu thật xa, ở nhà giết thịt cá Bống. Bụt bảo Tấm tìm nhặt xương cá, bỏ vào bốn cái lọ, chôn ở bốn chân giường.

Đến ngày hội làng, mọi người nô nức đi xem hội. Mẹ con Cỏm trức khi đi còn trộn thóc lẫn gạo bắt Tấm nhặt. Tấm tủi thân ngồi khóc. Bụt hiện lên, sai đàn chim sẻ nhặt giúp Tấm. Rồi bảo Tấm đào bốn cái lọ xương Bống dưới chân giường lên. Trong lọ có quần áo đẹp, khăn, nón, giày... và một con ngựa hồng rất đẹp. Tấm vui sướng, tắm rửa, thay đồ, cưỡi ngựa đi xem hội.

Khi ngựa qua cầu, chẳng may Tấm đánh rơi một chiếc giày xuống sông. Tấm mò mãi mà không được.

Lát sau, ngựa của nhà vua qua cầu cứ hí lên không chịu đi. Vua sai quân lính xuống sông mò, thì bắt được một chiếc giày xinh đẹp. Vua truyền lệnh: hễ ai ướm giày vừa chân thì vua sẽ lấy làm vợ.

Mọi người thi nhau ướm thử. Đến lượt Tấm, chiếc giày vừa vặn. Vua cho kiệu rước Tấm về cung.

Ít lâu sau, nhân ngày giỗ bố, Tấm xin phép vua về thăm nhà. Dì ghẻ lập mưu lừa Tấm trèo cau rồi đốn gốc cau giết Tấm, để Cám vào cung thay chị.

Tấm chết, biến thành Vàng Anh. Vua rất yêu chim. Mẹ con Cỏm giết Vàng Anh, đổ lông ra góc vườn. Nơi ấy mọc ra hai cây xoan đào. Vua rất thích hai cây xoan đào, mắc võng ngủ, không để ý gì đến Cám. Mẹ con Cám chặt hai cây xoan làm khung cửi. Khung cửi kêu tiếng người khiến Cám sợ hãi chặt khung cửi, đốt, đem tro đổ ra thật xa.

Nơi xa ấy lại mọc ra cây thị tươi tốt. Nhưng cây thị chỉ có một quả thơm và ở trên cao. Một bà cụ đi chợ trông thấy, đọc câu: "Thị ơi, thị hỡi!

Thị rụng bị bà. Thị thơm bà ngửi, chứ bà không ăn". Quả thị liền rụng vào bị bà. Bà cụ đem về. Tấm ở trong quả thị chui ra, nấu cơm, nấu nước, dọn nhà dọn cửa cho bà. Bà cụ rình bắt được, xé nát vỏ quả thị đi. Từ đó Tấm sống với bà cụ như hai mẹ con.

Một lần, nhà vua kinh lí đi qua ghé vào quán nước, nhận được Tấm. Vua đón nàng về cung.

Cám thấy chị đẹp hơn xưa đem lòng ghen ghét. Tấm trả thù Cám. Mụ dì ghẻ cũng uất lên mà chết theo con.

Truyện *Tấm Cám* phản ánh cuộc đấu tranh giai cấp trong xã hội, nói lên số phận của những con người mồ côi, bất hạnh và thể hiện khát vọng chiến thắng cái ác để giành và giữ hạnh phúc.

Hướng dẫn đọc

Tấm Cám là câu chuyện quen thuộc nhưng có nhiều tình tiết. Việc tóm tắt sẽ gặp khó khăn nếu HS không biết tìm các chi tiết chính, và nhất là không biết diễn đạt sao cho ngắn gọn.

Bài viết trên đây đã rất coi trọng cả hai khâu: tìm các sự kiện chính và diễn đạt ngắn gọn.

Tuy nhiên, do quá lo diễn đạt ngắn gọn nên nhiều chỗ lại quá khô khan.

Tóm tắt cũng phải làm sao cho câu văn hoàn chỉnh và sinh động nữa đấy!

Đề 23- ***Từ truyện Tấm Cám, hãy viết ba đoạn văn miêu tả cô Tấm trong ba hoàn cảnh:***

a. Tấm bị dì ghẻ bắt ngồi nhặt thóc.

b. Tấm cưỡi ngựa đi xem hội.

c. Tấm từ trong quả thị bước ra.

Bài làm

Đoạn 1

Tấm buồn rầu nhìn hai mẹ con Cám, áo quần là lượt, đi xem hội. Cô lẳng lặng cúi xuống nhặt thóc. Tấm lưng mảnh dẻ, mái tóc rối bù, che gần hết khuôn mặt lấm lem của Tấm. Đôi tay gầy guộc nổi lên những đường gân xanh mờ đang kiên trì nhặt từng hạt thóc như đang đếm từng nỗi đắng cay, cơ cực. Bộ quần áo Tấm mặc trên người không thể đếm

được có bao nhiêu mụn vá. Thỉnh thoảng, Tấm ngồi thẳng người lên cho đỡ mỏi, tiện tay gạt tóc về phía sau để lộ khuôn mặt trái xoan với cặp mắt trẻ thơ ngơ ngác buồn vô hạn. Tuy phải làm lụng vất vả, lại không được ăn no nhưng Tấm vẫn giữ được những đường nét thanh tú của mẹ truyền cho. Tấm không nhớ nổi khuôn mặt của mẹ nhưng nghe bà con lối xóm bảo Tấm giống mẹ như lột. Mỗi chiều đi làm về qua giếng làng, Tấm soi mình xuống mặt nước mà như thấy người mẹ thân yêu hiện lên như che chở và thương yêu Tấm.

Lúc này, Tấm ước sao mẹ hiện về cùng nhặt thóc với Tấm rồi cùng Tấm ra đình xem hội. Mẹ sẽ thưởng cho Tấm một chiếc yếm đào. Tấm sẽ để mẹ cầm tay dắt đi như hồi còn chập chững. Nhìn đôi bàn tay gầy guộc của mình và nhìn đấu thóc lẫn gạo còn đầy ắp. Nhớ mẹ và tủi thân, Tấm bật khóc.

Đoạn 2

Nghe theo lời Bụt dặn, Tấm đào bốn chiếc lọ chôn xương cá ở bốn chân giường lên và thật sung sướng, Tấm có đủ mọi thứ: quần áo, khăn, giày,... lại thêm một con ngựa bé tẹo vừa đặt xuống đất đã hí lên một tiếng rồi lớn bằng con ngựa thật có đủ yên cương. Tấm tắm rửa sạch sẽ rồi diện tất cả vào, cưỡi ngựa đi xem hội. Cô Tấm lọ lem, rách rưới thường ngày chỉ trong phút chốc đã biến thành một cô Tấm lộng lẫy trong bộ quần áo rùc rì. Cái yếm màu hoa hiên tươi thắm ôm gọn quanh cái cổ cao trắng ngần. Chiếc thắt lưng hoa lí tôn thêm dáng thắt đáy lưng ong. Chiếc khăn nhiễu tam giang khoác trên vai khiến Tấm ra dáng một thiếu nữ có vẻ đẹp thanh thoát, mềm mại. Đôi giày thêu xinh xắn như được làm ra giành riêng cho đôi chân bé nhỏ, thon thả của Tấm. Vui sướng không sao tả xiết, Tấm vừa cho ngựa đi nước kiệu vừa khe khẽ hát một làn điệu dân ca quen thuộc. Đôi mắt thiếu nữ như cũng biết hát, ánh mắt trong veo lấp lánh niềm hạnh phúc. Bà con hai bên đường đến hội không ai nhận ra cô Tấm mồ côi tội nghiệp thường ngày. Tấm chào bà con mà ai nấy cứ tròn mắt nhìn theo tấm tắc: "Người ở đâu đến hội làng ta mà đẹp thế, xinh thế!". Tấm đi đến hội làng mà cứ tưởng như mình đang đi trong một giấc mơ.

Mẹ con nhà Cám trông thấy Tấm nhưng không tin vào chính mắt mình nữa.

Đoạn 3

Bà cụ lấy làm lạ vì từ khi đem trái thị về nhà, mỗi lần đi chợ hay đi làm đồng về, cụ đều thấy nhà cửa gọn gàng, ngăn nắp, lại có sẵn cơm dẻo, canh ngọt. Một hôm, bà cụ giả vờ đi chợ rồi rón rén trở về nấp ở cửa ngoài. Bà nhìn thấy một cô gái từ trong quả thị bước ra. Mới đầu, cô gái

chỉ nhỏ bằng hạt thị, rồi cứ thế lớn dần thành một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt trần. Bà lão không dám tin vào mắt mình. Nhưng kìa, cô gái đang đi lại dọn dẹp ngay trước mắt bà. Đôi chân trần thon mảnh nhanh nhẹn từ trong nhà ra vại nước rồi xuống bếp, ra vườn rau... Cô gái đi đến đâu là mọi thứ được lau chùi, quét dọn, sắp đặt gọn ghẽ, tinh tươm. Đôi tay trắng trẻo, nhanh thoăn thoắt. Cơm nước xong xuôi, cô gái nhìn chiếc áo rách vai của bà cụ. Cô ngồi xuống ghế, vừa hát điệu "se chỉ, luồn kim" vừa vá áo cho bà. Bà cụ cảm thấy mình thật hạnh phúc. Quả là Trời Phật thương tình đã cho bà một cô con gái xinh đẹp, nết na. Khuôn mặt trái xoan của cô gái mới phúc hậu, rạng rỡ làm sao. Cái miệng hát xinh như trái đào. Đôi mắt vừa ngây thơ, vừa thoáng buồn như biết nói. Chỉ một lt sau, chiếc áo đã được vá xong. Miếng vá mới thật khéo, đường kim, mũi chỉ đều tăm tắp. Cô gái giơ chiếc áo lên ngắm nghía vẻ hài lòng. Cô trả chiếc áo của bà cụ về chỗ cũ. Nhìn tất cả mọi thứ đã đâu vào đấy, cô gái hài lòng bước về phía chiếc vỏ thị, định biến trở vào trong. Lúc bấy giờ, bà cụ mới chạy vội vào nhà, xé tan vỏ thị, rồi ôm chầm lấy cô gái. Cô gái ấy chính là cô Tấm.

Kể từ đó, Tấm sống với bà cụ, hai người thương yêu nhau như hai mẹ con ruột thịt.

Hướng dẫn đọc

Bài văn này giúp ta trở lại với văn miêu tả đã học từ bậc tiểu học. Và ở đây yêu cầu miêu tả sáng tạo: người viết một mặt phải dựa vào câu chuyện, mặt khác phải tưởng tượng thêm những chi tiết hợp lí và đầy tính sáng tạo để làm nổi bật hình tượng nhân vật Tấm trong ba tình huống khác nhau: Tấm nhặt thóc, khốn khổ và tủi cực; Tấm đi dự hội, tươi tắn, rạng rỡ với trang phục lộng lẫy; Tấm bước ra từ quả thị, vừa giản dị, mộc mạc, vừa trong trắng, thanh cao,...

Cái khó là phải biến những đoạn văn tự sự thành văn miêu tả. Vậy thì bí quyết là phải tưởng tượng thật tốt.

Đề 24- *Tả lại ngôi nhà Tấm ở khi còn nhỏ theo tưởng tượng của em.*

Bài làm

Là trẻ thơ, ai chẳng có một lần được nghe truyện *Tấm Cám*? Trong giấc mơ thơm mùi thị chín có cô Tấm dịu hiền âu yếm xoa đầu. Trong giấc mơ tôi có lần ngỡ mình đã được đứng trước ngôi nhà, trước mảnh sân con, dạo trong khu vườn nhà Tấm.

Ngôi nhà Tấm ở có ba gian, mái tranh ngả màu thâm lại thành một màu nâu bình dị, màu của những mái nhà quê yên tĩnh khuất sau những rặng cây. Những bức vách được đan bằng nứa cẩn thận và tỉ mỉ từ đôi bàn tay khéo léo của người cha, vách được trát bùn thành một lớp dày, bùn khô đi mang một màu trắng đục, xam xám của đất. Cột nhà là những cây gỗ xoan rắn chắc cũng đã ngả màu nâu. Chiếc võng gai được mắc vào đầu hai cây cột, đã từng kẽo kẹt giữa những trưa hè đưa chị em Tấm vào giấc ngủ, và ban đêm là tiếng thở đều đều của cha. Sàn nhà bằng đất, một thứ đất đã được nện chặt, nhẵn bóng và bằng phẳng làm mát những bàn chân. Gian buồng được ngăn lại bằng tấm liếp nứa, hằng đêm nghe rõ tiếng nhai trầu bỏm bẻm của dì. Hai gian ngoài kê một chiếc chõng tre, một bộ bàn ngế uống nước, và kê những chiếc bàn thờ tổ tiên. Nhà lúc nào cũng im ắng, thỉnh thoảng rộn lên tiếng cười vô tư của Tấm và Cám.

Ngoài hè, là nơi dì quay tơ đêm đêm Tấm thường vẫn thường thấy ánh đèn hắt qua khe hở vào gian ngoài, tiếng tơ vẫn quay đều đều chìm sâu vào giấc ngủ. Có những trưa hè hai chị em thường rủ nhau đánh chắt ngoài hè, sàn đất mát rượi xua đi cái oi nồng của nắng. Giàn thiên lí trước sân, quanh năm rủ bóng; những chùm hoa màu xanh mát rủ xuống, đưa hương dìu dịu; không gian bình yên đến lạ.

Sân nhà Tấm là mảnh sân nhỏ nền đất cao, xung quanh có gồ. Tấm vẫn thường vãi thóc cho mẹ con gà mỗi sáng trên sân, nhìn đàn gà con lẫm chẫm theo mẹ chạy về, cô thấy vui vui. Mỗi sáng mai cho gà ăn xong. Tấm thường cầm chổi quét lá, những chiếc lá thiên lí già nua rụng xuống đêm qua khô khốc. Ngày nào cũng vậy mảnh sân con đã trở nên quen thuộc với Tấm, quen với nhưng đêm trăng vác chõng ra ngồi ngẩng đầu nhìn lên giàn cây, qua kẽ lá là những vì sao lấp lánh. Tấm vẫn thường trò chuyện với mẹ qua những vì sao. Từ ngày mẹ mất Tấm phải ở với dì, phải làm việc nhiều hơn. Bố Tấm thì ít nói, suốt ngày ra đồng làm việc, Tấm ở nhà trông nhà và nấu cơm; chứ ít được đi chơi như Cám.

Trước nhà, bố Tấm lúc còn sống đã trồng hàng râm bụt đỏ, quanh năm nở hoa làm rực cả một khoảng sân. Tấm vẫn thường hái hoa làm trò chơi, sáng nào râm bụt cũng rụng đỏ gốc, lăn lóc theo chiều gió. Hàng cau đứng nghiêm thẳng tắp, luôn lúc lắc khoe những buồng, trái sai trĩu, mùa hoà thì bung ra một vòm trắng tinh khiết, lấp loá dưới ánh mặt trời; rơi xuống cầu ao làm lan nước như có rắc hoa; sóng sánh và thơm hương. Ao không rộng lắm, chỉ như một chiếc hộp vuông trước nhà; phía bên bố trồng một giàn mướp, mùa này hoa mướp trổ vàng, gọi bao nhiêu là bướm ong về trẩy hội. Mặt ao như sặc sỡ hơn bởi màu của những đóa hoa mới rụng và những bóng hoa in xuống, cả mảnh trời xanh cũng như chìm dưới nước, loang loáng bóng mây trắng trôi qua.

Cổng nhà Tấm là hai hàng chè mạn cắt đều tăm tắp, phủ dây tơ hồng óng ả. Thứ dây vàng vàng, dài mảnh mà tấm vẫn thường hay rủ Cám làm vòng cô dâu mỗi buổi chiều chờ bố và dì đi làm về. Hai bên ngõ được trồng những cây xoan cao lớn, lúc nào cũng rủ bóng che mát rượi. Mùa xuân hoa xoan rụng tím cả đường như một tấm thảm biếc mà Tấm vẫn thường mơ. Nơi đây đã diễn ra bao trò chơi, in bao tiếng cười trong veo của bạn bè. Cây rơm to lừng lững nằm ngay cạnh cổng, như một chiếc nấm khổng lồ. Tấm vẫn thường phải buộc trâu vào chiếc cọc đóng cạnh đó, cho trâu nhai rơm.

Những buổi trưa không ngủ, Tấm thường ra ngõ ngồi nhìn trâu bình thản nằm nhai những cọng rơm vàng, thỉnh thoảng lại vung chiếc đuôi dài đập đập vào lưng để xua những con ruồi lì lợm. Có hôm Tấm rủ Cám bắt ruồi cho trâu, con trâu sung sướng vẩy tai ngoan ngoãn nằm im. Tiếng ve kêu rộn rã cả trưa hè!

Căn bếp được dựng ở trái nhà, cũng mái tranh, vách đất buổi chiều nhìn khói bay lên từ mái rạ nâu, xuyên qua nắng hoàng hôn long lóng, Tấm lại nhớ mẹ. Nhớ những chiều cùng mẹ nhặt rau, vo gạo nấu cơm, nhớ cả tiếng chày giã gạo của mẹ, nhớ cả cái dáng gầy gầy lên xuống theo nhịp giã ở hè bếp, hay tiếng ù ù đêm đêm của chiếc cối xay mẹ miệt mài xay lúa đêm khuya. Mẹ đã mất rồi, dì ghẻ cay nghiệt vẫn làm những việc mà xưa kia mẹ Tấm làm, nhưng Tấm không sao quên được hình bóng mẹ đã khắc sâu trong tiềm thức của Tấm, để bây giờ nhìn vật gì trong nhà Tấm cũng nhớ đến mẹ. Tấm nhớ chiều nào mẹ cũng xách nước ở cầu ao tưới cho giàn trầu sau nhà, giàn trầu bây giờ hình như không còn xanh và tốt như trước nữa; lá vàng nhiều hơn, và cũng ít hơn.

Nhìn từ xa, căn nhà của Tấm đơn sơ và bình dị, lặng kẽ khép mình ẩn dưới những tán cây. Hình ảnh này đã ám ảnh tôi rất nhiều, để hôm nay tôi cầm bút viết lên theo cảm xúc của mình ngôi nhà ấu thơ của cô Tấm dịu dàng, hiền lành, nhân hậu.

(Theo cô giáo Nguyễn Hồng Kiên)

Hướng dẫn đọc

Bài viết vẫn tiếp tục yêu cầu miêu tả sáng tạo. Trên cái nền của câu chuyện cổ tích Tấm Cám, *bạn phải dùng trí tưởng tượng để miêu tả lại ngôi nhà Tấm ở khi còn bé. Chà, cũng thú vị đấy chứ!*

Tôi rất thích bài này vì sự tưởng tượng khá tốt của người viết. Hình như bạn ấy từng sống ở nông thôn thì phải.

Chỉ có điều thắc mắc là chi tiết: cổng vào nhà Tấm có hai hàng chè mạn "cắt đều tăm tắp", sao lại còn "phủ dây tơ hồng óng ả"? Nhưng mà thôi, cái lỗi nhỏ ấy cũng dễ thông cảm!

Đề 25- *Kể lại một câu chuyện ngoài cuộc sống mà anh (chị) đã được chứng kiến và cho là có ý nghĩa nhân đạo sâu sắc.*

Bài làm

"Quà tặng trái tim"- đó chính là những gì mà mẹ tôi đã dành cho tôi khi tôi mới 13 tuổi. Năm ấy tôi đang học lớp 7.

Hôm ấy, tôi cùng mẹ đi chợ đầu cầu Mới, ghé vào một cửa hàng tạp hoá đầu cổng chợ. Cùng mua hàng với chúng tôi là một gia đình khá đặc biệt. Tôi biết điều đó qua những bộ quần áo mà ba người trong gia đình ấy mặc. Người mẹ mặc một chiếc áo sơ mi hoa kiểu cũ đã rất bạc màu, chiếc quần ống thả dài quá mắt cá cũng đã cũ có vẻ như quá rộng so với thân hình gầy gò của cô. Một đứa bé gái trạc 10 tuổi tóc cháy nắng, rối bù kẹp bằng chiếc cặp ba lá, tay cắp chiếc rổ ướt nước. Đứa bé hơn là con trai chỉ mặc độc một chiếc quần đùi đen hình như được cắt ra từ quần dài người lớn đang túm chặt lấy tay mẹ. Họ là một gia đình sống trên sông nước mà chúng tôi quen gọi là "hàng thuyền". Nhà của họ là chiếc thuyền xi-măng nhỏ, đồ đạc chỉ có vài chiếc xoong treo trên mạn thuyền, mấy thứ đồ đạc lỉnh kỉnh và những bộ quần áo cũ đang phấp phới bay trước đầu con thuyền. Ngoài việc chở cát cho các chủ bãi, họ còn kiếm sống thêm bằng nghề quăng chài. Những thứ mà họ kéo được là mớ cá vụn, vài con chẫu chuộc, thỉnh thoảng là ít tôm nhỏ hay trai, hến.

Trong khi người mẹ lựa chọn những nhu yếu phẩm hàng ngày thì hai đứa trẻ đứng ngắm nhìn một cách thèm thuồng những gói kẹo xanh đỏ, những chum bim bim hấp dẫn. Thằng bé bặm môi đứng dí mũi vào quầy bán kẹo cao su vàng, xanh, đỏ được bỏ vào những hộp thuỷ tinh. Mắt nó sáng rực lên lạ thường.

Mẹ cùng tôi đã mua hàng xong và đi tới quầy trả tiền. Tôi đứng cạnh, thấy người mẹ đang trả tiền và liên tục hỏi bác bán hàng về số tiền mà cô sẽ phải trả. Trong lúc ấy thì cô con gái vẫn mân mê chiếc mũ để ở phía dưới quầy hàng. Đứa bé trai tay nắm chặt phong kẹo cao su Chewinggum. Tôi sốt ruột nhìn cô lưỡng lự bỏ túi xà phòng to để lấy túi bé hơn rồi lần lượt bỏ chai dầu ăn, mấy gói mì tôm. Cuối cùng, cô quay lại buồn rầu bảo cậu con trai:

- Con trả lại bác phong kẹo cao su đi. Hôm sau bán được nhiều tiền, mẹ sẽ mua cho con!

Thằng bé chầu bậu môi, phụng phịu đưa lại mấy thanh kẹo cho bác bán hàng. Hình như mắt nó rân rấn nước. Còn chị nó cũng thôi không nhìn vào chiếc mũ nữa, lặng lẽ nhìn đứa em trai và lại quay sang nhìn mẹ.

Ngay lúc ấy, mẹ tôi rút ví lấy tờ 50. 000 đồng dúi vào tay người mẹ của hai đứa trẻ. Cô có vẻ rất ngạc nhiên và thốt lên:

- Chị ơi, em không thể nhận được đâu.

Mẹ tôi nhìn vào mắt cô, từ tốn nói:

- Em cứ cầm lấy mà mua thêm cho cháu gái cái mũ. Đừng bỏ lại gì cả. Nhà em đang cần mà.

Mẹ tôi còn quay lại cậu con trai, cầm mấy thanh kẹo đưa cho nó. Mẹ nói với nó:

- Cháu thật ngoan. Bác cho cháu đấy.

Đứa bé cứ tần ngần, hết nhìn mẹ tôi lại quay sang nhìn mẹ nó. Cuối cùng, nó nói:

- Cháu xin bác ạ.

Cô nhận tiền, nắm lấy tay mẹ tôi và nói trong nước mắt:

- Em cảm ơn chị nhiều lắm. Em còn một đứa bé nữa ở nhà. Nhà em khó khăn quá, nhiều khi thương con nhưng không biết làm thế nào. Từ trước tới giờ, chưa ai đối xử tốt với em như chị.

Tôi nhớ rằng: mình đã khóc khi ra khỏi cửa hàng. Mẹ tôi đi bên cạnh tôi, gương mặt mẹ lặng lẽ. Đây là một kỉ niệm mà tôi luôn nhớ mãi. Dù gia đình tôi chẳng bao giờ dư tiền bạc vì chỉ có lương của mẹ, còn bố tôi lao động tự do nhưng bất cứ khi nào, gặp ai đó khó khăn, mẹ tôi đều sẵn lòng.

Tôi rất hạnh phúc vì có một người mẹ có trái tim nhân hậu. Những gì tôi chứng kiến hôm đó là một bài học quí giá mà mẹ đã dạy tôi. Tôi luôn nghĩ rằng, đó là bài học của trái tim.

(Theo cô giáo Phạm Thị Anh)

Bài làm số 2

Chiều 30 Tết, trời lạnh buốt, mưa phùn nhẹ nhẹ. Không khí tết và tiết xuân làm ai nấy đều cảm thấy lâng lâng, lòng nhẹ nhõm. Tôi cùng mẹ và em gái háo hức hoà chung vào dòng người tấp nập đi chợ hoa.

Giữa khung cảnh nhộn nhịp sắc hoa, một đứa bé chừng 12 tuổi dò dẫm bước đi, buồn bã đến não nùng. Đôi chân bị tật khiến những bước đi của em thêm khó khăn, khập khiễng trông thật tội nghiệp. Dường như mùa xuân chưa đến với em, bộ quần áo rách rưới, mỏng manh không đủ để chống chọi với giá rét, cái mũ nan rách trên tay vẫn chìa ra trước mặt – "Xin các bác, các cô, các chú, các ông, các bà...".

Dòng người xô nhau đi, chẳng ai để ý đến đứa bé. Thỉnh thoảng có người dừng lại lạnh lùng vứt vội trăm bạc lẻ vào chiếc mũ của em.

Đang ngắm hoa ngày Tết, thấy cảnh đứa bé xin ăn, ba mẹ con tôi bỗng thấy chạnh lòng. Đứa bé cũng bằng tuổi em tôi nhưng sao đáng thương đến vậy. Mẹ dặn hai chị em tôi đứng chờ. Mẹ vào cửa hàng bán đồ tết một lát rồi đi ra với một bọc lớn trên tay. Mẹ đến bên đứa bé, đặt bọc quà vào tay nó và nói điều gì đó. Đứa bé run run nắm tay mẹ tôi, môi mấp máy lời cảm ơn. Nụ cười hiếm hoi, rạng rỡ bừng nở trên khuôn mặt méo mó, khắc khổ. Dường như mùa xuân đã gõ cửa tâm hồn đứa bé bất hạnh này. Tôi khẽ hỏi mẹ : "Vừa nãy, mẹ nói gì với đứa bé kia vậy?". Mẹ cười phúc hậu : "Một lời chúc mừng năm mới con ạ !!!".

(Bài của Lê Minh Nguyệt do thầy giáo Lê Hồng Chính sưu tầm)

Hướng dẫn đọc

Đừng tưởng kể chuyện là dễ. Cứ nhìn hai bài viết vừa rồi thì biết: kể được chuyện hay là khó lắm đấy !

Thú thật, tôi đã từng "đặt hàng" bao nhiêu bạn nhỏ, kể cả những anh chị lớp lớn nữa, thế mà cũng thấy khó !

Tuy nhiên, cả hai câu chuyện vừa rồi lại khá thành công.

Bí quyết là phải có "chuyện" cái đã, rồi mới kể được. Nhiều bạn cứ hay kể bừa, thành ra con cà con kê, không có chuyện. Dân gian có câu:

"Nửa đêm, giờ tí, canh ba

Vợ tôi, con gái, đàn bà, nữ nhi..."

Hình như là để chế giễu những người không biết kể, nói mãi mà cũng không ra chuyện gì.

Đề 26- ***Tả lại một con chim bị nhốt trong lồng.***

Bài làm

Tôi đã lấy tên nhân vật chính trong cuốn truyện *Đất rừng phương Nam* của nhà văn Đoàn Giỏi để đặt tên cho chú chim lạ mà cậu tôi mới đưa về từ xứ sở đầy nắng gió ấy - tên nó là An.

Tôi không biết tên gọi của loài chim này. Cậu tôi cũng không biết. Ai đến chơi cũng khen đẹp nhưng đều không biết tên. Ông tiến sĩ, bạn cậu tôi có nhắc đến một cái tên khoa học rất dài và khó nhớ, chỉ biết nó là giống chim đang có nguy cơ tiệt chủng trên thế giới. Nó quý, đẹp, nó

đáng yêu và cả đáng thương nữa! Tôi đã đặt tên cho nó theo cách riêng của mình. An, thế thôi!

An không vạm vỡ như loài đại bàng, đôi cánh không rộng như cánh hải âu, bộ lông và đuôi không có vẻ trình diễn, khoe mẽ như loài công... Thoạt nhìn, cứ tưởng chú là một giống chim được lai vẹt hoặc khướu nhưng ngắm kĩ sẽ thấy chú chẳng giống vẹt mà cũng không giống khướu. Chú là An, thế thôi!

An chỉ nhỉnh hơn một chàng khướu trưởng thành đôi chút, mình thon cân đối. An hút hồn người ta bởi màu sắc bí hiểm của bộ lông màu nhung đen có điểm vào những sợi chỉ đỏ. Cổ đeo một vòng cườm xanh biếc. Tất cả cứ óng ánh, lung linh. Ban đêm, ánh đèn nê-ông hắt vào trông càng đẹp mê hồn tưởng như chú đến từ một thế giới cổ tích vậy. Trên giữa đỉnh đầu chú có một túm lông nhỏ màu đỏ rực mà tôi gọi là "ngọn lửa phương Nam". Mỗi lúc An giận dữ, ngọn lửa dựng ngược lên như đang cháy. Ban đêm, nó cứ chập chờn như đốm lửa ma trơi khiến người yếu bóng vía thoáng nhìn sẽ giật mình. Đôi mắt An đẹp như mắt bồ câu sau khi đã trừ đi vẻ hiền hành và cộng thêm vào nét mơ màng xa xăm. Cặp mỏ ngắn và xinh đến nỗi tôi dám chắc nó được sinh ra không phải để mổ vào những con sâu bọ gớm giếc. Mà thật, từ hôm về chỉ thấy An ăn toàn hoa quả. Nó rất thích những thứ quả của rừng phương Nam. Đôi chân An giống đôi chân của một chú gà nhiếp nhưng không thô bởi dóng chân dài, ngón chân thon, tất cả được bọc trong một đôi tất sừng mun quý giá. Mỗi lúc chú nhảy nhót, đuôi chú xoè ra, cụp vào trông như một công chúa tí hon biểu diễn múa quạt vậy.

An buồn từ hôm mới về. Theo ông tiến sĩ giới thiệu thì An có giọng hót rất hay: trong veo, ngân vang thánh thót. Tôi mong một lần được nghe tiếng hót của nó nhưng nó cứ làm như thể mình không biết hót vậy. Thỉnh thoảng chỉ nghe An líu ríu tiếng gì đấy không rõ. Mấy ngày gần đây nó im bặt luôn, nó nằm im ra chiều nghĩ ngợi. Chiều nay, đột nhiên An đập cánh dữ dội, lao qua, lao lại trong lồng, hai chân cào liên hồi vào những nan tre, miệng kêu "kiếc,...! kiếc,...!", mắt lạc đi vừa có vẻ giận dữ, vừa có vẻ hoảng sợ, có lúc nó nhìn tôi như van xin điều gì rồi đưa mắt nhìn lên bầu trời xanh mênh mông đầy tiếc nuối.

Cả ngày hôm nay An bỏ ăn. Tôi mua cho An những thứ quả mà nó thích nhưng nó cũng chỉ nhìn. Nó khóc? Trên khoé mắt nó có ngấn nước. Thật đấy! Chao ôi, thứ "nước mắt" của loài chim đất rừng phương Nam khiến lòng tôi se thắt. Sau bữa ăn tối, tôi thuật lại chuyện của An cho ba mẹ nghe. Lúc đầu, ba mẹ không tin nhưng khi nhìn cảnh An bỏ ăn nằm buồn so như ốm, ba mẹ tin lời tôi nói và hứa sẽ bàn với cậu: nếu ngày mai, có người vào Nam sẽ cho An đi theo, trả An về rừng. Chẳng cần đợi

đến mai, tối, cậu tôi về cùng với ông tiến sĩ. Khi nghe ba mẹ nói chuyện đó, cậu tiếc ra mặt còn ông tiến sĩ thì rất vui. Ông cho biết loài chim này có thể bay trong đêm, bay liền một mạch hàng mấy trăm cây số, đặc biệt là có khả năng định hướng bằng cảm giác. Ông bảo: "Cứ thả nó ngay lúc này, tại đây, sáng mai người ta sẽ gặp nó ở rừng U Minh rồi.".

Người vui nhất là tôi. Theo quyết định của cả nhà, tôi chạy lại mở chốt cửa chiếc lồng, trả tự do cho An. An nhìn tôi hồi lâu ra chiều không hiểu. Tôi khích lệ: "Hãy bay đi! Bay về đất rừng phương Nam của mày, ở đó các bạn của mày đang chờ mày đấy!". Lát sau An cũng hiểu ra. Nó nhìn mọi người với ánh mắt biết ơn rồi nhún chân, sải cánh bay lên. Và thật kì diệu, khi "đốm lửa phương Nam" lẫn vào sao trời, lần đầu tiên tôi nghe tiếng hót của nó, cả một chuỗi âm thanh trong veo, ngân vang vọng xuống từ không trung như hàng ngàn ngôi sao đang bay chạm vào nhau...

Bây giờ, ngồi viết những dòng này, tôi vẫn còn nghe tiếng hót của An văng vẳng bên tai.

(Bài của Nguyễn Thị Thanh Thanh)

Hướng dẫn đọc

Thú thực, bài viết này đã làm tôi rất xúc động. Tôi cứ tưởng mình vừa đọc xong một truyện ngắn trên báo, không chỉ nói về việc bảo vệ môi trường. Câu chuyện ấy còn đặt ra một vấn đề rất lớn: tình yêu tự do.

Con chim kì diệu quý hiếm kia sao lại biết khóc? Mới đầu tưởng là chuyện bịa, quá bịa! Thế nhưng đọc rồi mới thấy, nó khóc thật đấy, các bạn ạ. Vì nó bị "mất tự do" mà!

Đọc đến đoạn kết, tôi rợn cả chân tóc vì sung sướng: "Khi "đốm lửa phương Nam" lẫn vào sao trời, lần đầu tiên tôi nghe tiếng hót của nó, cả một chuỗi âm thanh trong veo, ngân vang, vọng xuống từ không trung như hàng ngàn ngôi sao đang bay chạm vào nhau...".

Tôi nghĩ tác giả bài này sớm muộn gì cũng trở thành nhà văn cho mà xem!

Tuy nhiên, với tư cách một bài văn miêu tả thì bạn ấy lại gần như lạc đề mất rồi!

Đề 27- *Con chim bị nhốt trong lồng tự kể chuyện mình.*

Bài làm

"Chíp... chíp..."... Tôi là sẻ nhỏ. Tôi đang uể oải đứng cạy buồn bã nhìn ra ngoài trời, bạn bè tôi đang ríu rít chao liệng chào đón một mùa xuân tràn đầy sức sống. Tôi không thể thoát khỏi những thanh tre vững chắc này để bay ra ngoài được nữa. Tôi đang bị nhốt trong lồng.

Tôi còn nhớ, nhà tôi được bố mẹ xây trên một ngọn cau; ngôi nhà được bố mẹ cất công bện bằng cỏ và rác, vững chắc và ấm áp. Lứa đó bố mẹ tôi sinh được bốn đứa, tôi là con út.

Ngày ngày bố mẹ để chúng tôi ở nhà, đi kiếm mồi. Những con sâu, con cào cào béo ngậy được tha về mớm cho chúng tôi. Khi bốn anh em tôi đón nhận ánh bình minh đầu tiên trong đời, vui sướng líp chíp rộn cả ngôi nhà. Phía trên đầu tôi là khoảng trời xanh biếc, các anh tôi sung sướng vẫy nhẹ đôi cánh ngắn ngủi, khao khát một ngày được chao nghiêng giữa bầu trời rộng lớn. Ước mơ ấy chưa kịp thực hiện, thì một buổi sáng cậu chủ đã trèo lên, kéo tuột ngôi nhà tôi ra khỏi ngọn cau, lôi chúng tôi bỏ vào ngôi nhà khác, toàn là thanh tre ngang dọc. Bốn anh em tôi sợ hãi, kêu lên thất thanh, cũng chỉ thấy bố mẹ hoảng loạn bất lực bay trên lưng trời. Từ hôm đấy tôi không còn được gặp bố mẹ nữa.

Ở với cậu chủ, bốn anh em tôi được chăm sóc nhiều hơn, được ăn ngon hơn. Nhưng tôi chẳng vui chút nào. Tôi muốn ra ngoài, được cùng bố mẹ và các anh rải cánh tự do bay trên bầu trời mênh mông, vô tận. Ở đây tôi chỉ đứng nhìn bạn bè ríu rít tự do bay qua, chạnh lòng thèm khát. Ngay ngày hôm đó, các anh tôi được đem chia cho bạn bè của cậu chủ. Tôi ở lại đây, còn các anh tôi phải theo chủ mới; những cậu chủ hiếu động luôn bắt chúng tôi phải ăn thật nhiều để làm vật so sánh; để xem ai có biệt tài nuôi dưỡng chúng tôi. Tôi lúc nào cũng được cậu chủ vuốt ve, được chăm chút từng chỗ ăn, chỗ đứng. Đi học về là cậu chủ bỏ cặp vào nhà rồi chạy ra với tôi. Cậu để lồng ngoài hè, để tôi được nhìn thấy ánh mặt trời, thấy nắng, thấy đồng loại reo ca. Nhưng càng làm vậy chỉ càng làm tôi buồn thêm. Tôi là chim, cuộc sống của tôi là ở ngoài kia, là những vườn cây, những cánh đồng, chứ đâu phải là con vật vô tri. Tôi cũng có thế giới riêng của mình, cũng thích được tự do bay nhảy, thích được vui chơi. Cuộc sống của tôi không phải ở nơi này. Nhìn nắng, nhìn mưa, nhìn cây, nhìn mây... chỉ thấy buồn. Giá như tôi được tự do, được tung cánh ra ngoài đó, thì vui biết bao nhiêu. Giá như cậu chủ hiểu được, tôi cần tự do, cần được sống với đồng loại của mình, chứ không phải bị cầm tù, bị tách biệt. Tôi sinh ra là để dang đôi cánh bay vào trời xanh, tôi sinh ra là để dâng cho đời bao tiếng hát vui...

Sống ở đây, tôi luôn cảm thấy buồn chán, mệt mỏi. Căn nhà không đủ rộng cho tôi bay, nhiều hôm thèm khát, tôi dang cánh ngỡ mình sẽ được thoát ra ngoài, nhưng tôi bị dội ngược lại, ngã lăn xuống sàn, đau điếng. Tôi bị thương một bên cánh, cậu chủ phải chăm tôi nhiều hơn. Nhìn ánh mắt thương cảm cậu dành cho tôi, tôi chỉ muốn xin cậu trả tự do cho tôi. Nhưng dường như cậu không hiểu tôi. Cậu chăm cho tôi khỏi nhưng vẫn nhốt tôi vào lồng. Tôi thèm được bay được thấy trời xanh, được đi đến nhiều nơi, được ríu rít cùng bạn bè.

Tôi nhớ bố mẹ tôi. Nhớ các anh, nhớ ngôi nhà trên cao ngẩng đầu chỉ thấy trời xanh. Tôi là con vật đáng thương, con vật bị cầm tù, con vật bị tách khỏi đồng loại. Tôi khao khát được bay, khao khát được chập chững tập kiếm mồi, khao khát được bố mẹ dặn dò... khao khát được bước vào đời. Bao mùa mưa, nắng trôi qua, tôi chỉ biết ngơ ngác hoặc bình thản đứng nhìn. Có hôm tôi nhìn thấy một người bạn ướt lướt thướt, run rẩy nép mình trên một chạng cây, tôi đã mỉm cười, cất tiếng gọi, chỉ muốn làm quen, chỉ muốn trò chuyện. Nhưng bạn ấy vẫn đứng đó bình thản nhìn tôi, rung rinh đôi cánh ướt như an ủi, như thương xót cho tôi. Những ngày xuân bạn bè về tụ họp như hôm nay, chẳng ai quen tôi cả, họ cũng không dám liệng tới gần tôi, họ sợ bị ai đó giăng bẫy sợ phải sống một cuộc đời tù túng như tôi.

Tôi không biết rồi sẽ ra sao? Cuộc đời tôi sẽ như thế nào. Nhiều hôm tôi thấy con mèo độc ác cứ rình rập để chờ cơ hội là vồ lấy tôi. Cậu chủ đã đề phòng, treo chiếc lồng lên ngang sợi dây. Nhưng tôi vẫn lo sợ, vẫn nơm nớp một ngày nào đó cậu chủ không bảo vệ được tôi. Lo sợ một ngày mình sẽ kết thúc cuộc đời tù túng bằng một miếng mồi ngon.

Tôi không biết cậu chủ sẽ giữ tôi lại bao nhiêu lâu? Nhưng tôi vẫn hi vọng một ngày nào đó cậu sẽ hiểu và trả tôi về với trời xanh với đồng loại. Tôi sẽ chờ.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Bài làm số 2

- Chị hoạ mi, chị hát cùng bọn em nhé! Chim sẻ nói.

- Buồn lắm em ơi, chị chẳng còn tâm trí nào để hát nữa ! - Tôi trả lời.

Cũng có nhiều lúc tôi muốn được bay nhảy, muốn được ca hát thoải mái giữa bầu trời cao rộng kia. Được cùng bạn bè ngắm những bông hoa mới nở. Được cùng chị gió trò chuyện, ngày qua ngày sống cuộc sống tự do. Nhưng giờ đây tôi đang phải sống trong không gian nhỏ hẹp. Đã từ

lâu tôi không được giang rộng đôi cánh để bay lượn, không được ngắm cảnh mặt trời mọc, tất cả chỉ là quá khứ, giờ đây thấy chim sẻ bay lượn mà tôi chạnh lòng.

Cuộc sống của tôi chỉ là cuộc sống vô vị, buồn chán, tôi tự hỏi, có hay không những ngày được tự do?

Cô chủ nhỏ của tôi rất ân cần chăm sóc, hàng ngày cô vẫn đem thức ăn, nước uống cho tôi. Có lúc, cô đứng ngắm tôi hàng giờ. Tôi hiểu rằng cô chủ nhỏ của tôi rất yêu quý tôi, nhưng cô lại không hiểu tôi. Cô không thể biết rằng tôi rất cô đơn vì tôi chỉ có một mình, cô có gia đình, có người thân, cô có cả những hoài bão, ước mơ, mong muốn được thực hiện. Nhưng tôi chẳng có gì. Tôi thấy ganh tị quá. Tại sao, tại sao tôi có giọng hát hay để rồi phải sống trong cảnh một mình thế này ? Làm sao mà con người hiểu được, họ tàn nhẫn chặt phá rừng để chúng tôi không có nơi cư ngụ, rồi họ bắn mẹ tôi, họ bắt anh hổ, bắt anh cá sấu. Tất cả con người đều như vậy sao?

Không, cô chủ nhỏ của tôi đang còn rất mơ mộng, cô không hề độc ác, chỉ có điều cô chưa hiểu hết, chưa thấy hết cuộc sống tàn nhẫn xung quanh, hay ít nhất, cô chưa bao giờ tự hỏi liệu tôi có buồn! Tôi biết rằng ngoài tôi, còn rất nhiều những anh vẹt, hoạ mi, sáo... đang phải sống cuộc sống cầm tù, liệu có bao giờ chúng tôi được tự do. Cuộc sống sao quá khắt khe với tôi, tôi nghĩ vậy và nước mắt tràn ra.

Bỗng nhiên cô chủ về, cô lại đứng nhìn tôi, mắt cô hoe đỏ. Tôi muốn hỏi cô sao lại khóc, nhưng cô đâu có hiểu được. Càng lúc trông cô chủ càng buồn, cô nhìn tôi lạ lắm. Liệu có phải cô đang bắt đầu va chạm với cuộc sống, cô đã bắt đầu cảm nhận được cuộc sống khắc nghiệt như tôi vậy. Rồi bỗng nhiên cô đưa tay mở cửa "chiếc hộp" đã nhốt tôi lâu nay. Sao vậy? Tôi chẳng hiểu gì, cô đang làm cái việc mà lâu nay tôi mong muốn. Cô trả tự do cho tôi ư?

Ngay lập tức tôi hiểu ra, tôi lao ra khỏi cửa lồng. Ôi, hạnh phúc, tôi trải rộng đôi cánh, bay lượn trên không, tôi hát, tôi hát to lên để cho mọi người biết tôi đã được tự do. Tôi hít thở không khí trong lành như chưa bao giờ được thở vậy. Từng cơn gió len lỏi vào những chiếc lông của tôi. Sao mà mát vậy, thoải mái đến vậy. Tôi như từ trong chiếc lò lửa nóng ran được thả ra nơi mát rượi. Bay lượn một lúc, tôi nhìn xuống dưới, tôi thấy cô chủ nhỏ đang ôm mặt khóc, cô khóc trông tội quá. Tôi phải làm sao đây, tôi bỏ cô chủ trong lúc cô đang buồn nhất sao, như vậy thì tôi cũng đâu có khác gì những con người độc ác kia. Phải rồi, tôi nên ở lại. Nhưng trái tim tôi lại không cho phép. Tôi đã mong ngóng cuộc sống tự do từ rất lâu rồi, tôi thèm khát được sống cuộc sống tự do kia mà...

Tôi bay xuống, đậu trên cánh tay cô chủ, cô chủ nhìn tôi mắt ngấn lệ. Ánh mắt cô chủ da diết quá, nhưng rồi cô lắc đầu, đưa bàn tay lên cao trả tôi về với bầu trời xanh của mình, với chị gió, với chú chim sẻ...!

Cô chủ ơi, giờ tôi đã hiểu, loài người không phải ai cũng xấu. Tôi dù ở đâu cũng luôn chúc cô chủ sống hạnh phúc, vui vẻ và đạt được những ước mơ của mình

(Bài của Vũ Hồng Nhung)

Hướng dẫn đọc

Hai bài viết vừa rồi đều là kể chuyện- nhớ là kể chứ không phải tả. Mà là kể chuyện sáng tạo, phải thay đổi điểm nhìn, phải nhập vai con chim trong lồng mà kể, thế mới khó chứ !

Tuy nhiên, cả hai bài đều đã đáp ứng tương đối tốt yêu cầu của đề. Các bạn ấy đều biết nhập vai, biết xây dựng cốt truyện, và, mỗi người một vẻ, tính cách và sở trường của mỗi bạn đều đã bộc lộ qua lời kể của các nhân vật chim sẻ và chim hoạ mi.

Tuy nhiên, bài viết đầu (chuyện của sẻ) có phần tốt hơn vì có bố cục rõ hơn và có nhiều chi tiết phong phú hơn.

PHẦN III- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 3 (BIỂU CẢM)

Đề 28- *Cảm nghĩ của anh chị về thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ qua một số bài ca dao than thân trách phận.*

Bài làm

Kho tàng văn học dân gian Việt Nam luôn là dòng sữa mát lành nuôi dưỡng tâm hồn chúng ta. Cùng với các thể loại khác, ra đời trong xã hội cũ, ca dao diễn tả tâm hồn, tư tưởng, tình cảm của nhân dân trong các mối quan hệ lứa đôi gia đình, quê hương, đất nước... Không chỉ là lời ca yêu thương tình nghĩa, ca dao còn là tiếng hát than thân cất lên từ cuộc đời xót xa, cay đắng của người Việt Nam, đặc biệt là của người phụ nữ trong xã hội cũ.

Trong xã hội phong kiến, người phụ nữ luôn bị coi nhẹ, rẻ rúng, họ không được quyền quyết định mọi lĩnh vực của cuộc sống. Tư tưởng "trọng nam khinh nữ đã chà đạp lên quyền sống của họ; đàn ông được coi trọng, được "năm thê bảy thiếp", được nắm quyền hành trong xã hội, trong khi đó phụ nữ chỉ là những cái bóng mờ nhạt, không được coi trọng. Họ phải làm lụng, vất vả cung phụng chồng con, một nắng hai sương mà cuộc đời thì tăm tối. Họ phải cất lên tiếng nói của lòng mình:

"Thân em như tấm lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai"

Tiếng nói đầy mặc cảm, cay đắng. Người phụ nữ ví mình như một tấm lụa được người ta bày bán giữa chợ. Thân phận họ cũng chỉ là vậy giữa chợ đời bao kẻ bán người mua. Thân phận họ bé nhỏ và đáng thương quá đỗi. Hai từ "thân em" cất lên sao xót xa, tội nghiệp. Xã hội lúc bấy giờ đâu cho họ được tự do lựa chọn, ngay từ lúc sinh ra, được làm người họ đã bị xã hội định đoạt, bị cha mẹ gả bán; họ không có sự lựa chọn nào khác:

"Thân em như con cá rô thia

Ra sông mắc lưới vào đìa mắc câu"

Không một lối thoát nào mở ra trước mắt, họ cảm thấy cuộc đời chỉ là kiếp nô lệ, bốn phía lưới giăng. Hình ảnh "tấm lụa đào", hay "con cá rô thia" trong hai câu ca dao trên là hình ảnh so sánh nghệ thuật. Hình ảnh này cho ta liên tưởng tới sự tầm thường, bé nhỏ của thân phận người phụ nữ: tấm lụa thì đem ra đổi bán, con cá rô thia được vùng vẫy đấy nhưng chỉ được trong chiếc ao tù. Hình ảnh con cá rô thia cho ta nghĩ đến người phụ nữ trong sự bủa vây của truyền thống, tập tục, quan niệm phong kiến

bao đời hà khắc. Đến hạnh phúc của mình cũng không được quyền quyết định:

"Hòn đá đóng rong vì dòng nước chảy

Hòn đá bạc đầu vì bởi sương sa

Em với anh cũng muốn kết nghĩa giao hoà

Sợ mẹ bằng biển, sợ cha bằng trời,

Em với anh cũng muốn kết tóc ở đời,

Sợ rằng mây bạc giữa trời mau tan"...

Bao khát khao bị kìm hãm, hạnh phúc lứa đôi bị rào cản phong tục đè nén, họ ngẫm mình và cất lên tiếng than cay đắng:

"Thân em như miếng cau khô

Người thanh chuộng mỏng, người thô tham dầy"

Câu ca nào cũng đầy ai oán, số phận nào cũng được ví bằng những thứ bé nhỏ, tầm thường, đó là sự ý thức, sự phản kháng của những con người triền miên bất hạnh. Họ có quyền được sống, được tự do yêu đương, nhưng xã hội đã chà đạp lên quyền của họ, chỉ cho họ một cuộc đời lầm lũi, chua cay:

"Năm nay em đi làm dâu

Thân khác gì trâu mang theo ách

Năm nay em đi làm vợ

Thân mang cầy, dây khiến không biết ai?

Em đi làm dâu không có mùa nghỉ, chỉ có mùa làm"

Người con gái trong bài ca dao H'Mông này đang than thân trách phận mình khi "xuất giá tòng phu". Họ lấy chồng, không phải vì hạnh phúc mà để làm một con vật lao động trong nhà chồng, một con vật suốt đời "theo ách" như trâu mang. Cuộc sống như khép lại trước mắt họ, chỉ thấy một sự trói buộc đến phũ phàng:

"Cá cắn câu biết đâu mà gỡ

Chim vào lồng biết thuở nào ra"

Có khi họ bị chồng đánh đập:

"Cái cò là cái cò quăm

Mày hay đánh vợ mày nằm với ai"

Có khi bị chồng phụ bạc:

"Nhớ xưa anh bủng anh beo

Tay bưng chén thuốc lại đèo múi chanh,

Bây giờ anh mạnh anh lành

Anh tham duyên mới anh tình phụ tôi."

Ở lĩnh vực nào người phụ nữ xưa cũng không được quyền hạnh phúc. Cuộc sống không có tự do, tình yêu không được công nhận, hôn nhân không được định đoạt, quan hệ vợ chồng không được coi trọng... Ở mặt nào họ cũng bị vùi dập xô đẩy, cũng không được quyền lên tiếng lựa chọn. Đến cả sự tỏ bày tình yêu cũng vô cùng tội nghiệp:

"Thân em như củ ấu gai

Ruột trong thì trắng, vỏ ngoài thì đen;

Không tin bóc vỏ mà xem

Ăn rồi mới biết rằng em ngọt bùi"

Ở câu than thân nào họ cũng ví mình thật tội nghiệp, nào là tấm lụa, nào là hạt mưa, nào là miếng cau khô, rồi củ ấu gai... thứ nào cũng nhỏ nhoi, tội nghiệp. Hạt mưa thì chẳng biết rơi vào đâu, miếng cau thì tuỳ người chọn...; còn củ ấu thì có vẻ đẹp bên trong mà không ai biết. Bài ca dao này là một sự giãi bày của người phụ nữ. Người phụ nữ muốn xã hội công nhận giá trị của mình, nhưng vẫn đầy tự ti: "Không tin bóc vỏ mà xem, ăn rồi mới biết là em ngọt bùi". Một sự mời mọc ngập ngừng!

Có thể nói, những bài ca dao than thân trách phận không chỉ là lời than thở vì cuộc đời, cảnh ngộ khổ cực, đắng cay, mà còn là tiếng nói phản kháng tiếng nói khẳng định giá trị, phẩm chất của người phụ nữ trong xã hội cũ.

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp)

Bài làm số 2

Ca dao than thân là một bộ phận của thể loại ca dao, dân ca. Chủ thể của những lời ca ấy là những con người có vị trí thấp hèn trong xã hội cũ - đặc biệt và đáng thương nhất là những người phụ nữ.

Trong xã hội phong kiến xưa, chịu sự chi phối nặng nề của hệ tư tưởng phong kiến, người phụ nữ thường không có vai trò gì đáng kể không chỉ ngoài xã hội mà ngay cả trong gia đình, thân phận họ cũng chỉ như con sâu, cái kiến. Vì thế họ là những người phải chịu nhiều thiệt thòi nhất. Tất cả những tâm sự sâu kín, họ đều gửi cả vào ca dao để họ hát lên những khi ru con, khi lao động, khi làm công việc trong nhà... Hát

lên cho vơi bớt những nỗi u uất, phiền muộn, để mong tìm được sự thông cảm, sẻ chia dù là vô vọng giữa cuộc đời đen bạc.

Nhân vật trữ tình trong các bài ca dao là những người con gái chưa chồng, những người mẹ, người vợ. Thân phận thấp hèn, phụ thuộc, không cho họ bất cứ một quyền tự quyết nào. Hạnh phúc tình yêu, cuộc đời và ngay cả thân xác mình cũng thuộc quyền sở hữu của người khác. Họ lo lắng cho tương lai cuộc đời mình nhưng đành phó mặc cho sự may rủi của số phận:

- Thân em như dải lụa đào

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai...

-Thân em như giếng giữa đường

Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân...

Hàng loạt những bài ca dao mở đầu hai từ "Thân em" như vậy đều là lời than của người phụ nữ, những người con gái chưa chồng. Họ bị ngăn cản cấm đoán trong tình yêu bằng đủ thứ luật lệ hà khắc. Họ "sợ mẹ bằng biển, sợ cha bằng trời", và nỗi sợ lớn nhất là sự bội bạc của lòng người. Tất cả nỗi sợ ấy đều bắt đầu từ xuất phát điểm là thân phận phụ thuộc. Chế độ xã hội với những khuôn phép của "tam tòng tứ đức" đã tước đi các quyền tối cao của một con người: quyền làm chủ cuộc đời mình. Gia đình phụ quyền chất lên vai người phụ nữ hàng đống trách nhiệm với bổn phận. Khi người con gái đi lấy chồng là đồng nghĩa với việc khoác vào mình hàng trăm nỗi lo toan khổ nhục của cuộc đời. Bài ca dao "Mười tay" của dân tộc Mường đã diễn tả chính xác nỗi khổ nhục ấy. Người mẹ không có ước muốn nào cao sang to tát mà chỉ ước muốn giản đơn là có đủ tay để làm tất cả các công việc mà mình phải đảm nhận. Nào bắt cá, bắt chim, nào làm ruộng, hái rau, ôm con,.. và cả việc "van lạy, bẩm thưa, đỡ đòn" nữa. Thật là muôn bề khổ! Vậy nhưng họ vẫn thương chồng, tha thiết với con, với gia đình. Sức chịu đựng của người phụ nữ chỉ đến thế là cùng, nghị lực của người phụ nữ cũng phi thường đến vậy:

"Bướm vàng đậu trái mùa u

Lấy chồng càng sớm lời ru càng buồn"

Lời ru buồn như bám níu, ám ảnh bao lớp thế hệ người nghe về thân phận của những người phụ nữ trong xã hội cũ. Những lời ca khổ đau ấy, như những bằng chứng chứng minh cho sự bất công của xã hội Việt Nam, trong hàng nghìn thế kỉ.

Hướng dẫn đọc

Đề văn này yêu cầu HS trình bày cách hiểu đối với những nét chính của vấn đề thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ.

Cả hai bài viết trên đây đã đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của một bài văn có tính nghị luận. Các bạn cũng đã phân tích đúng về nội dung của các bài ca dao.

Tuy nhiên, giá như các bạn ấy "sâu" hơn và "tinh" hơn một chút nữa! Chẳng hạn, các bạn viết rằng: người phụ nữ trong xã hội cũ bị áp bức và phải chịu nhiều bất công. Đúng vậy. Nhưng nguyên nhân của bất công, biểu hiện của những bất công ấy quả là phong phú và phức tạp hơn nhiều.

Và những câu ca dao đã trích dẫn trên đây không phải lúc nào cũng là "than thân, trách phận"!

Nhưng không sao! Rồi dần dần, tôi tin là các bạn ấy sẽ hiểu sâu sắc vấn đề.

Đề 29- *Cảm nghĩ về một bài ca dao mà anh (chị) thích*.

Bài làm

Đọc ca dao Việt Nam, tôi cứ bị ám ảnh mãi bởi hình ảnh "con cò đi ăn đêm":

"Cái cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao
Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con..."

Họ nhà cò thường kiếm ăn ban ngày chứ không "đi ăn đêm" như họ nhà vạc. Con cò chậm chạp, chăm chỉ kiếm ăn trên những cánh đồng vào lúc ban ngày... Vậy mà ở đây con cò lại đi kiếm ăn vào ban đêm. Sự khốn khó và cuộc sống ngày càng khó khăn khiến con cò phải lấn sang cả lãnh địa của kẻ khác là kiếm ăn "ban đêm ".

Có một sự bất cẩn nên xảy ra tai nạn: cò "lộn cổ xuống ao". Đây cũng là hậu quả của việc kiếm ăn vào thời gian khác thường. Và cò kêu cứu:

"Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng"...

Lời kêu cứu thống thiết cất lên giữa đêm tối mịt mùng, và hoàn toàn xa lạ với cuộc sống của cò. Nhưng lời kêu cứu ấy mới lạ làm sao! Vì sao cò lại phải đem đánh đổi, phải trả giá về việc cứu vớt chưa xảy ra ấy:

Hoá ra giữa một không gian xa lạ, thời gian đặc biệt như trên nên dù rất sợ hãi, cò vẫn phải kèm theo lời kêu cứu là một lời thanh minh. Cò thanh minh cho sự không may của mình, thanh minh cho hành động kiếm ăn, thanh minh cho thời gian bất thường của mình. Và cò con phải cam đoan, thề thốt:

"Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng"

"Tôi có lòng nào" nghĩa là "nếu tôi có ý đồ nào khác", "nếu tôi có ý gian xảo, phản trắc"... Và để đảm bảo cho sự thực ấy, cò đã lấy tính mạng mình ra mà thề: "... ông hãy xáo măng".

Có người hiểu lòng cò xáo măng là một món ăn ngon và phổ biến của người bình dân thời xưa, nghĩa là chỉ "xáo măng" với "lòng cò" chứ không phải "xáo măng" cả con cò. Như vậy thì bài ca dao đến đây chỉ là lời đùa.

Tuy nhiên, ta vẫn thấy ở đây có sự kêu cứu nghiêm trọng hơn.

Đã kêu cứu, đã thanh minh, đã thề nguyền. Nhưng cò hiểu rằng khó có ai tin lời của một kẻ thấp cổ bé họng như mình. Đã thấp cổ bé họng lại không có một điểm tựa nào khi sự sống của mình đang nằm trong tay người khác nên cò dự cảm về kết cục cuối cùng. Cò van xin:

"Có xáo thì xáo nước trong

Đừng xáo nước đục đau lòng cò con"...

Điều bất ngờ là sự van xin này không phải là sự nài nỉ để người ta tha mạng cho mình, mà sự cầu xin cuối cùng chỉ vì ý nghĩa của cái chết. Và ở đây, ta bỗng thấy một triết lí sống của người nông dân thời xưa đã được bộc lộ một cách hồn nhiên, tự phát: "Thác trong hơn sống đục".

Kết thúc bài ca dao là dư âm chua xót. Chua xót cho thân cò, chua xót cho cuộc đời của những kiếp người lầm than đau khổ. Hình ảnh cuối cùng của con cò trong bài ca dao như một dấu ấn đậm nét, một bài ca về vẻ đẹp trong sáng, thanh khiết của những con người Việt Nam: trong tăm tối, đau thương vẫn hướng tới sự trong sáng, cao đẹp của đạo đức và tâm hồn.

Hướng dẫn đọc

Bài ca dao quen thuộc và rất nổi tiếng này đã từng gây ra rất nhiều cách hiểu.

Bài viết trên đây cố nhiên chưa thể đưa ra một cách hiểu mới, và cũng chưa thể phân tích đầy đủ về giá trị nội dung và nghệ thuật của bài ca.

Tuy người viết có sử dụng nhiều ý của các bài viết bậc thầy, nhưng tôi thấy rằng, cảm thụ được như trên cũng thật hiếm và quý lắm!

Chỉ mong sao bạn ấy phát huy hơn nữa chính kiến của mình.

Đề 30- *Cảm nhận về truyền thuyết Mỵ Châu – Trọng Thuỷ.*

Bài làm

Mỵ Châu – Trọng Thuỷ là một truyền thuyết bi tráng nhất. ý nghĩa lịch sử của nó luôn luôn mới mẻ đối với dân tộc Việt Nam, đất nước Việt Nam chúng ta trong bất cứ thời đại lịch sử nào. Bài học về cảnh giác với kẻ thù trong sự nghiệp giữ nước càng suy ngẫm, càng thấy đau xót và thấm thía.

Xây thành ốc, chế nỏ thần là kì công của An Dương Vương. Tướng Cao Lỗ với kì công "làm nỏ, lấy vuốt rùa thần làm lẫy" không bao giờ phai mờ trong tâm hồn nhân dân và lịch sử của dân tộc. Thần Kim Quy là nhân vật huyền thoại xuất hiện đầu – cuối truyền thuyết *Mỵ Châu – Trọng Thuỷ* đã tô đậm yếu tố thần kì, huyền diệu trong kì tích yểm trừ yêu quái để xây dựng Loa Thành, để chế nỏ thần Kim Quy, và việc vạch mặt chỉ tên: "Kẻ ngồi sau lưng chính là giặc đó!"

Nỏ thần Kim Quy thật vô cùng lợi hại. Khi Triệu Đà từ phương Bắc đem quân sang cướp phá nước Âu Lạc, An Dương Vương đã lấy nỏ thần ra bắn chết hàng vạn tên giặc, quân Triệu Đà thua to, chạy về Trâu Sơn, không dám đối chiến, xin giảng hoà.

Có thành cao, hào sâu, lại có nỏ thần linh nghiệm, nhà vua còn lo gì nữa? Việc An Dương Vương nhận lời cầu hôn của họ Triệu phương Bắc – kẻ thù mới năm nào từng mang quân sang xâm lược nước mình, tàn sát nhân dân mình, việc An Dương Vương còn cho Trọng Thuỷ – con trai Triệu Đà ở rể, hành động ấy cho thấy nhà vua Âu Lạc đã mất cảnh giác cao độ, đúng là "nuôi ong tay áo, nuôi cáo trong nhà".

Nỏ thần là bí mật quốc gia, nhưng làm sao mà An Dương Vương và Triều đình nước Âu Lạc lại để cho Mỵ Châu biết đến, để người con gái lá ngọc cành vàng đem cho Trọng Thuỷ "xem trộm". Thậm chí đến lúc kẻ gian tế "ngầm làm một cái lẫy nỏ khác thay vuốt Rùa Vàng" mà nhà vua cũng chẳng hay biết gì! Và khi Trọng Thuỷ ăn cắp được lẫy nỏ thần đem về nước, Triệu Đà lại đem quân sang xâm lược Âu Lạc; cảnh đất nước lâm nguy, nhưng An Dương Vương "vẫn điềm nhiên đánh cờ", tự đắc cười lên giọng: "Đà không sợ nỏ thần sao?". Còn gì đáng trách hơn là khi cha con Triệu Đà mang quân sang, tiến sát kinh thành Cổ Loa thì vua Âu Lạc mới cầm lấy nỏ thần bắn; và khi thấy nỏ thần không linh nghiệm nữa

"bèn bỏ chạy" Bị giặc là chàng rể truy kích đến "đường cùng", An Dương Vương mới kêu to: "Trời hại ta, thần Kim Quy ở đâu, mau lại cứu" Đâu phải "Trời hại"! Cảnh thành vỡ nước tan, núi xương sông máu dưới vó ngựa xâm lăng của cha con Triệu Đà, thảm kịch ấy là do An Dương Vương mất cảnh giác và chủ quan khinh địch.

Sau khi nghe Rùa Vàng hiện lên thét lớn: "Kẻ ngồi sau lưng là giặc đó!" thì nhà vua mới tỉnh ngộ, hiểu ra cơ sự và chỉ còn biết "tuốt kiếm chém Mỵ Châu". Cái chết của nhà vua đâm đầu xuống biển, ôm theo mối thù hận, đau buồn thên thu đã được người kể chuyện bao phủ một lớp sương mờ huyền thoại: "Vua cầm sừng tê bảy tấc. Rùa Vàng rẽ nước dẫn vua xuống biển". Nhà vua phải là người chị trách nhiệm nặng nề trước lịch sử. Nhưng qua truyền thuyết, nhân dân ta đã dành cho An Dương Vương một tình thương, vừa đánh giá công lao dựng nước như xây Loa Thanh, chế nỏ thần, vừa cảm thông cho "tấm lòng thành thực" của người đứng đầu nước Âu Lạc trong việc bang giao với phương Bắc, không muốn chi đến tranh. Ý định chân thành ấy đã bị quân thù tham lam, nham hiểm lợi dụng gây nên thảm hoạ cho đất nước, bi kịch cho gia đình. Cái chết của an Dương Vương là một hình phạt. "Rùa Vàng rẽ nước dẫn vua xuống biển" là tình thương.

Với Rùa Vàng thì Mỵ Châu là giặc một thứ giặc đang "ngồi sau lưng" nhà vua ! Với An Dương Vương thì Mỵ Châu là kẻ trọng tội, gây nên nỗi "cơ đồ đắm biển sâu" nên phải chém. Vì ngây thơ và quá tin yêu chồng, mà nàng đã cho Trọng Thuỷ "xem trộm" nỏ thần, và để hắn ăn cắp lẫy nỏ thần. Vì ngây thơ và quá tin yêu Trọng Thuỷ mà Mỵ Châu đã rắc lông ngỗng trên đường chạy giặc, để cha con Triệu Đà thúc quân truy kích An Dương Vương đến tận bờ biển phương nam đất Dạ Sơn, tổng Cao Xá, phủ Diễn Châu. Lời khấn của Mỵ Châu trước khi bị vua cha chém chết cho thấy nàng đã "bị lừa dối". Đó cũng là mối hận nghìn đời: "Thiếp là phận gái, nếu có lòng phản nghịch mưu hại cha, chết đi sẽ biến thành hạt bụi. Nếu một lòng trung hiếu mà bị lừa dối thì chết đi sẽ biến thành châu ngọc để tẩy sạch mối nhục thù". Mỵ Châu chết đi đã hoá thành ngọc. Máu nàng được các loài trai dưới biển hút, nên mới có ngọc trai. Sự thần hoá kiếp ấy là một minh chứng nàng là cô gái "một lòng trung hiếu mà bị lừa dối"... Dù ngây thơ, dù vô tình, Mỵ Châu là kẻ có tội đối với đất nước Âu Lạc và đối với vương phụ. Dù có tội, nhưng nàng thật đáng thương Mỵ Châu biến thành ngọc trai ngàn năm sáng mãi là cách nhìn nhận đầy nhân tình, nhân hậu đối với nàng. Sự phán xét của lịch sử và của nhân dân thật nghiêm khắc và công bằng.

Hơn hai nghìn năm đã trôi qua, người đọc truyền thuyết vẫn cảm thấy sợ hãi và ghê tởm đối với Trọng Thuỷ. Vị phò mã của An Dương

Vương, người chồng "yêu quý" của Mỵ Châu là một tên gián điệp, một tên lừa đảo, một tên ăn cắp. Hắn còn là một kẻ đầy tham vọng, muốn biến Âu Lạc thành quận huyện của phương Bắc. Việc Trọng Thuỷ lao đầu xuống giếng là một hành động ân hận, sám hối, hay đó là sự trừng phạt nghiêm khắc, một sự báo oán nhỡn tiền!

Tình tiết ngọc trai đem rửa nước giếng Trọng Thuỷ nơi Cổ Loa sẽ "sáng thêm" đã làm sáng tỏ tấm lòng trung hiếu của người con gái Âu Lạc đã "bị lừa dối".

Nhiều nhà thơ đã viết về truyền thuyết *Mỵ Châu – Trọng Thuỷ*. Thi sĩ Tản Đà đã để lại vần thơ ngậm ngùi:

"Hạt châu giếng nước

Ngàn năm khói nhang"

Truyền thuyết *Mỵ Châu – Trọng Thuỷ* nhắc nhở chúng ta đừng có mơ hồ.

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. NXB ĐHQG Hà Nội, 2006, tr. 24).

Đề 31- *Ca dao có một số câu bắt đầu bằng "Thân em...". Anh (chị) hãy tìm hiểu khoảng ba, bốn câu như thế và làm rõ nét đặc sắc của chúng.*

Bài làm

Trong ca dao Việt Nam có một điều rất lạ: nhiều câu ca dao hoàn toàn không khác nhau về nội dung, ý nghĩa, nhưng lại cùng tồn tại và mỗi câu đều đem lại niềm hứng thú riêng cho người thưởng thức. Chẳng hạn có rất nhiều câu bắt đầu bằng "*Thân em*" cùng nói lên số phận đắng cay của người phụ nữ ngày xưa:

- Thân em như tấm lụa đào,

Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.

- Thân em như hạt mưa sa,

Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.

- Thân em như giếng giữa đàng,

Người khôn rửa mặt, người phàm rửa chân.

- Thân em như con hạc đầu đình,

Muốn bay không cất nổi mình mà bay.

Cái chung của những câu ca dao này là gì? Tất cả đều nói lên tình cảnh cay đắng của người phụ nữ, bị tước đoạt quyền tự do, quyền quyết định hạnh

phúc của mình, hoàn toàn phó mặc cho ngẫu nhiên của số phận. Cho dẫu phẩm chất đẹp đẽ, cao quý như tấm lụa đào, phẩm chất ấy cũng không đảm bảo được hạnh phúc. Cho dẫu hoàn toàn giống nhau về giá trị, như những hạt mưa từ trời cao sa xuống, số phận của những người con gái cũng chưa chắc giống nhau; sự may rủi của đời có thể đưa đến những khác biệt, thậm chí những số phận tương phản. Sự may rủi có thể đưa đến những cảnh ngộ, hoặc được trân trọng hoặc bị bạc đãi, như cùng là nước giếng, mà cũng có thể được dùng cho người rửa mặt, hoặc bị đưa cho người rửa chân. Như con hạc đầu đình, người phụ nữ bị trói chặt vào số phận, dẫu có ao ước đổi thay, họ không sao có thể quyết định được. Cả bốn câu ca dao, với những sự so sánh khác nhau, cùng cho ta biết một thực trạng của chế độ phong kiến: quyền sống của người phụ nữ, mà trước hết là quyền tự do quyết định đời mình, hoàn toàn bị phủ nhận. Đó chính là nguồn gốc của mọi đau khổ, mọi cảnh ngang trái mà người phụ nữ phải chịu đựng trong cả đời người dằng dặc.

Cả bốn câu ca dao là bốn tiếng than dài, làm nên một chuỗi tiếng than buồn bã, đau đớn. Mở đầu bằng "Thân em", những người phụ nữ ngày xưa đã hiểu được nỗi khổ của mình, nỗi khổ riêng và nỗi khổ chung của mọi người phụ nữ. Bởi xét cho cùng, dẫu cho có tấm lụa đào nào được rơi vào tay khách quý, có hạt mưa sa nào được vào nơi đài các, có nước giếng nào được đem rửa mặt, thì cũng nhờ vào may mắn mà có, nên thực ra nó cũng bấp bênh. Huống chi trong bao nhiêu tấm lụa đào, bao nhiêu hạt mưa sa, bao nhiêu nước giếng, mới có được một số phận sáng tươi. Cho nên đau khổ vẫn là cái chung. Những câu ca dao trên chính là tiếng than đã cất lên từ hàng triệu cuộc đời trong nghìn năm của chế độ phong kiến. Than vãn mà không oán trách, bởi vì không biết oán trách ai, người phụ nữ ngày xưa chỉ biết đó là thân em, cái số phận đã dành cho mình, không thể nào cắt nghĩa được.

Cả bốn câu ca dao hầu như được đúc ra từ một khuôn: ngoài cái giống nhau về nội dung, cả bốn câu đều giống nhau về kết cấu. Mỗi câu là một so sánh nghệ thuật. Bắt đầu bằng "Thân em" rồi tiếp theo là một sự vật so sánh ở nửa câu trên, để chỉ thân phận của người phụ nữ.

Tuy nhiên, những câu ca dao ấy không hoàn toàn giống nhau. Nếu hoàn toàn giống nhau, chúng đã không tồn tại. Trên cơ sở giống nhau về ý nghĩa, mỗi câu ca dao lại khác nhau về hình ảnh so sánh. Và đó chính là điều tạo nên sắc thái riêng, hứng thú riêng.

Hình ảnh "tấm lụa đào" gợi nên một ý niệm đẹp, đẹp từ chất liệu, dáng vẻ đến màu sắc. "Người đẹp nhờ lụa", bởi đó là thứ vải mặc được dệt từ loại tơ tằm tốt nhất, bóng, sáng, mềm dịu, mặc vào thì mát mẻ, làm đẹp con người lên. Đã lụa lại lụa màu hoa đào nữa thì đẹp quá. Quý thế nhưng khi đem bán thì phải bày lụa ra giữa chợ, để nó "phất phơ giữa chợ", giữa chốn "trăm người bán, vạn người mua", có đủ thứ người sang kẻ

hèn, người thanh kẻ tục. Lụa đẹp nhưng đã chắc gì có người biết đúng giá trị của nó, thật là tội nghiệp cho tấm lụa!

Hình ảnh "hạt mưa sa" lại gợi lên một sắc thái khác. Đố ai đếm được có bao nhiêu hạt mưa từ trời rơi xuống trong một cơn mưa! Mọi hạt đều trong trẻo như nhau, ngọt mát như nhau, nhỏ bé như nhau, không có hạt mưa nào hơn hạt mưa nào. Thế nhưng giữa cơn mưa đầy trời ấy, chỗ "rơi xuống", số phận cuối cùng của các hạt mưa, đã không giống nhau. Giữa triệu triệu hạt mưa rơi xuống đất, một số ít hạt mưa may mắn hơn, không rơi xuống bùn lầy, không rơi mất hút vào luống đất vừa cày xới, lại rơi ngay vào chốn lầu son gác tía. Thật là một bức tranh sinh động.

Câu thứ ba lấy hình ảnh so sánh là "giếng nước giữa đàng", một hình ảnh vốn quen thuộc với làng xóm ngày xưa. Vì là giữa đàng nên có bao nhiêu người qua lại. Giữa những người qua lại tất nhiên có người khôn (người có lòng, có con mắt tinh đời...), kẻ phàm (kẻ tầm thường, bần tiện...). Thái độ của người sử dụng nước giếng giữa đàng không phải do nước giếng mà do phẩm chất của người dùng nước. Hai hình ảnh "rửa mặt" với "rửa chân" thật là sinh động và thú vị.

Câu ca dao thứ tư dùng hình ảnh so sánh mới thật sắc sảo. "Con hạc đầu đình" vốn không phải là một sinh vật mà là một vật dụng để thờ, bằng gỗ hay bằng đồng. Con hạc ấy không thể bay được. Như nhìn vào thân phận của mình, người phụ nữ xưa đã gán cho nó cái ý "muốn bay" để rồi từ đó nhận ra "không cất nổi mình mà bay". Sự tương phản giữa ý muốn chủ quan với thực tế khách quan đến là mạnh mẽ. Từ câu ca dao như bật lên niềm khát khao và một nỗi bất bình, bức bối đến nghẹt thở.

Ta cắt nghĩa như thế nào về sự cùng tồn tại của những câu ca dao vừa giống nhau vừa khác nhau đó?

Trước hết, ca dao là những tác phẩm đã được sáng tạo ra bởi nhiều người khác nhau, ở những thời kì khác nhau, trên những vùng đất khác nhau. Gặp cảnh ngộ đắng cay, với cách nói cụ thể có hình ảnh, người nông dân xưa liên kết số phận mình với một hình ảnh trùng hợp có trước mắt, thế là câu ca dao ra đời. Câu ca dao ấy vừa mang tâm tư của người sáng tác vừa mang luôn dấu ấn của thực tế mà người sáng tác đang đối diện.

Không hẹn mà nên, cái chung của số phận đã làm cho những câu ca dao vốn không hề biết nhau lại gặp nhau ở một nội dung chung.

Mặt khác, cả khi trong tâm trí đã có sẵn một câu ca dao cũ của người khác, thì gặp cảnh ngộ của mình, dẫu giống mà vẫn có nét khác với nhiều người đi trước đã nói. Đó không phải là sự lặp lại mà chỉ là việc bổ sung cho cái đã có thêm đa dạng.

Chỉ xét riêng bốn câu ca dao "Thân em", ta cũng thấy được ca dao thật là thú vị, đúng là sản phẩm của tài năng và tâm hồn phong phú của quần chúng nhân dân. Những câu ca dao ấy giúp ta hiểu được những nỗi cay đắng dày đặc mà người phụ nữ Việt Nam ngày xưa đã phải trải qua và đồng tình với khát vọng "cất nổi mình mà bay" của họ.

(Theo *Dàn bài tập làm văn 10.*

NXB Giáo dục, Hà Nội, 2003, tr. 93)

Đề 32- *Cảm nghĩ của anh (chị) về bài thơ 'Tỏ lòng" của Phạm Ngũ Lão.*

Bài làm

Quy luật của sự tồn tại và phát triển văn học là sự gắn bó chặt chẽ với vận mệnh dân tộc và số phận con người. Trong bất cứ một giai đoạn văn học nào cũng có thể nhìn thấy hình ảnh lịch sử xã hội giai đoạn ấy. Văn học đời Trần cũng không là ngoại lệ. Đó là tấm gương phản chiếu một thời đại lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam, của tinh thần yêu nước Việt Nam. Điều thú vị hơn nữa là những tác phẩm văn học tiêu biểu lại gắn liền với tên tuổi những danh tướng, những nhà quân sự tài ba như Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Phạm Ngũ Lão, Đặng Dung... Có lẽ chính bởi điều đó mà hình tượng con người trong văn học đời Trần luôn nổi bật bởi tinh thần trách nhiệm đối với giang sơn xã tắc.

Tỏ lòng – bài thơ nổi tiếng của danh tướng Phạm Ngũ Lão- là một bức tranh đẹp về con người thời đại nhà Trần. Qua đó người đọc không chỉ cảm nhận được không khí hào hùng một thời đại mà còn có thể cảm nhận được vẻ đẹp con người thời đại ấy trong lịch sử đấu tranh giữ nước của dân tộc Việt Nam:

"Hoành sóc giang san kháp kỉ thu
Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu
Nam nhi vị liễu công danh trái
Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu"

Dịch nghĩa:

Cầm ngang ngọn giáo đứng giữa non sông trải đã mấy thu
Ba quân như hổ có thể nuốt trôi trâu
Nam nhi chưa trả xong món nợ công danh
Thẹn khi nghe nhân gian noi chuyện Vũ Hầu.

Bài thơ đã khái quát trọn vẹn bức chân dung người anh hùng đời Trần. Đó là một tư thế hiên ngang hào sảng, một khí phách mạnh mẽ, một hoài bão cao đẹp. Những đường nét ấy chỉ có thể được làm nên bởi một thời đại mà niềm tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm đối với giang sơn xã tắc là một ngọn lửa hừng hực cháy trong trái tim mỗi người dân.

Mở đầu bài thơ là hình ảnh người anh hùng trong tư thế hiên ngang:

"Cầm ngang ngọn giáo đứng giữa non sông trải đã mấy thu"

Tính chất hiên ngang thể hiện trong hình ảnh chiếm lĩnh không gian (Cầm ngang ngọn giáo, đứng giữa non sông"), và chiếm lĩnh thời gian ("đã mấy thu" rồi). Không gian đo bằng chiều dài đất nước, thời gian đo bằng tháng năm... Tất cả làm nên một tượng đài về người anh hùng mà linh hồn của tượng đài ấy là ý thức lớn lao về trách nhhiệm bảo vệ tổ quốc. Điều ấy đã trở thành tinh thần của không chỉ những người anh hùng nhà Trần, mà còn tiêu biểu cho tinh thần dân tộc, làm nên truyền thống bất khuất, kiên trung của biết bao thế hệ yêu nước trong những năm tháng đấu tranh giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Cùng với một tư thế hiên ngang, hình ảnh người anh hùng trong bài thơ còn được khắc hoạ bởi một sức mạnh phi thường. Nếu câu thơ đầu tiên là biểu tượng về tinh thần dân tộc thì câu thơ thứ hai là biểu tượng của khí thế dũng mãnh của một đội quân, một khối đoàn kết, một khối sức mạnh không gì địch nổi:

"Ba quân khí mạnh nuốt trôi trâu"

Nhưng có lẽ đẹp hơn cả, hào hùng hơn cả là hoài bão cao đẹp của người anh hùng:

"Nam nhi chưa trả xong nợ công danh

Thẹn khi nghe nhân gian nói chuyện Vũ Hầu"

Vũ Hầu Gia Cát Lượng là tấm gương của tinh thần cống hiến, là hình ảnh lí tưởng của kẻ nam nhi lập công danh và được lưu truyền trong sử sách. Người nam nhi trong bài thơ, trước tấm gương Gia Cát Lượng đã "thẹn" với chính mình vì món nợ công danh chưa trả xong. Đó là cái "thẹn" cao cả, cái "thẹn" chỉ có thể có được ở những con người ý thức sâu sắc hơn ai hết về nghĩa vụ làm người, về trách nhiệm của kẻ làm trai trong trời đất. Chính cái thẹn ấy đã làm nên vẻ đẹp, làm nên chiều sâu bên trong của bức chân dung người anh hùng thời nhà Trần, làm nên một thời đại rạng danh sử sách bởi ý chí quật cường và tinh thần " Sát Thát".

Đọc bài thơ, người đọc không chỉ cảm động trước lời tỏ bày về trách nhiệm đối với non sông của một con người mà còn được chứng kiến và

ngưỡng mộ một thời đại đã làm nên những dấu ấn rực rỡ trong lịch sử dân tộc ta.

Bài thơ được viết cách chúng ta hơn mươi thế kỉ nhưng những trăn trở, hoài bão của nhà thơ vẫn mang ý nghĩa tích cực. Quyết chí lập công, sao cho "lưu danh sử sách cùng trời đất muôn đời bất hủ" (*Hịch tướng sĩ văn*- Trần Quốc Tuấn) vẫn là một quan niệm còn nguyên giá trị trong cuộc sống hôm nay.

(Bài do cô giáo Hoàng Thị Tâm cung cấp)

Hướng dẫn đọc

"Tỏ lòng" *là bài thơ thể hiện khát vọng lập công danh, đền nợ nước của danh tướng Phạm Ngũ Lão. Đó là bài thơ mang vẻ đẹp của một tâm hồn có lí tưởng, phản ánh hào khí của cả một dân tộc trong thời kì chống giặc Nguyên Mông xâm lược.*

Phát biểu cảm nghĩ về bài thơ này chắc không thể thoát khỏi việc ca ngợi vẻ đẹp trong tâm hồn người anh hùng thời đại nhà Trần: vẻ đẹp của lòng yêu nước và sự cao cả của một trái tim mang hoài bão lớn...

Bài viết trên đây cũng đã đảm bảo được yêu cầu nêu trên. Tuy nhiên, các ý ấy cần được toát ra từ sự phân tích các câu thơ cụ thể và hấp dẫn hơn, trình bày mạch lạc hơn.

Đề 33- *Cảm nghĩ của em về bài Tựa "Trích diễm thi tập" của Hoàng Đức Lương.*

Bài làm

Hoàng Đức Lương đỗ Tiến sĩ năm Mậu Tuất 1478, soạn giả cuốn "Trích diễm thi tập", gồm có sáu quyển. Có thể xem đây là một tuyển tập thơ nước ta ra đời sớm nhất đã được khắc ván in dưới thời Hồng Đức vua Lê Thánh Tông.

Bài *Tựa "Trích diễm thi tập"* được Hoàng Đức Lương viết vào mùa xuân năm thứ 28, niên hiệu Hồng Đức (1497). Qua bài Tựa, ông nói lên quá trình tuyển chọn thơ, biểu lộ niềm tự hào, lòng trân trọng và ý thức bảo tồn di sản văn học của dân tộc.

Phần đầu bài tựa, Hoàng Đức Lương nói lên tình trạng và lí do thơ ca của các thời Lí, Trần, Lê "không truyền lại đầy đủ ở đời". Ông nêu lên bốn lí do:

Lí do thứ nhất là sắc đẹp của thơ ca "ở ngoài mọi sắc đẹp, mắt thường không thấy được"; vị ngon của thơ ca "ở ngoài mọi vị ngon, miệng thường không nếm thấy". Ông khẳng định thơ ca là sản phẩm tinh thần rất đặc biệt, "chỉ có thi nhân mới có thể thấy được sắc đẹp đó, nếm được vị ngon đó". Vì thế "khiến thơ ca không lưu truyền đầy đủ được ở đời".

Lí do thứ hai là thơ ca của các bậc giai nhân, tài tử thời Lí, Trần đã góp phần tô đẹp nền văn hiến Đại Việt, nhưng vì các bậc danh nho làm quan to vì bận rộn công việc triều đình mà "không có thì giờ để biên tập", còn các quan viên cấp thấp, vì "lật đật lo thi cử, hoặc lo công việc hằng ngày" nên "không để ý", vì thế "thơ ca không lưu truyền đầy đủ ở đời".

Lí do thứ ba là có thể cũng có người đã từng sưu tập thơ ca, nhưng vì thấy "trách nhiệm nặng nề, rồi lượng sức mình yếu kém rồi bỏ dở", nên khiến "thơ ca không lưu truyền đầy đủ được ở đời".

Lí do thứ bốn là ở nước ta, chỉ nhà chùa mới được tự do khắc ván in sách, còn các nhà Nho, "nếu như chưa được nhà vua cho phép, thì không được in ra để lưu hành nên đã "khiến thơ ca không lưu truyền đầy đủ ở đời"

Qua đó, ta thấy Hoàng Đức Lương đã sử dụng thao tác liệt kê và phép quy nạp để thuyết minh và giải thích bốn lí do "khiến thơ ca không lưu truyền đầy đủ ở đời".

Sau hơn năm thế kỉ, chúng ta có ít nhiều phân vân về lí do thứ nhất mà Hoàng Đức Lương đã nêu. Ngoài bốn lí do mà ông đã nêu ra, chúng ta cảm thấy còn thiếu một số lí do quan trọng nhất mà thơ ca nước nhà "không lưu truyền đầy đủ ở đời". Đó là chính sách đồng hoá vô cùng thâm hiểm của Thiên Triều, nhất là của giặc Minh đã thi hành một chính sách cướp, phá, đốt vô cùng dã man:

"Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ"

(*Bình Ngô đại cáo*)

Triều Minh đã nhiều lần ra lệnh cho bọn Trương Phụ, Hoàng Phúc ra tịch thu, tiêu huỷ thứ sách vở và phá huỷ bia đá của ta. Chúng còn bắt nhân dân ta phải thay đổi cả phong tục tập quán cho đến cả cách ăn mặc cũng phải theo lối phương Bắc. Phan Huy Chú trong cuốn *Lịch triều hiến chương văn tịch chí* cho biết giặc Minh không những đã đốt của nhân dân ta hàng núi sách mà còn cướp "mất trên một trăm bộ sách quý giá thời Lí, Trần".

Giặc Minh chiếm nước ta năm 1407. Hoàng Đức Lương viết bài *Tựa "Trích diễm thi tập"* năm 1497, nghĩa là 90 năm sau, không biết vì sao nhà soạn giả không nói đến lí do này?

Phần thứ hai của bài tựa, Hoàng Đức Lương nói lên tâm trạng của mình "phải than thở" khi học làm thơ "chỉ dựa vào các nhà thơ đời Đường mà thôi, còn thơ văn ta thời Lí – Trần thì không khảo cứu vào đâu được". Ông vô cùng đau xót trước hiện trạng "một nước văn hiến, trải mấy nghìn năm xây dựng, lẽ nào không có một quyển sách để làm chứng tích, mà phải tìm đọc xa xôi qua thơ ca thời Đường...". Có thể nói đó là tâm trạng của một con người, một kẻ sĩ giàu tinh thần dân tộc, tự tôn và tự cường cao độ.

Phần thứ ba, Hoàng Đức Lương khiêm tốn nói lên quá trình sưu tập, chọn lọc sắp xếp... để làm nên *Trích diễm thi tập* được sáu quyển, vốn biết "công việc thì nặng nề, mà khả năng còn hạn chế"...

Bài *Tựa "Trích diễm thi tập"* được Hoàng Đức Lương trình bày một cách sáng sủa, khúc chiết về lí do ông biên soạn nên công trình thơ ca này. Cái tài và cái tâm của ông đã góp phần to lớn vào công việc bảo tồn di sản thơ ca của dân tộc. *Trích diễm thi tập* là một công trình văn học vĩ đại góp phần tô đẹp nền văn hiến Đại Việt với tất cả lòng yêu nước, tự hào.

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*. Sđd, tr. 97).

Đề 34- *Cảm nhận của anh (chị) về nhân vật nàng Xi-ta trong đoạn trích "Ra-ma buộc tội" (SGK Ngữ văn 10, tập 1)*

Bài làm

Ra-ma-ya-na là bộ sử thi, niềm tự hào của người Ấn Độ. Người dân Ấn Độ tin rằng "chừng nào sông chưa cạn, đá chưa mòn thì *Ra-ma-ya-na* còn mãi làm say lòng người và cứu họ ra khỏi vòng tội lỗi". Một nhà nghiên cứu phương Tây từng miêu tả về *Ra-ma-ya-na*: "Đó là tác phẩm chan chứa những âm điệu du dương, toát ra một bầu không khí yên lành và một tình yêu thương vô bờ bến trong hoàn cảnh xã hội đầy sự mâu thuẫn và xung đột" (Michelet).

Một trong những hiện thân của vẻ đẹp làm say lòng người ấy là nhân vật Xi-ta. Nàng không chỉ là hình ảnh bổ sung cho sự kì vĩ của người anh hùng Ra-ma mà còn là minh chứng cho vẻ đẹp chân thực, toàn mĩ của người phụ nữ Ấn, từ hình dáng bên ngoài đến những phẩm chất tâm hồn bên trong.

Vẻ đẹp của nàng luôn được miêu tả gắn liền với cụm từ "gương mặt bông sen"-đó là chi tiết ngoại hình luôn được láy đi láy lại trong tác phẩm. Hoa sen hay bông sen là biểu tượng của vẻ đẹp chuẩn mực, vẻ đẹp của cả hình dáng bề ngoài và chiều sâu nội tâm trong quan niệm thẩm mĩ của người Ấn Độ. Khuôn mặt bông sen, đôi mắt hình hoa sen...là

những hình ảnh miêu tả quen thuộc về người phụ nữ trong văn học Ấn Độ. Miêu tả nàng bằng chi tiết ấy, dường như ngay từ đầu, người kể đã khẳng định vẻ đẹp toàn mĩ ở nàng.

Và vẻ đẹp toàn mĩ ấy cũng đã được thử thách trong suốt chiều dài các sự kiện của câu chuyện. Song lần thử thách cuối cùng nghiệt ngã nhất nhưng đồng thời cũng vinh quang nhất là sự kiện Ra-ma buộc tội nàng và nàng bước lên giàn lửa. Chương 78 kể lại những diễn biến đầy kịch tính của sự kiện này.

Đọc chương truyện cùng với những cảm thương trước nỗi oan uổng của nàng, ta còn có thể sẻ chia cùng nàng cái cảm giác bị ruồng bỏ, dù rằng đằng sau sự ruồng bỏ ấy là tình yêu. Và có lẽ, đó chính là dấu ấn bi kịch trong bộ sử thi tràn ngập cảm xúc ngợi ca này.

Ta có thể hiểu tâm trạng của Ra-ma trong những lời buộc tội Xi-ta: ban đầu vì sợ tai tiếng, về sau là cảm giác nghi ngờ, ghen tuông. Trong lời nói có đầy đủ sự giận dữ, sự ghẻ lạnh, sự xúc phạm và lăng nhục của chàng vẫn có tình yêu. Nhưng chính tình yêu lại càng làm cho những lời nói của chàng trở nên độc ác. Chàng đã không chỉ buộc tội nàng, chàng đã xúc phạm và hơn thế, lăng nhục nàng bằng những lời lẽ nặng nề nhất. Và Xi-ta đã nghe, đã cảm nhận được tất cả những trạng thái tình cảm ấy ở chồng mình. Còn gì đau đớn hơn khi người thân yêu nhất lại xúc phạm mình nặng nề đến thế?

Trước lời buộc tội của chồng, nàng Xi-ta trái tim tan nát, đau đớn đến nghẹt thở, xấu hổ cho số kiếp..., nghĩa là nàng phải trải qua một loạt những cảm xúc của nỗi đau, nỗi tủi nhục, nàng phải tự minh oan cho mình. Và nàng đã thật thông minh khi lần lượt chứng minh những ngờ vực của Ra-ma là không căn cứ. Nàng lấy danh dự, rồi nguồn gốc xuất thân, lòng trung thành, tình yêu của mình để làm minh chứng. Nhưng, tất cả dường như đều không đủ, đều vô nghĩa trước cơn giận dữ của Ra-ma. Chàng ngồi đó,"trông khủng khiếp như thần chết vậy". Tình huống sử thi, tính cách nhân vật sử thi hay tâm lí con người bình thường đã chi phối diễn biến của chuyện, chi phối tâm trạng của Ra-ma ? Chàng Ra-ma cao quý khi ấy có khác gì những con người bình thường, tầm thường nhất?

Thái độ của Ra-ma đã tạo nên hoàn cảnh bi thảm của Xi-ta, buộc nàng phải chứng minh bằng hành động thuyết phục cuối cùng: bước lên giàn lửa. Thần lửa A-nhi sẽ là minh chứng cuối cùng, đủ sức thuyết phục nỗi nghi ngờ khổng lồ trong tâm hồn của chồng nàng. Lúc này, cho dù lâm vào hoàn cảnh nghiệt ngã ấy, ở nàng vẫn ngời lên một tình yêu thuỷ chung, trong sáng.

Có lẽ, chính tình yêu ấy làm nên lòng dũng cảm của nàng. Nàng bước vào ngọn lửa trong sự kêu khóc váng trời của muôn loài, trong nỗi thương xót cực độ của những người chứng kiến.

Thần lửa A-nhi đã khẳng định sự trong trắng của nàng:"Hỡi Ra-ma, Gia-na-ki của ngươi đây. Nàng trong trắng. Nàng không phạm bất cứ tội lỗi nào, bằng lời nói, việc làm, hay ý nghĩ" (Dẫn theo SGK *Ngữ Văn* 10, tập 1).

Sự trong trắng của nàng là sự trong trắng tuyệt đích. Cho dù bị xúc phạm, bị lăng nhục nhưng tình cảm của nàng, sự thuỷ chung của nàng vẫn không hề thay đổi. Vẻ đẹp của nàng là vẻ đẹp của một tấm gương mà bất cứ một người phụ nào trên trái đất này đều có thể soi và tự hoàn thiện mình. Nàng trở về trong vòng tay của Ra-ma sau sự chứng minh khốc liệt nhất. Đó là sự khẳng định cao nhất phẩm chất của nàng.

Sức hấp dẫn của sử thi Ấn Độ một phần là bởi trong vẻ đẹp của huyền thoại vẫn lấp lánh những tính cách rất con người. Nhưng với Xi-ta, vẻ đẹp huyền thoại và vẻ đẹp con người dường như hoàn toàn thống nhất. Đó phải chăng là lời ngợi ca đẹp nhất về nàng.

Tuy thế, cảnh tượng bi tráng về nàng, nỗi đau của nàng vẫn còn để lại những dấu ấn không phai trong lòng người đọc. Nàng là biểu tượng của vẻ đẹp nhưng cũng là nỗi đau xót mà một người phụ nữ có thể gặp trong cuộc đời mình. Nhưng hơn hết, tình yêu vẫn luôn là phép màu kì diệu làm cho thế giới mãi mãi tốt đẹp hơn. Xi-ta là biểu tượng của sự hoàn thiện, hoàn mĩ về cả hình thức, tâm hồn và tình yêu cao cả. Nhưng bi kịch của nàng cũng tiêu biểu cho nhưng gì mà người phụ nữ có thể gặp phải trong thế giới này.

Không khí trong lành và tình yêu thương vô bờ bến toát ra từ những trang sử thi *Ra-ma-ya-na* chính bởi vẻ đẹp thẳm sâu của nữ nhân vật: nàng Xi-ta.

(Bài do cô giáo Hoàng Thị Tâm cung cấp)

Hướng dẫn đọc

Trong khi học đoạn trích "Ra-ma buộc tội", ta đã biết nhân vật Xi-ta với vẻ đẹp trong sáng, thủy chung nhưng phải chịu oan khuất, phải bước lên dàn hoả thiêu mới có thể minh oan được cho mình trước "lời buộc tội" của Ra-ma, chồng nàng.

Ở đây có những điều tế nhị, khó diễn đạt bằng lời, vì tình yêu, sự trong sáng và chung thủy của nàng Xi-ta, cũng như những lời xúc phạm nặng nề của Ra-ma đối với nàng, tất cả đều có các góc cạnh và có nhiều mâu thuẫn.

Bài viết trên đây đã đạt được những yêu cầu chính của một bài tập làm văn dành cho HS lớp 10. Có đoạn đạt tới sự tế nhị rất đáng khích lệ: "Đọc chương truyện cùng với những cảm thương trước nỗi oan uổng của nàng, ta có thể sẻ chia cùng nàng cái cảm giác bị ruồng bỏ, dù rằng đằng sau sự ruồng bỏ ấy là tình yêu"...

Đề 35- *Cảm nghĩ của anh (chị) khi học bài thơ Độc Tiểu Thanh kí của Nguyễn Du.*

Bài làm

Độc Tiểu Thanh kí là bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du rút trong tập *Bắc hành tạp lục* được viết trong thời gian tác giả đi sứ sang Trung Quốc.

Tiểu Thanh là một người con gái tài sắc, nhưng phải làm lẽ mọn, bị hành hạ vì ghen tuông và đã chết khi còn trẻ. Tập thơ của Tiểu Thanh bị vợ cả đốt hết, chỉ còn lại một số bài gọi là "Phần dư". Nguyễn Du đã đọc những bài thơ này, viếng nàng và khóc thương cho số phận của nàng.

Bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* thể hiện tình thương cảm, xót xa trước số phận người phụ nữ tài hoa bị vùi dập và chết trong oan ức. Nguyễn Du cũng tự cảm nhận về thân phận bi thương của chính mình:

"Tây hồ hoa uyển tẫn thành khư
Độc điếu song tiền nhất chỉ thư
Chi phấn hữu thần liên tử hậu
Văn chương vô mệnh luỵ phần dư
Cổ kim hận sự thiên nan vấn
Phong vận kì oan ngã tự cư
Bất tri tam bách dư niên hậu
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?"

Dịch nghĩa:

"Vườn hoa bên Hồ Tây đã thành bãi hoang rồi
Chỉ viếng nàng qua một tập sách đọc trước cửa sổ
Son phấn có thần chắc phải xót xa vì những việc sau khi chết
Văn chương không có số mệnh mà cũng bị đốt dở.
Những mối hận kim cổ khó mà hỏi trời được

Ta tự coi như người cùng một hội với kẻ mắc nỗi oan
lạ lùng vì nết phong nhã

Không biết hơn ba trăm năm sau

Thiên hạ ai người khóc Tố Như?"

Dịch thơ:

"Tây Hồ cảnh đẹp hóa gò hoang

Thổn thức bên song mảnh giấy tàn

Son phấn có thần chôn vẫn hận

Văn chương không mệnh đốt còn vương

Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi

Cái án phong lưu khách tự mang

Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa

Người đời ai khóc Tố Như chăng?

(*Vũ Tam Tập* dịch)

Nhan sắc xưa chỉ còn là nấm mộ. Tài hoa xưa chỉ còn lại một "phần dư". Nhưng cuộc đời ấy, những câu thơ ấy đã khiến Nguyễn Du xúc động.

Tác giả viết về địa danh Tây Hồ (ở Trung Quốc), nơi phồn hoa xưa kia, nhưng cảnh đẹp cũ không còn, tất cả đã là quá khứ lụi tàn. Tây Hồ là nơi khởi hứng. Cảm xúc của nhà thơ mang tâm trạng u hoài. Cái "dâu bể" của trời đất đã khiến cho Tây Hồ là nơi "hoa uyển" xưa kia, giờ trở nên hoang tàn ("thành khư"). Và giữa cái cảnh tượng gợi ra tâm trạng hoài cổ ấy, nhà thơ đã khóc Tiểu Thanh, viếng nàng qua một cuốn sách cũ để lại:

"Tây hồ hoa uyển tẫn thành khư

Độc điếu song tiền nhất chỉ thư"

(Vườn hoa Hồ Tây đã thành gò hoang rồi

Chỉ viếng nàng qua một tập sách đọc trước cửa sổ).

Trong hai câu thực, Nguyễn Du đã ca ngợi tài sắc của Tiểu Thanh:

"Chi phấn hữu thần liên tử hậu

Văn chương vô mệnh luỵ phần dư"

(Son phấn có thần chắc phải xót xa vì những việc sau khi chết

Văn chương không có số mệnh mà cũng bị đốt dở)

Nguyễn Du đánh giá rất cao Tiểu Thanh. Ông quá xúc động trước những số phận tài sắc bị vùi dập. Vẻ đẹp diệu kì, nét anh hoa đến mức

"có thần" trở nên bất tử còn tiếp nối đến ngày sau ("liên tử hậu"). Và văn chương không có số mệnh nhưng vẫn còn làm liên lụy đến muôn đời. Tác giả suy nghĩ về sự ra đi của sắc đẹp, của tài hoa, làm cho người đời nuối tiếc. Giai nhân sẽ sống mãi với thời gian cũng như văn chương sẽ mang mãi vẻ đẹp vĩnh hằng.

Trong hai câu luận, tác giả nâng cảm xúc lên thành một vấn đề lớn, có ý nghĩa sâu xa, vượt những giới hạn của không gian và thời gian:

"Cổ kim hận sự thiên nan vấn

Phong vận kì oan ngã tự cư"

(Mối hận cổ kim khó mà hỏi trời được

Ta tự coi như người cùng hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng này)

Nỗi oan trái trong số phận Tiểu Thanh được nâng lên thành nỗi đau kim cổ. Với con mắt của Nguyễn Du, đó là một quy luật nghiệt ngã mà con người thật sự bất lực. Nhưng Nguyễn Du đã đồng cảm sâu sắc với những số phận tài hoa bạc mệnh như Tiểu Thanh.

"Tài mệnh tương đố" là quan niệm đã có từ xưa. Cái "sắc", cái "tài" thường đi với tai ương, đó vừa là nghịch lí, vừa là hiện thực trớ trêu ở đời. Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã từng viết:

"Thương thay cũng một kiếp người

Hại thay mang lấy sắc tài làm chi"

hay:

"Có tài mà cậy chi tài

Chữ tài liền với chữ tai một vần"

Ở đây, Nguyễn Du đã kí thác tâm sự của cuộc đời thi sĩ, nghĩ về người và cũng ngẫm về mình. Một nàng Tiểu Thanh có tài, có sắc vướng vào vòng oan nghiệt. Tiểu Thanh bị đầy đoạ, chết khi còn trẻ và những sáng tác của nàng cũng cùng chung số phận, bị lưu lạc, đốt bỏ. Tố Như đã khóc cho nàng và cũng khóc cho mình:

"Phong vận kì oan ngã tự cư"

(Ta tự coi như người cùng hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng này)

"Phong vận kì oan" là nỗi oan lạ lùng của những người hào hoa phong nhã. Những nét đẹp lẽ ra được cuộc đời tôn vinh, nhưng rốt cục lại phải chịu hậu quả nghiệt ngã. Một nàng Tiểu Thanh phải lìa đời lúc còn xuân sắc, một thi nhân có tài văn chương mà không có mệnh thành đạt như Nguyễn Du thì khác gì nhau? Đó là bất công ở đời. Một gia đình

phong kiến hà khắc không dung nạp nổi con người tài sắc như Tiểu Thanh. Xã hội phong kiến hẹp hòi không dung nạp nổi Nguyễn Du.

Khi xã hội quay lưng với trí thức, với tài hoa, đoạn tuyệt với lòng nhân ái..., thì cũng là lúc những người như Nguyễn Du tự than thân trách phận cho mình và cho người. Tiểu Thanh bị đầy đoạ, bị ruồng bỏ cả về thân xác lẫn tâm hồn. Những trang thơ đa sầu và giàu mĩ cảm của nàng đã không được trân trọng. Cái đẹp trong văn chương cũng như cái đẹp ở đời đã không có đất sống. Cho nên Nguyễn Du khóc cho nàng, xót xa khi nghĩ đến hậu thế:

"Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như ?"

(Không biết hơn ba trăm năm sau

Thiên hạ ai người khóc Tố Như?)

"Ba trăm năm" chắc chỉ là con số ước lệ, ý nói nhiều năm về sau. Nàng Tiểu Thanh phải mang nỗi "kì can" và đã tìm thấy kẻ tri âm đồng cảm là Nguyễn Du. Còn Nguyễn Du, ba trăm năm nữa có ai nhỏ giọt nước mắt như thi nhân bây giờ khóc người "hồng nhan bạc mệnh" hay không? Tiếng thơ là tiếng lòng, đi tìm người tri âm nơi hậu thế. Nhưng sự cô đơn vô hạn vẫn là một cảm xúc bao trùm.

Những tâm hồn đồng cảm đồng điệu đã tìm gặp nhau. Giữa sự sụp đổ, băng hoại, lụi tàn, còn những giọt nước mắt đồng cảm. Thật đáng trân trọng biết bao!

Nguyễn Du từng mơ ước một xã hội biết trân trọng, nâng niu những vẻ đẹp, những tài hoa. Nhưng sinh thời, cụ Nguyễn đã không tìm được, cũng không hình dung được một xã hội như vậy. Cho nên nỗi đau của Nguyễn Du thật là sâu xa và tuyệt vọng.

Nhưng chưa đầy ba trăm năm sau, những thế hệ khác bắt đầu có những cảm nhận mới mẻ và lạc quan hơn. Đó là con người của thời đại chúng ta.

Cảm ơn nhà thơ Tố Hữu đã nói hộ nỗi lòng của tất cả chúng ta, những con người của thời đại Hồ Chí Minh đã không những đồng cảm sâu sắc với Nguyễn Du mà còn tìm ra được lời giải đáp cho những bất công, oan trái mà nhà thơ đã luôn canh cánh trong lòng. Tố Hữu viết:

"Hỡi người xưa của ta nay

Khúc vui xin lại so dây cùng Người".

(Kính gửi cụ Nguyễn Du)

(Bài do thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà giới thiệu)

Hướng dẫn đọc

Bài văn trên đây đã được sửa chữa rất kĩ lưỡng. Các em nên học lấy lời văn trong sáng, cách dùng từ ngữ rất chọn lọc của bài viết này.

Cũng nhân đây xin được giới thiệu một bản dịch thơ khác của thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà, cho thấy muốn viết văn hay cần có sự say mê đặc biệt. Các em cũng có thể bắt chước thầy Hoà, tập dịch những bài thơ mà mình thích (Từ các bản dịch nghĩa hay từ nguyên văn thì càng tốt).

"Tây hồ cảnh cũ không còn
Viếng nàng đọc mảnh thơ buồn bên song.
Anh linh hương phấn vẫn nồng,
Văn chương còn luỵ giữa vòng trần ai.
Giận hờn không thể hỏi trời,
Tài hoa oan trái ta người dấn thân.
Ba trăm năm nữa thế gian
Tố Như! Ai sẽ khóc than, hỡi người!"

(Nguyễn Xuân Hoà dịch)

Bài làm số 2

Tôi đã được đọc rất nhiều sáng tác của Nguyễn Du và thật sự xúc động trước tấm lòng nhân ái bao la mà ông dành cho những số phận những con người bất hạnh trong xã hội. Đặc biệt là người phụ nữ! Người phụ nữ xưa đi vào văn thơ của ông với một niềm trân trọng, đồng cảm, xót thương như Thuý Kiều trong *Truyện Kiều*, người mẹ nghèo trong *Những điều trông thấy*... đã làm rung động bao trái tim người đọc. *Độc Tiểu Thanh kí* cũng là một bài thơ như vậy.

Đây là một trong những bài thơ chữ Hán hay nhất của Nguyễn Du, ra đời trong thời gian nhà thơ được triều đình cử đi sứ sang Trung Quốc. Tiểu Thanh là một cô gái tài sắc, sống khoảng đầu đời Minh. Từ nhỏ cô đã là một cô bé thông minh, thông hiểu nhiều môn nghệ thuật. Số phận đẩy đưa, 16 tuổi cô phải làm lẽ một nhà quyền quý họ Phùng. Bị vợ cả ghen, bắt cô phải sống riêng trong một ngôi nhà trên núi Cô Sơn, cạnh Tây Hồ. Vì đau buồn nàng làm thơ ghi tâm trạng của mình, cô sinh bệnh, rồi chết ở tuổi mười tám. Thơ văn của Tiểu Thanh, bị vợ cả ghen đem đốt gần hết, may còn sót lại ít bài, được người đời chép lại đặt tên là "Phần dư" (Bị đốt còn sót lại), và thuật luôn câu chuyện bạc phận của nàng. Thương xót cho số phận tài hoa bạc mệnh của người phụ nữ, Nguyễn Du

đã sáng tác bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* để khóc nàng, đồng thời tỏ bày nỗi băn khoăn, day dứt trước số phận bất hạnh của bao con người tài hoa khác trong xã hội, trong đó có cả bản thân ông – một cuộc đời gió bụi.

Bài thơ mở đầu bằng nỗi xót xa trước cảnh đời "dâu bể":

"Hồ Tây cảnh đẹp hoá gò hoang"

Hồ Tây xưa là cảnh đẹp, nay thành "gò hoang". Tâm trạng "hoài cổ" vẫn thường thấy trong thơ xưa. Nhưng ở đây, điều quan trọng là tác giả đang bắt đầu khóc cho một số phận trong quá khứ:

"Thổn thức bên song mảnh giấy tàn"

Nguyễn Du rưng lệ trước những gì còn lại của một kiếp người. Tiểu Thanh tài sắc nhưng chỉ để lại cho đời "mảnh giấy tàn". Sự ghen ghét đố kị của người vợ cả đã khiến nàng mất đi tuổi xuân, mất đi niềm vui, niềm hạnh phúc, và mất đi cả cái phận hồng nhan để lại cho đời. Ngẫm ra, đó cũng là sự đố kị của cả xã hội đương thời, cái xã hội luôn kìm hãm, đè bẹp con người, nhất là những người phụ nữ tài hoa. Nhà thơ đã bày tỏ nỗi xót xa cho duyên kiếp dở dang của nàng. Và cao hơn cả là nỗi đau nhân tình thế thái. Nguyễn Du đồng cảm với nỗi buồn đau của Tiểu Thanh, nên nhà thơ mới xúc động đến như vậy. Ông khóc thương cho nàng và dường như cũng khóc cho cả bản thân mình, kẻ từng bị đời xô dạt, đẩy đưa.

Ba trăm năm đã qua đi, nhà thơ còn có cảm giác như linh hồn người con gái xưa vẫn còn đâu đây. Mười tám tuổi đời – nàng chết trong đau khổ, oan ức. Vì oan khuất nên linh hồn nàng làm sao tiêu tan được?

"Son phấn có thần chôn vẫn hận

Văn chương vô mệnh đốt còn vương"

Bao nhiêu năm đã trôi qua nhưng với Nguyễn Du tất cả những gì gắn bó với nàng vẫn như còn đó. "Son phấn" là đồ trang điểm, làm đẹp của người phụ nữ, nhưng ở câu thơ này nó còn tượng trưng cho sắc đẹp, và sắc đẹp "có thần", sống mãi với thời gian. Những mĩ nhân đời xưa nay vẫn còn tên tuổi như: Chiêu Quân, Tây Thi, Dương Quý Phi... Người có thể chết đi, có thể bị chôn vùi, nhưng tiếng tăm vẫn còn lại muôn đời. Tiểu Thanh chết rồi, và những gì còn lại vẫn làm cho người đời thương tiếc khôn nguôi. Nỗi hận "son phấn" không chỉ riêng gì của một bậc tài danh nào, đó cũng là nỗi hận của Tiểu Thanh, của tài sắc bị hãm hại, bị vùi dập.

Không chỉ nói đến cái đẹp, Nguyễn Du còn nói đến cái tài của Tiểu Thanh. "Văn chương" là cái tài, là tâm tư, đồng thời cũng là vẻ đẹp tinh thần của nàng. Nhà thơ dường như đã làm cho "son phấn", "văn chương"

có linh hồn, khiến cho chúng có thể thay nàng nói lên nỗi oan khuất. Và nhà thơ tự nhận mình là người đồng cảnh:

"Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi

Cái án phong lưu khách tự mang"

Tiếp tục niềm cảm thương vô hạn đối với người con gái bất hạnh kia, từ nỗi hận riêng cho số phận Tiểu Thanh, Nguyễn Du nâng lên thành nỗi hận muôn đời.

"Tài hoa bạc mệnh", phải chăng đó là quy luật của tạo hoá, là định mệnh khắt khe của số phận?

Trong "Truyện Kiều" Nguyễn Du đã từng viết:

"Chữ tài *liền với chữ* tai *một vần"*

Với Nguyễn Du, "phong lưu" là cái "nỗi oan lạ lùng" đã ràng buộc mỗi con người, kẻ tài hoa phải đeo đẳng suốt đời. Nguyễn Du là một trong số đó. Ông đã tự nhận mình là kẻ đồng cảnh với Tiểu Thanh. Thật rõ là ông đã bênh vực nàng một cách công khai và mạnh mẽ.

Bài thơ là dòng suy ngẫm của Nguyễn Du về cảnh, về người, về đời. Càng ngẫm, nhà thơ càng thương tiếc Tiểu Thanh, và cũng lại càng thương cho bản thân mình. Từ thương người, ông chuyển sang thương thân:

"Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa

Người đời ai khóc Tố Như chăng?"

Nhà thơ nhận thấy sự đồng điệu giữa mình và Tiểu Thanh. Nàng mất đi, ba trăm năm sau có ông khóc thương cho nàng, nhưng liệu rồi cũng sau ba trăm năm nữa ai sẽ là người nhỏ lệ khóc thương cho ông? Nhà thơ xót xa cho thân phận, khóc cho sự cô đơn, không người tri kỉ, một mình ôm mối hận của kẻ tài hoa mệnh bạc giữa đời. Tâm trạng lúc này của nhà thơ, khiến cho ta nghĩ đến tâm trạng của Thuý Kiều sau bao sóng gió cuộc đời:

"Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh

Giật mình, mình lại thương mình xót xa"

(Truyện Kiều)

Bởi vì:

"Rằng: hồng nhan tự thuở xưa

Cái điều bạc mệnh có chừa ai đâu"

(Truyện Kiều)

Bài thơ có tám câu, sáu câu đầu là thương người, hai câu cuối là thương thân. Nhưng hai câu cuối mới là cái thần của cả bài thơ, từ thương người, Nguyễn Du đã hoà làm một với người, để đồng cảm cho kiếp tài hoa mà đau thương trong muôn vàn số kiếp tài hoa mệnh bạc khác. Tấm lòng bao dung của nhà thơ mênh mông quá! Nó không bị bó hẹp bởi thời gian và không gian. Nó vượt qua mọi giới hạn để đến với bao kiếp người, cất lên tiếng nói phẫn uất đối với những bất công trong xã hội đương thời.

Thương người, thương mình đó là cái gốc của chủ nghĩa nhân đạo. Nguyễn Du không chỉ thương cho người đang sống, mà thương cho cả người đã khuất mấy trăm năm.

Phải có trái tim đa cảm lắm nhà thơ mới nói được nỗi đau ấy.

Cùng với *Truyện Kiều*, *Độc Tiểu Thanh kí* đã góp thêm tiếng nói đồng cảm, xót thương cho những kiếp người tài hoa, bạc mệnh trong xã hội xưa. Đồng thời, bài thơ cũng là lời tri âm mà Nguyễn Du muốn gửi lại cho đời.

Chẳng cần đến ba trăm năm sau, trong thời đại Hồ Chí Minh, nhà thơ Nguyễn Du đã bắt gặp được một sự đồng cảm lớn lao, sâu sắc và chân thành:

"Đau đớn thay phận đàn bà!
Hỡi ơi, thân ấy biết là mấy thân"

(*Kính gửi cụ Nguyễn Du* – Tố Hữu)

Độc Tiểu Thanh kí mãi mãi là một đỉnh cao của chủ nghĩa nhân đạo thời kì phong kiến, xứng đáng được lưu truyền cho bao thế hệ.

(Bài viết do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên sưu tầm)

Đề 36- *Cảm nhận của em sau khi đọc bài 'Thái sư Trần Thủ Độ" trích Đại Việt sử kí toàn thư của Ngô Sĩ Liên.*

Bài làm

Bài *Thái sư Trần Thủ Độ* là một bài bình phẩm nhân vật lịch sử rất đặc sắc của Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử kí toàn thư*. Nhân cách cao đẹp của Trần Thủ Độ để lại bao ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn của con người Việt Nam gơn 700 năm qua.

Mấy dòng đầu ghi rõ ngày, tháng, năm xảy ra sự kiện: Giáp Tí, năm thứ 1264, năm thứ 7 niên hiệu Thiên Long đời vua Trần Thánh Tông, mùa xuân, tháng giêng. Trần Thủ Độ mất thọ 71 tuổi. Ông được vua truy

tặng "Thượng phụng Thái sư Trung Vũ đại vương". Thượng phụ: cha vua; Thái sư là thầy của vua; Thượng phụ Thái sư là danh hiệu, tước hiệu cao quý tột bậc của thời phong kiến.

Đoạn văn thứ hai đánh giá phẩm chất, công lao, uy quyền của Trần Thủ Độ:

- Không có học vấn nhưng tài lược hơn người.

- Từng làm quan dưới thời Lí và được mọi người suy tôn.

- Nhờ mưu trí của Trần Thủ Độ mà họ Trần giành được ngôi báu từ tay nhà Lí: "Thái Tông lấy được thiên hạ".

- Uy quyền của ông "hơn cả vua" cho nên nhà nước phải nhờ cậy.

Đoạn văn thể hiện một lối viết tinh chắc, vừa nêu bật sự kiện vừa biểu lộ khen, chê, đánh giá.

Phần thứ hai nêu bốn sự việc rất điển hình để khẳng định và ca ngợi nhân cách trung thực, cương trực và lòng chí công của Trần Thủ Độ. Sự kiện nào cũng đầy kịch tính.

Vì quan đàn hặc về việc "Trần Thủ Độ quyền hơn cả vua"..., ta cứ ngờ người ấy sẽ bị Trần Thủ Độ báo thù và chém đầu. Nhưng ông ta đã rõ: "Đúng như lời người ấy nói", rồi ông còn thưởng tiền lụa cho anh ta. Vì anh ta là người trung trực, dám nói lên một sự thực, dám dũng cảm đàn hặc trước mặt vua về sự "lộng quyền" của vị Thái sư". Câu nói và hành động của vị Thái sư thể hiện một nhân cách lớn: trung thực coi trọng sự thực, đánh giá cao công của người đàn hặc. .

- Sự việc thứ hai là người quân hiệu không có Linh Từ Quốc Mẫu (vợ Trần Thủ Độ) ngồi kiệu đi qua chỗ thềm cấm. Khi vợ khóc và nói là bị bọn quân kiệu "khinh nhờn", Trần Thủ Độ giận, sai đi bắt. Anh ta chắc là mình phải chết. Nhưng sau khi nghe anh ta đem sự thực trả lời điều "vặn hỏi" của mình, Thái sư đã hết lời khen: "Ngươi ở chức thấp mà biết giữ phép như thế, ta còn trách gì nữa?". Rồi ông lấy tiền vàng lụa thưởng cho người quân hiệu. Sự việc đó cho thấy Trần Thủ Độ là một người trung thực, cương trực, giữ gìn và tôn trọng các luật lệ chung của phép nước. Cách hành xử ấy rất đáng làm gương cho những người quyền quý trong xã hội, cho các quan trong triều.

- Sự việc thứ ba thật bất ngờ và thú vị. Một người xin được làm câu đương được vợ quan thái sư xin cho anh ta chắc mẩm sự chạy chọt của mình chắc ăn trăm phần trăm. Nhưng khi nghe Trần Thủ Độ nói là "chỉ chặt một ngón chân" thì anh ta "kêu van xin thôi", hồi lâu mới được tha. Tưởng xin làm câu đương để có một chút danh phận giữa chốn đình trung mà kiếm chút lộc, ai ngờ chuốc lấy tai hoạ! Câu chuyện diễn ra như một

màn bi hài kịch. Cách chúng ta hơn bảy thế kỉ, Trần Thủ Độ là người kiên quyết nhất chống tiêu cực: chống chạy chức, chạy quyền. Sau vụ xin làm câu đương của người nọ, "từ đấy không ai dám đến nhà (Quốc Mẫu) thăm riêng nữa".

Có lẽ nhân chuyện này mà dân gian mới có lời vè:

"Câu đương ăn nhặn gì đâu,

Ngón chân bị chặt thì đau vô cùng!".

Hay:

"Câu đương ăn nhặn gì đâu,

Ngón chân bị chặt từ sau xin chừa!".

Câu đương mà giải nghĩa là: chức quan nhỏ, lo liệu công việc trong thôn xã, là không đúng. Câu đương: người chức dịch trong làng, giữ việc bắt bớ giải tống (Chú thích của "*Đại Việt sử kí toàn thư*" – in lần thứ hai).

- Sự việc thứ tư cho thấy Trần Thủ Độ rất chí công, đặt quyền lợi triều đình, quốc gia lên trên hết. Vua Thái Tông muốn cho An Quốc làm tướng (Tể tướng), nhưng Thái sư đã nói:

- "An Quốc là anh thần, nếu là người hiền thì thần xin nghỉ việc, còn như cho thần là hiền như An Quốc thì không nên cử An Quốc. Nếu anh em cùng là tướng (Tể tướng) thì việc trong triều đình sẽ ra sao?"

Tình anh em là trọng, nhưng chuyện đại sự quốc gia còn trọng hơn. Người hiền (có đức độ tài năng hơn người) là tiêu chuẩn được giao phó trọng trách của nhà nước. Câu nói của Trần thủ Độ đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

Phần thứ ba là lời bình tổng quát về nhân vật lịch sử Trần Thủ Độ. ý nào cũng đúng đắn và sâu sắc.

Thái sư là một con người tận trung với nước, tận hiếu với dân, với sự nghiệp đế vương của họ Trần "phàm công việc không việc gì là không để ý".

Công lao của ông vô cùng to lớn "giúp nên nghiệp vương, giữ được tiếng tốt cho đến chết". Ông đã có tài mưu lược tìm ra mọi cách để giành ngôi báu từ tay nhà Lí qua tay nhà Trần. Trong cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên – Mông lần thứ nhất, ông là trụ cột của Triều đình và quốc gia Đại Việt. Câu nói nổi tiếng của ông mãi mãi là khí phách của người anh hùng, biểu tượng cho hào khí Đông A: "Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin Bệ hạ đừng lo!". Lòng yêu nước, tính trung thực, cương trực, và đức chí công của ông vằng vặc như ánh sao băng, được hậu thế ngưỡng mộ.

Khi ông còn sống đã lập sinh từ. Vua Trần Thái Tông có làm bài văn vương triều nhà Trần. Ngô Sĩ Liên đã dành những lời tốt đẹp nhất, nêu những sự kiện lịch sử hùng hồn nhất làm sống dậy công đức vô cùng to lớn của vị Thái sư. Bài bình luận này có giá trị và ý nghĩa như một tượng đài kì vĩ.

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10*.Sđd, tr. 105).

Đề 37- *Cảm nghĩ khi đọc bài "Cảm xúc mùa thu" của Đỗ Phủ.*

Bài làm

Cảm xúc mùa thu là sáng tác tiêu biểu trong chùm thơ mùa thu của Đỗ Phủ- thi sĩ nổi tiếng của Trung Quốc đời nhà Đường.

Mùa thu vốn là đề tài quen thuộc trong thơ ca. Dù vậy, với Đỗ Phủ, mùa thu vẫn mang nét riêng độc đáo bởi xúc cảm và tài năng.

Bốn câu thơ đầu, tác giả miêu tả mùa thu trong bối cảnh không bình thường:

"Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm
Vu sơn, Vu giáp khí tiêu sâm.
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
Tái thượng phong vân tiếp địa âm".

Dịch thơ:

"Lác đác rừng phong hạt móc sa,
Ngàn non hiu hắt khí thu loà,
Lưng trời sóng dợn lòng sông thẳm,
Mặt đất mây đùn cửa ải xa".

Với thi ca cổ, rừng phong lá đỏ từng là biểu tượng đẹp đẽ, hoành tráng của mùa thu. Ở đây thì không có gam màu ấy, chỉ có rừng phong ngập chìm trong sương thu. Hai chữ "điêu thương" đối nghịch với mùa thu lãng mạn. "Ngọc lộ" (sương móc) không phải tạo nên cái đẹp mà là nỗi "điêu thương" (tiêu điều) bao trùm lên rừng cây phong. Những câu thơ sau đó đã củng cố thêm cái dự cảm không yên ổn. Những địa danh như núi Vu, kẽm Vu từng nổi tiếng vì sự hiểm trở được miêu tả rất sinh động. Hơi thu hiu hắt, có khí mù mịt, có sóng nhảy tận trời, có mây gió tựa cõi âm. Không gian đầy bất trắc ấy là hiện thực nơi cửa ải, vốn đã sẵn nỗi buồn cho người xa xứ.

Nửa sau của bài thơ đã mang theo những tâm sự của thi sĩ:

"Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ

Cô chu nhất hệ cố viên tâm.

Hàn y xứ xứ thôi đao xích,

Bạch Đế thành cao cấp mộ châm".

Dịch thơ:

"Khóm cúc tuôn đôi dòng lệ cũ

Con thuyền buộc chặt mối tình nhà

Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước

Thành Bạch, chày vang bóng ác tà"

(Nguyễn Công Trứ dịch)

Nỗi buồn li biệt đã khiến hoa cúc hơn một lần rơi lệ. Những khóm cúc qua mùa thu những tưởng thêm hương thêm sắc, hoá ra chỉ thêm những giọt lệ. Lệ của hoa và nước mắt của người. Và tấc lòng hướng về nơi quê cũ vườn xưa thanh bình như một mối dây giàng buộc, như neo lại con thuyền cô quạnh, con thuyền định mệnh từng lênh đênh theo nhà thơ, kể cả lúc trở về với cõi vĩnh hằng. Chủ đề của bài thơ, tâm sự của tác giả được gửi gắm nhiều trong hai câu thơ vào hàng tuyệt tác của bài này nói riêng cũng như của thơ Đường nói chung:

"Khóm cúc tuôn đôi dòng lệ cũ

Con thuyền buộc chặt mối tình nhà"...

Hai câu thơ là một tiểu đối hoàn chỉnh về âm, về ý, lại như những giọt nước mắt cô đọng sâu thẳm cảm xúc.

Đến hai câu thơ cuối, tác giả trở về với hiện thực mắt thấy tai nghe nhưng cũng rất gợi cảm:

"Lạnh lùng giục kẻ tay đao thước

Thành Bạch, chày vang bóng ác tà".

Ở đây, câu chuyện chuẩn bị áo rét cho mùa đông sắp đến cũng rất xúc động. Cái lạnh lùng của thời tiết khiến nơi nơi lo may cắt, giặt giũ, chuẩn bị áo ấm. Trong thơ cổ Trung Quốc, tiếng chày đập lụa giặt áo có sức gợi rất lớn. Nó là tập quán, là biểu tượng. Bạch Cư Dị từng có bài thơ "Nghe tiếng chày đêm". Tiếng chày có bâng khuâng về nỗi nhớ ấm lạnh, về sự từ giã lúc chuyển mùa, về tình cảm lứa đôi... Ở hai câu thơ này, những từ như "xứ xứ", "cấp" cùng các từ "thôi xích", "Bạch đế thành" còn gợi về khung cảnh binh đao, về thời buổi loạn lạc, nội chiến mà nơi nơi đang phải gánh chịu.

Thơ Đỗ Phủ rất có linh hồn nên không gò theo luật lệ Đường thi với bố cục: đề- thực- luận- kết. Hai phần rõ rệt của bài: bốn câu đầu có nhiều yếu tố ngoại cảnh, bốn câu sau nhiều tâm sự. Bài *Cảm xúc mùa thu* gắn liền với thẩm mĩ thơ ca cổ, nhưng cũng rất mới mẻ. Do gắn liền với cảnh đời thực nên sức tả, sức gợi cũng rất lớn. Chính chất hiện thực đã làm nên sức sống mạnh mẽ cho bài thơ này.

(Theo thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà).

Đề 38- *Cảm nghĩ của em sau khi đọc bài "Chuyện chức phán sự đền Tản Viên" trích trong "Truyền kì mạn lục" của Nguyễn Dữ.*

Bài làm

Chuyện chức phán sự đền Tản Viên ca ngợi khí tiết và khí phách của kẻ sĩ dũng cảm đương đầu với mọi thế lực đen tối, độc ác thâm hiểm trong cuộc đời, dám chấp nhận mọi nguy hiểm, ngay cả chết cũng không lùi bước.

Đây là một trong số 20 truyện rất đặc sắc và độc đáo trích trong *Truyền kì mạn lục* của Nguyễn Dữ. Tác phẩm văn xuôi chữ Hán trong thế kỉ XVI, từng được ngợi ca là "thiên cổ kì bút".

Nhân vật Ngô Tử Văn chiếm bao cảm tình tốt đẹp trong lòng ta. Quê ở Yên Dũng, Lạng Giang. Tính tình khảng khái, nóng nảy, ghét tà gian, được khen là một người cương phương.

Hành động đốt đền của Tử Văn đã làm cho mọi người "lắc đầu lè lưỡi" tỏ vẻ lo sợ cho kẻ hàn sĩ dám chọc tức quỉ thần. Trước khi phóng hoả, Tử Văn đã "tắm gội chay sạch, khán trời". Điều đó cho thấy, chàng tự cho việc làm của mình là chính đáng, sẽ được trời biết cho, phù hộ cho; đồng thời dám chấp nhận mọi nguy hiểm. Với Tử Văn thì tên bách hộ họ Thôi kia là một tên giặc trong đám quân Mộc Thạnh đi xâm lược nước ta. Hắn đã bị giết, bị trừng phạt. Lúc sống là tên giặc cướp, lúc chết "làm yêu quái trong dân gian" thì có gì đáng thờ. Phải đốt đền đi. Tử Văn "tứ giận" là vì thế! Thử hỏi: trong vùng Lạng Giang thuở ấy đã có người nào dám làm như Tử Văn?

Có lẽ bị quỉ ám, ma báo thù nên Ngô Tử Văn sau khi đốt đền về đến nhà thì bị ốm, bị "nổi lên một cơn sốt nóng sốt rét" chăng? Trong khi sốt, chàng thấy một người đi đến "đầu đội mũ trụ", quần áo rất giống người phương Bắc, tự xưng là "cư sĩ" nặng lời trách móc chàng, đòi làm trả lại toà đền, hăm doạ: "Phong đô không xa xôi gì... rồi sẽ biết!" Vốn đã coi khinh, đã căm ghét, nên Tử Văn "mặc kệ, vẫn cứ ngồi ngất ngưởng tự

nhiên", càng làm cho con ma họ Thôi cũng tức giận, phất áo ra đi. "Kẽ sĩ không sợ chết mà chỉ sợ không biết" – Tử Văn, cũng vậy thôi. Khen, chê là chuyện thường tình. Vì thế, đến chiều tối, Tử Văn lại gặp một ông già "áo vải mũ màu đen, phông độ nhàn nhã" cho biết, ông vốn là Ngư sử đại phu thời Lí Nam Đế chết vì việc cần vương, đã được phong nhưng đã bị "tên hoạt tặc" kia, tên tướng bại trận của Bắc triều, hồn bơ vơ Nam quốc tranh chiếm mất miếu đền". Cụ già còn cho biết "hắn đã kiện thầy ở Minh ti, thầy phải liệu kế, khỏi phải chết một cách oan uổng". Trước Minh ti, thầy nhớ kêu "xin tư giấy đến đền Tản Viên, tôi sẽ khai rõ".

Kiện tụng ở cõi trần đã khó, kiện tụng ở Minh ti chốn âm phủ thì chắc là khó khăn và rùng rợn biết bao! Chất truyền kì của truyện được tô đậm qua nhiều chi tiết vô cùng khủng khiếp. Ngô Tử Văn bị hại tên quỷ sứ đến bắt giải đi trong mấy chục trượng. Bị gai con quỉ dùng gông dài thừng lớn trói giải đi. Bước qua một cáo cầu dài ước hơn nghìn thước bắc qua một con sông lớn "gió tanh sóng xám, hơi lạnh thấu xương". Có thể mấy vạn quỷ Dạ Xoa "mắt xanh mỏ đỏ, hình dáng nhanh ác" đứng chật hai đầu cầu canh giữ. Tử Văn bị dẫn vào cửa điện.

Cuộc đối chất diễn ra ở Minh ti thật gay go giữa Tử Văn và tên họ Thôi tướng Tàu. Tử Văn "rất cương chính, không chịu nhụt chút nào" tên "hoạt tặc" cho Tử Văn là kẻ "mồm năm miệng mười, đơm đặt bịa tạc". Hai bên "cãi cọ nhau mãi vẫn chưa phân phải trái". Diêm Vương bụng cũng sinh nghi. Khi Tử Văn xin Diêm Vương "đem giấy đến đền Tản Viên để hỏi thực hư", thì tên bách hộ họ Thôi lên giọng đạo đức giả, xin Diêm Vương "tỏ cái đức rộng rãi" và "khoan tha" cho kẻ học trò "ngu bướng".

Diêm vương rất công minh và nghiêm khắc. Khi sai nhân đến đền Tản Viên về tâu, ngài trách mắng các phái quan để lọt "sự dối trá càn bậy". Đại Vương ra lệnh trừng phạt tên tướng Tàu: "lấy lồng sắt chụp vào đầu, khẩu gỗ nhét vào miệng, bỏ vào ngục Cửu U". Ngài khen tử Văn "có công trừ hại", sai lính đưa chàng về.

Cuộc đối tụng ở Minh ti, Tử Văn đã chiến thắng. Chính nghĩa và lẽ phải đã chiến thắng. Kẻ gian xảo, độc ác đã bị trừng phạt đích đáng.

Sau hai ngày chết đi, Tử Văn được sống lại. Cái đền cũ được dựng lại. Ngôi mộ của tên tướng Tàu bị bật tung lên, hài cốt tan tành ra như cám. Tử Văn đã được tiến cử chức phá sư đền Tản Viên. Lão phu được trở về đền miếu cũ. Rồi Tử Văn không ốm đau gì mà mất. Đó là chuyện kì lạ. Kì lạ mà như thật: sáng sớm năm Giáp Ngọ (1444), một người làng đã nhìn thấy Ngô Tử Văn ngồi trên chiếc xe ngựa chạy ầm ầm ở ngoài cửa tây thành Đông Quan, nghe tiếng người quát: "Người đi đường tránh xa, xe quan phán sự! Và ở quê cũ "nhà quan phán sự" vẫn còn đó.

Chuyện chức phán sự đền Tản Viên có bao yếu tố thần kì hoang dương bao phủ các nhân vật, cốt truyện, các tình tiết. Trong 4 cảnh: Ngô Tử Văn đốt đền rồi gặp hai hồn ma, cảnh Ngô Tử Văn bị bọn quỷ sứ gông và trói giải đưa xuống toà Minh ti, cảnh Diêm Vương xử kiện, trừng phạt tên tướng Tàu, cảnh người làng gặp quan phán sự ngồi trên cỗ xe chạy ầm ầm ngoài thành Đông Quan, cảnh nào cũng có tình huống giàu kịch tính, để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc với niềm tin là chuyện lạ mà như thật, có thật.

Qua nhân vật Ngô Tử Văn, tác giả ca ngợi nhân cách cao đẹp của một hàn sĩ dũng cảm, khẳng khái đấu tranh chống lại cái ác trừ hại cho dân, thể hiện niềm tin vào công lí, chính nghĩa; còn bọn bạc ác tà ma nhất định bị trừng phạt đích đáng!

Cuộc đời cần có nhiều Ngô Tử Văn.

Xã hội cần có nhiều phán quan như Ngô Tử Văn.

(Theo *Kiến thức cơ bản Ngữ văn 10,* Sđd, tr. 113).

Đề 39- *Quan sát và nêu cảm xúc của anh (chị) trước quang cảnh một cánh đồng lúa chín.*

Bài làm

Mới chỉ vài hôm chưa trở lại với cánh đồng làng mà hôm nay em đã rợn ngợp trước màu vàng trải dài tưởng như vô tận của lúa chín. Trong lòng em bỗng ngân lên những nốt nhạc vui: "Lúa chín vàng- đồng lúa bát ngát trời"... Thật đúng lời một câu hát về ngày mùa. Ôi bức tranh tuyệt diệu của bàn tay lao động con người.

Chỉ có một gam màu duy nhất- màu vàng. Từ tầm tay với cho đến tận nơi ngút mắt xa xăm, tất cả đều là lúa. Sóng lúa hôm nay cuồn cuộn trước mắt mọi người, hứa hẹn mùa màng no ấm. Ba tháng trước, ở đây tấp nập cảnh "chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa". Ba tháng trước đây, mẹ em còn lội bì bõm trên mặt ruộng giá lạnh, cắm xuống những thẻ mạ non run rẩy. Nhà thơ Trần Đăng Khoa thuở nhỏ cũng từng miêu tả hạt gạo trong sự vật lộn, vất vả của thiên nhiên và của con người:

"Hạt gạo làng ta

Có bão tháng bảy

Có mưa tháng ba

Giọt mồ hôi sa

Những trưa tháng sáu

Nước như ai nấu

Chết cả cá cờ

Cua ngoi lên bờ

Mẹ em xuống cấy".

Người nông dân bao đời nay luôn ước mơ được no ấm:

"Bao giờ cho đến tháng mười

Nấu nồi cơm nếp vừa cười vừa ăn"

Năm nay có phần mưa thuận gió hoà, chắc là những bông lúa sẽ được đưa về làng trọn vẹn. Đã từng có những vụ lúa bị mưa lụt nhấn chìm khi sắp đến kì thu hoạch. Mưa nắng cũng rất bất chợt như nhà thơ Hoàng Trung Thông đã từng miêu tả:

"Có mùa hạ cháy đồng khô cạn

Mười bậc nước leo lên ruộng hạn

Có mùa lúa chín lụt tràn qua

Lại phải nghiêng đồng hắt đổ ra"

Làng tôi cũng là một vùng quê của xứ sở cây lúa nước. Những mùa vàng đến với con người mong sẽ ít dần đi những giọt mồ hôi. Vất vả lo toan của người nông dân mong sẽ được đáp đền xứng đáng hơn.

(Theo thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà).

Đề 40- *Quan sát ngôi nhà cao tầng đang xây và nêu cảm xúc của anh (chị).*

Bài làm

Những ngày này đến trường, em đi trên một con đường mới. Những hàng cây non trồng chưa lâu mới nhú vài chồi nhỏ trên những cành khẳng khiu. Thế nhưng, những ngôi nhà lớn cạnh đó đang đua nhau mọc lên, đổi khác từng ngày. Gương mặt quê hương thay da đổi thịt có lẽ dễ thấy nhất là ở những công trình đang xây.

Những chiếc cần cẩu dài như những cánh tay khổng lồ đưa lên cao bao nhiêu sắt thép, gạch ngói. Chỉ có một bác lái máy cẩu loay hoay trong buồng máy nhưng đã làm công việc của cả trăm người. Máy móc cho con người sức mạnh nối dài thêm đôi cánh tay vươn tới tầm cao. Bên cạnh đó còn có những máy trộn bê- tông, những chiếc búa máy khổng lồ [illegible] thình

thịch, chuyển rung mặt đất. Kia là những con người cần mẫn và thông minh. Những bay vữa miết vào từng viên gạch, những đường nét hoa văn được đắp vẽ lên tường, những đường chổi quét vôi màu rạng rỡ... Tất cả cần đến bàn tay khéo léo của người thợ yêu nghề

Những mái nhà đầu tiên của loài người được dựng lên có thể chỉ là những cành cây được bẻ xuống, được buộc kết để che chắn cho con người trong mưa nắng. Thoát khỏi những hang động tự nhiên, bằng bàn tay của mình, con người tự tạo nên chỗ ở. Những ngôi nhà cũng lớn lên và đẹp hơn từ đấy. Gió mưa, thời gian ! Những ngôi nhà phải vượt qua nó. Phải có nền móng vững vàng bắt đầu từ những viên gạch bé nhỏ. Muốn có được chiều cao tuyệt diệu của ngôi nhà, lại phải có được chiều sâu dưới nền móng, như bộ rễ của cây đủ sức nâng đỡ vòm lá rộng.

Nhìn từ xa, những người thợ xây như những con kiến leo trên tầng cao. Em bất giác nghĩ đến sự kì diệu của lao động. Ước mơ nhà cao cửa rộng đã có từ ngàn xưa. Những ngôi nhà cần có gió trời, cần có gió điện. Những ngôi nhà tường trắng màu mây, cửa sổ xanh lá cây, những ngôi nhà nhiều dáng nhiều vẻ. Khi những ngôi nhà cao tầng mọc lên sẽ xóa dần đi bao mái nhà tranh tre nứa lá.

Ôi, những ngôi nhà cao tầng! Mới ngày nào hình ảnh mái ngói đỏ son, tường vôi trắng xoá còn là biểu tượng của cuộc sống. Giờ đây, những ngôi nhà cao tầng, phải, năm, bảy tầng, rồi hàng chục tầng cao..., sẽ là biểu tượng của một đời sống hiện đại hơn nhiều.

Em ước mơ ngày mai lớn lên xây tiếp những ngôi nhà.

(Theo thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà).

Đề 41- *Cảm xúc của anh (chị) khi nhìn một đứa bé mồ côi không nơi nương tựa.*

Bài làm

Tôi gặp em, một đứa trẻ hành khất, khi rẽ vào chợ huyện mua vài thứ lặt vặt. Em gái chỉ chừng độ 3-4 tuổi, tôi có cảm giác như em vừa mới biết đi hôm nào!

Em chìa tay nhỏ xạm đen, gầy gò trước mặt tôi, đôi mắt non nớt, nhưng đã sớm nhuốm vẻ buồn và lạnh lùng của em làm cho tôi trăn trở... Đặt vào tay em đồng tiền lẻ, tôi muốn níu em lại hỏi hàn đôi câu, nhưng em đã cảm ơn rồi lặng lẽ bước đi.

Nhìn em len lỏi giữa dòng người đông đúc, chìa bàn tay gầy trước bao người đi chợ, tôi cảm thấy mình như thiếu một điều gì đó lớn lắm. Có

người xua đuổi em, có người thờ ơ không đoái hoài gì đến em, có người ái ngại bỏ vội vào tay em đồng tiền lẻ..., nhưng tôi thấy tuyệt nhiên không một biểu hiện gì khác trên gương mặt em: không buồn, không vui, không cáu giận, thậm chí cũng không mừng rỡ như những kẻ ăn mày khác mỗi khi có người cho em nhiều tiền hơn...

Em vẫn bước đi, chìa bàn tay khô gầy với giọng nói yếu ớt:

- Cháu xin các cô, các bác...

Tôi nhận ra giọng nói của một người miền khác. Lòng tôi bỗng nhói đau. Tôi tự hỏi: "Em ở đâu? Sao lại đến nơi này? Cha mẹ em đâu? Những người thân của em ở đâu?". Chỉ mới vài bốn tuổi, em phải chịu cảnh ăn mày ở đầu đường xó chợ. Đứng ở đây, tôi nghe các cô trong chợ nói với nhau: em là trẻ mồ côi, lưu lạc từ phương xa, mới tới đây được ít ngày. Em theo đám người buôn trâu bò, rồi họ bỏ rơi em ở lại. Ai cũng ái ngại thương em vì em còn nhỏ quá. Họ bảo: đêm em ngủ trên các sạp hàng, ngày đi xin ăn. Các bà các chị thương tình đem cho quần áo. Tôi rùng mình khi tự đặt trong cảnh ngộ của em. Đêm một mình ngủ giữa cái chợ mênh mông không một bóng người! Bằng tuổi em, tôi đã suốt ngày được mẹ cưng chiều, đi học còn phải đón đưa, ngủ còn phải dỗ. Vậy mà em... Nửa đêm nghe tiếng con mèo hoang gào khóc, tiếng chuột chạy rình rịch làm rơi mấy viên ngói vỡ... Giữa màn đêm đen đặc và im ắng có thể có những bóng ma nào?... Nếu là tôi, chắc tôi sẽ phải sợ chết ngất đi mất.

Trong đêm dài gió lạnh, chẳng có ai kể cho em nghe thật nhiều chuyện về công chúa và hoàng tử? Thậm chí cũng chẳng có ai dạy em cách tự mình sưởi ấm đêm đông. Tôi giật mình chột dạ khi nghĩ đến em là cô bé bán diêm? Không, cuộc đời này không đến nỗi độc ác, ích kỉ, để cho em phải chết cóng một mình trong giấc mơ gặp lại bố mẹ.

Mái tóc em vàng hoe, và làn da non nớt đã có vẻ rám nắng làm cho tôi chạnh lòng.

Tôi nghĩ đến quyền của trẻ em. Không, em ạ, em có quyền được chơi, được đùa, được tới trường, được chăm sóc..! Bây giờ thì tôi nghĩ ra rằng, bất luận bố mẹ em là ai, em từ đâu tới, và vì sao em lại phải ra đường, em vẫn có quyền được hưởng cuộc sống bình thường như bao nhiêu đứa trẻ khác.

Tôi lại chợt nghĩ đến khu nhà SOS của thành phố vừa xây xong.

Sớm muộn gì em cũng sẽ được đưa về ngôi nhà ấy. Nơi ấy có các chị, các mẹ, những người luôn dang rộng cánh tay để nhận những đứa trẻ lang thang cơ nhỡ như em về làm con mình. Họ sẽ thay mẹ em chăm sóc em tận tình. Em sẽ được tới trường, sẽ là một cô học trò tinh nghịch, học giỏi và siêng năng.

Rồi một ngày kia, khi nghĩ về bố mẹ, em có thể sẽ cảm thấy mình bất hạnh. Nhưng nhìn con mắt đầy nghị lực của đứa trẻ bốn tuổi, tôi tin rằng em sẽ vượt qua. Và chắc chắn lúc ấy, em mới càng biết ơn những người đã chăm sóc, nuôi dưỡng em, biết ơn chế độ này, đất nước này, và cả cuộc đời này lắm lắm!

Tôi tin và cầu chúc những điều may mắn sẽ đến với em, một đứa trẻ mồ côi lưu lạc...

(Bài do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp).

Đề 42- ***Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh.***

Bài làm

Hôm nào cũng vậy, học bài xong tôi thường có thói quen mở toang cửa sổ và ngồi nhìn ra ngoài. Không gian yên tĩnh làm cho tôi có cảm giác bình yên, để mông lung suy nghĩ.

Đã bao năm nay rồi, bàn học của tôi được kê ngay cửa sổ căn buồng nhỏ. Nơi đây thường mở ra trước mắt tôi những điều kì diệu.

Cánh cửa sổ vẫn vậy mà dường như mỗi ngày mang một dáng vẻ riêng. Đêm nay, trời khuya sao yên tĩnh quá! Phía bên ngoài không còn những cơn mưa rào rậm rịch gõ vào đêm, buồn như những tiếng thở dài.

Đêm nay trăng thu sáng cả bầu trời, sao lấp lánh cười, và gió như những bàn tay ai vẫy vẫy hắt lên bờ tường phía trước. Tôi thầm nghĩ đó là vũ điệu của đêm!

Hoà cùng gió là tiếng côn trùng rên rỉ, có lúc rộn rã như một dàn đồng ca ru đêm dài lặng lẽ.

Tôi hình dung những đêm mưa. Bóng trời đen và sâu thăm thẳm, bí ẩn và hoang đường. Đêm cũng có linh hồn! Mỗi khi nhìn mưa đêm, tôi thấy cô đơn và trầm mặc quá!

Còn hôm nay, sự im lặng lại khiến lòng tôi thích thú. Trăng làm cho tôi vui, trăng toả thứ ánh sáng dịu dàng, tinh khiết. Phải! Trăng tinh khiết và chưa bao giờ tinh khiết đến vậy! Sau một ngày học bài căng thẳng, tôi muốn tĩnh tâm để ngẫm lại mình; thích quan sát mọi thứ xung quanh, để phán xét, để bình luận...

Sáng nay, lá rơi nhiều quá, vàng cả sân trường. Mùa thu như dồn lại cả nơi này khiến tôi có cảm giác đang đứng trên một chiếc thảm màu nắng. Từng chiếc lá chao nghiêng theo gió, rồi nhẹ nhàng đáp xuống sân khiến tôi say sưa quên cả tiếng trống trường tan học. Tôi mải mê đứng nhìn, quên cả cô chủ nhiệm đang đứng sau mình, để thảng thốt, ngỡ ngàng

khi cô cầm tay tôi kéo đi. Tiếng cô nhẹ nhàng như gió: "Về, về thôi!". Tôi mơ màng như đang đi trên mây, bồng bềnh và hư ảo. Bây giờ nghĩ lại, lòng tôi bỗng rưng rưng. Tình thầy cô bao giờ cũng là bài ca bất tận.

Bông mua tím tôi treo ngoài cửa sổ đung đưa, hình như gió đến làm quen với bông hoa trơ trọi tôi hái lúc chiều.

Chiều nay lần đầu tiên tôi theo bạn ra đồng chăn bò, lần đầu tiên tôi được nhìn lòng mình từ phía xa. Những mái nhà thấp thoáng sau những lùm cây, những rặng dừa, rặng tre quen thuộc lần đầu tiên được nhìn dưới góc độ khác, thấy như một nơi xa lạ.

Những cánh cò thong thả bay, chập chờn trên cánh đồng vắng; những đàn chim ri, chim sẻ ríu rít đùa nhau trên hàng dây điện cao áp. Cánh đồng chỉ còn trơ gốc rạ, dài và rộng mênh mông!

Chiều cuối thu, cái se lạnh làm lòng người xao động. Và đêm nay, cái cảm giác ấy dường như vẫn nguyên vẹn trong tôi, thật lạ mà cũng thật quen. Tôi vẫn còn hình dung rõ rệt, hình ảnh cánh cò trắng thoắt bay, thoắt đậu trên bờ ruộng. Quê hương tôi thật đẹp, chắc đêm nay dưới ánh trăng này, quê sẽ đẹp hơn, bình yên hơn.

Đêm nay, những cây ổi như sà vào gần hơn khung cửa tôi ngồi. Mùi hoa sữa thoảng hương nồng nàn vào căn phòng nhỏ. Hoa sữa làm cho mùa thu trở nên đặc biệt. Tôi cứ tưởng mùi hương của nó giống như lời tỏ tình của một anh chàng vụng về mà mãnh liệt, đến nỗi những cô gái yếu đuối phải rùng mình...

Mùa thu sắp qua rồi, trăng thu cũng bớt vàng hơn, đêm hình như cũng sâu hơn. Mùi của gió cũng bớt nồng nàn...

Tiếng bố tôi cựa mình ở gian nhà ngoài làm tôi chợt dừng luồng suy nghĩ miên man. Suốt một đời khó nhọc, bố tôi luôn ngủ không yên giấc...

Chị em tôi như những cây tầm gửi bám vào bố mẹ, rút kiệt dần sức lực của bố mẹ đến cằn cỗi, già nua. Ý nghĩ ấy làm lòng tôi nhói đau vì thương bố mẹ.

Bố thường cấm tôi ngồi một mình trong đêm và thức khuya. Vì bố không muốn tôi phải suy nghĩ.

Nhưng đêm yên tĩnh làm cho lòng tôi không thể không suy tư. Tôi suy ngẫm về một ngày đã trôi qua, rút ra cho mình nhiều bài học, nhưng quan trọng hơn, tôi muốn nuôi dưỡng cảm xúc và quyết tâm của mình. Cảm xúc của cô bé mười lăm tuổi đẹp đẽ lấp lánh, nhưng cũng đôi khi chất chứa ưu phiền.

Bố mẹ ơi! Đêm nay yên tĩnh, con tự hứa với lòng mình sẽ học và bước vào đời thật kiêu hãnh, để bố và mẹ không còn phải thao thức. Cảm ơn màn đêm yên tĩnh đã cho tôi biết lắng nghe tiếng nói của lòng mình.

(Theo cô giáo Nguyễn Hồng Kiên)

Đề 43- ***Cảm nghĩ đêm trăng sáng đẹp.***

Bài làm

Chiều buông xuống chưa lâu. Vậy mà bây giờ tất cả đều ngập chìm trong ánh sáng của trăng. Ánh trăng kì diệu huyền ảo làm ta bâng khuâng. Bất giác, em nhớ về một câu hát:

"Sân nhà em sáng quá
Nhờ ánh trăng sáng ngời
Trăng tròn như cái đĩa
Lơ lửng mà không rơi" !

Ồ! Cái đĩa vàng, gương mặt đẹp của tự nhiên bao lần chứng kiến tuổi thơ yêu trăng của em. Bầu không gian kia trở nên cao rộng biết bao khi trăng toả sáng.

Hôm nay cả nhà em đã kết thúc bữa cơm chiều trong ánh trăng đầu mùa thu. Trí tưởng tượng của em bây giờ được dịp thả sức bay bổng. Trăng bây giờ trở thành món ăn tinh thần sau bữa cơm gia đình thân mật. Những gương mặt người dịu đi bao lo toan vất vả thường ngày trở nên tươi sáng hơn dưới vầng trăng thơ mộng. Đứa em còn nhỏ tuổi là vui nhất nhà Nó đã tung tăng phía ngõ, nhắc lại bài đồng dao hôm trước mới học được:

"Ông trăng ơi
Xuống đây mà chơi với tôi
Có nồi cơm nếp
Có tệp bánh chưng
Có lưng hũ rượu... "

Chà! Có thật nhiều thứ, nó đem khoe với trăng. Trăng là gương mặt của người ông đáng kính hứa hẹn cho nhiều trò chơi, nhiều câu chuyện cổ tích. Mặt trăng là chị Hằng, là thằng Cuội, là con thỏ nhà trời: "Trải bao thỏ lặn ác tà" (thơ Nguyễn Du).

Bác Hồ cũng thường nhắc đến trăng khi gửi thư cho thiếu nhi nhân ngày khai trường:

"Trung thu trăng sáng như gương

Bác Hồ ngắm cảnh nhớ thương nhi đồng".

Mùa thu trăng đẹp cũng là mùa em tựu trường. Đã nhiều mùa thu đi qua tuổi thơ và mái trường. Trăng gần gũi với trang sách học trò. Em muốn ánh trăng được chứng kiến nhiều hơn những niềm vui trái đất, niềm vui của làng xóm, phố phường. Trăng là ánh sáng tự nhiên không gì thay thế được. Trăng đi đâu cũng thấy, chỗ nào cũng có, đủ soi sáng cho muôn vàn cảnh vật khi đêm về. Ngày nay, nhiều nơi đã có điện. Ánh trăng do con người tạo ra thay đổi cuộc sống. Dưới tay bác thợ điện cái bóng đèn bật sáng. Thế nhưng mặt trăng như bóng đèn khổng lồ trong vũ trụ chẳng may bị tắt đi thì chẳng bác thợ điện nào thay thế được.

Em nghe bố nói con người đã bay lên mặt trăng bằng phi thuyền. Mai này có thể em sẽ theo chân người trước lên tới mặt trăng, sẽ gặp gỡ những nhân vật huyền thoại trên cung trăng.

Em mong mặt trăng sẽ còn là xứ sở thân thiết, gắn bó hơn với con người trong tương lai.

(Theo thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà)

Đề 44- ***Cảm nghĩ khi xa nhà.***

Bài làm

Mưa ! Lại mùa mưa. Tôi lặng lẽ đứng ngoài lan can phòng học buồn bã nhìn những cơn mưa ồn ào đổ xuống... Vậy là tôi đã xa quê thật rồi!

Trường mới, bạn bè mới, cuộc sống mới... càng làm cho những hình ảnh tuổi thơ lại hiện về trong tôi da diết. Sân trường kia đâu có những hàng keo nở hoa vàng rực rỡ, đâu có những trò chơi dân dã của quê tôi. Chỉ có hàng phượng già và những cây bằng lăng hết mùa hoa nở, xanh nhẫn nại trong chiều. Tất cả lạ lẫm trước tôi, làm cho tôi lẻ loi., lạc lõng. Thầy cô cũng khác, giọng giảng bài nghe lạ quá! Tiếng thầy vẫn ấm, nhưng không xua tan được những bỡ ngỡ ban đầu trong tôi. Tôi chỉ thấy nhớ nhà, nhớ lớp, nhớ quê... Tất cả cứ hiện về trong tôi ập ào và da diết!

Tôi nhớ lớp nhớ lũ bạn cùng rủ nhau hái hoa dại ép, màu tím thuỷ chung của loài hoa trinh nữ khô giòn trong trang sách, có hôm tranh nhau làm từng bông vỡ vụn, tiếc ngẩn ngơ rồi lại cười giòn tan! Nhớ những ngày rong ruổi đạp xe, con đường tới trường thơm mùi cỏ ướt tôi

thường hít hà và thích thú trước ánh mắt tròn xoe của bọn bạn. Hình như chỉ mình tôi cảm nhận được cái mùi của ban mai ấy. Giờ con đường tôi đi, chỉ toàn bê tông vững chắc đâu còn chỗ cho cỏ nữa. Bạn bè tôi chắc giờ đang nhớ tôi nhiều lắm, có khi còn khóc nữa; chúng có ép hộ hoa cho tôi không? có chờ tôi trở về để đi tiếp con đường tuổi nhỏ, để dệt những buổi chiều chăn trâu, cắt cỏ, cỏ may cứa vào chân ran rát. Tan chiều, thường ngồi lại gỡ cỏ cho nhau, rồi chọc nhau cười vang cả đồng quê. Tôi nhớ dòng sông nhỏ cạnh nhà tôi, nơi tôi và em gái thường thả thuyền tre, và tin thuyền sẽ trôi ra biển. Xa tôi rồi, em tôi có còn thả nữa, hay sẽ viết thư vào lá, thả xuống dòng nước trong: Lá thư cầu nguyện! Em cầu nguyện cho tôi bình yên nơi phố phường xa lạ, sớm trở về thăm em và chơi cùng để kể cho em nghe về vùng đất mới; về bạn mới, trường mới...

Những bờ hoa dại trắng nơi tôi và em thường dắt nhau ra hái bây giờ có nở nữa không? Bây giờ chỉ mình em ngồi bên bàn học, chẳng có ai la rầy em nữa, chẳng có ai giúp em giải những bài tập khó, em có buồn không! Ôi, những buổi chiều, được cùng em mang diều chạy trên bờ đê lộng gió. Sao vui đến thế? Bây giờ ai giúp em thả vầng trăng xanh ấy mỗi chiều? Em có tự làm không?

Bạn bè tôi giờ ra sao? Tôi nhớ tiếng cười, nhớ giọng nói, ánh mắt của từng đứa. Nhớ cả những giờ phút chia tay, bạn bè chúc nhau thi đậu. Vậy mà nay không còn đi chung trên con đường tới lớp, không được học chung dưới một mái trường. Mười lăm tuổi đầu, tôi khăn gói lên đường, xa tất cả để đến một Thành Phố lạ. Đã bắt đầu một cuộc sống phải lo toan. Chiều tan học, tôi một mình lang thang đạp xe trên phố. Mưa tầm tã suốt những ngày qua, tiếng ồn ào không đủ làm cho thành phố bớt ưu tư, lòng tôi trĩu nặng. Mưa hắt vào mặt ran rát, buồn đến phát khóc. Nhớ bố mẹ, nhớ bà, và nhớ em quá đỗi! Chiều nay, không có Mai, có Hồng đạp xe bên tôi nữa, không được bỏ áo mưa ra để tắm trọn một đường mưa. Bây giờ, lỡ xe tôi hư hỏng, ai sẽ vác giùm tôi như Hồng? Lỡ tôi khóc, ai dỗ tôi như Mai? Không ai cả, chỉ mình tôi đi trong chiều giá lạnh. Tôi cũng không được sà vào bếp với bà, để được bà xoa đầu âu yếm, không được mẹ vồn vã, lo lắng đưa cho chiếc khăn lau những giọt nước mưa đọng trên mặt không được tắm nồi nước là thơm bà nấu nữa. Bữa cơm chiều cũng vắng tôi, cả nhà sẽ nhắc tôi thật nhiều hay mẹ lại khóc? Em chẳng còn ai tranh ti vi nữa, mẹ cũng không phải làm trọng tài phân xử. Tôi đi rồi, mọi thứ cũng đổi thay...

Chiều nay tôi không được trốn mẹ ra bờ sông đứng nhìn cánh đồng quê lênh láng nước; nhưng tôi vẫn biết, lúa quê mình đã chìm dưới biển nước mất rồi. Thương những bác nông dân cần cù, chăm chỉ để đến ngày này lũ lụt ùa về mất trắng một mùa vui. Chiều nay, nước lên đến ngõ nhà

tôi chưa? Mẹ có ngồi bần thần bên cửa nữa? Mất mùa rồi... lại tháng ba ám ảnh. Mắt bố đầy âu lo.

Mưa ơi! chiều nay không được trùm chăn chở bố đi giăng lưới về nữa. Những con cá vẫn quấy một vùng ký ức của tôi, ký ức có tiếng cười của bố lẫn vào mưa! có dáng bà lưng còng bên bếp lửa, khói chiều nghiêng trên mái bếp bình yên. Không được hái cho bà những lá trầu vàng rộm nữa, vườn trầu mưa này có run rẩy tàn đi? Thành phố ơi, sao lạ nhiều đến vậy, mưa thật nhiều và chỉ có mình tôi.

Con đường tôi đi, xe cộ tấp nập qua, hối hả quá, và cũng vô tình quá! Tôi chạnh lòng thấy bác xe ôm, lặng lẽ đứng chờ khách dưới mưa. giờ này ai cũng được trở về sum họp với gia đình, mà bác như cây cột đèn nhẫn nại bám trụ các ngã đường dù nắng, dù mưa, dù ngày, hay tối. Tôi lại nhớ bố, nhớ những đêm bố đi gác, căn nhà như trống trải hơn, tôi thường nằm thấp thỏm, chỉ chờ tiếng bước chân nặng nề quen thuộc bước vào nhà, tôi mới bình yên chìm vào giấc ngủ. Giờ này, các cô, các bác bán hàng rong cũng vội vã đi về trên những vỉa hè. Nhìn đế dép mòn vẹt tôi tự hỏi những bàn chân này đã đi không biết bao nhiêu nẻo đường, qua bao nhiêu con phố, qua bao nhiêu ngày đòn gánh trên vai? Tôi lại nhớ bờ vai của mẹ, của bà, cái bờ vai suốt một đời gồng gánh, giờ đã thành chai. Bờ vai ấy đã cho tôi những giấc ngủ bình yên, cho tôi sự chở che lúc vui, buồn trẻ dại. Tôi thấy lòng nhẹ hơn, khi bên mình không có người thân bè bạn, nhưng vẫn có những con người tôi rất đỗi tin yêu. Tôi thấy được hình ảnh bố mẹ tôi trong hình dáng những con người lao động nơi này; thấy như được đồng cảm, sẻ chia. Xa nhà rồi, không còn được bà, bố mẹ cưng chiều chăm bẵm mới hiểu được tình yêu thương vô hạn mà mình được đón nhận; mới thấm thía nỗi vất vả, khó khăn của gia đình. Mới thấy mình còn bé nhỏ biết bao nhiêu.

Mãi miên man trong suy nghĩ, chợt thấy tiếng cười quen quen của ai đó cất lên. Tôi giật mình ngoái lại, các bạn trường tôi đang cười nói vui vẻ, hồn nhiên, tiếng cười sao thân thương quá! Tôi bỗng thèm khát sự vô tư kia, thèm được nô đùa, thèm được cùng nhau đi dạo dưới sân trường, chia sẻ cho nhau nỗi nhớ quê nhà. Tôi nhớ lại lớp mới của tôi, chỉ vẻn vẹn ba mươi đứa con gái, nhiều khi nhìn nhau còn lúng túng. Nhưng có những nhóm bạn đã hoà nhập thân quen, trò chuyện rôm rả làm rộn lớp học mỗi chiều. Sao tôi lại chưa làm điều đó, tất cả cũng đều như tôi mới từ giã mái trường cấp hai quê nhà đầy kỉ niệm, sao không cười với nhau và hỏi thăm nhau tâm sự cùng nhau? Tôi muốn ùa nhanh vào lớp, để hỏ thăm từng bạn, kết thân và góp một tiếng cười vào không khí lớp. Nhưng chiều sắp tàn rồi, tôi phải về, chú dì đang chờ tôi, phố núi đang chờ tôi. Nhất định ngày mai tôi sẽ trò chuyện cùng các bạn, không đứng ngoài

lan can một mình nữa! Tôi thấy bà, bố mẹ hình như đang cười với tôi;... xa nhà nhưng tôi vẫn thấy như lúc nào mọi người cũng ở bên tôi; ai cũng muốn tôi vui, tôi hoà nhập nhanh vào cuộc sống mới.

Ùa nhanh ra sân, những giọt mưa vẫn còn nặng, bong bóng vỡ đều trên nền xi măng trắng xoá. Bà ơi, bố mẹ ơi con sẽ tập trưởng thành.

(Theo cô giáo Nguyễn Hồng Kiên)

Đề 45- ***Cảm nghĩ khi xa mái trường trung học cơ sở.***

Bài làm

"Từ trong tim tôi nói lời tha thiết yêu trường...". Câu hát ngân mãi trong lòng tôi từ ngày rời xa mái trường quê hương tuổi thơ.

Những ngày ấy đã một đi không trở lại. Ở trường trung học cơ sở, nơi mình học tập, với cái tuổi mười hai, mười ba, đã mở ra nhiều điều mới mẻ cùng trang sách. Năm tháng ấy mình có nhiều thầy hơn, nhiều bạn hơn. Chỉ nói tới việc đến trường với cặp sách đầy và nhiều môn học, mình đã thấy lòng phấn chấn vì từng ngày khôn lớn. Mái trường tuổi thơ, nơi ươm mầm những kiến thức đầu đời. Đây là ngôi nhà chung của trang lứa thiếu nhi. Tấm khăn quàng đỏ là dấu hiệu chung nhất của mái trường này. Những con người sẽ lớn lên... Bắt đầu từ đây, tiếng nói của thầy cô vun đắp cho những suy nghĩ ước mơ. Cái tuổi nhớ lâu nhớ mãi, cái tuổi nhiều nụ cười trên mỗi gương mặt.

Nắng và hoa phượng. Khăn quàng đỏ và những trang sách xôn xao với gió. Tuổi mới nhạy cảm với tất cả và tràn trề hi vọng. Mái trường, những bộ đồng phục, thầy cô, bạn bè và những trang sách... đã mở ra đầy ắp ước mơ. Rồi đây, chúng tôi sẽ như những cánh chim bay về nhiều phía bầu trời. Vốn liếng đầu tiên từ sách vở nhà trường đã chắp cánh để chúng tôi bay, và chúng tôi luôn vững tin vào tri thức của mình.

Mùa hè nghỉ ngơi vui chơi bổ ích đang đến. Bên tai mình còn đồng vọng tiếng thầy cô giảng bài, những lời chia sẻ động viên từ bè bạn. Trước mắt là những bãi biển lộng gió, những miền quê xa ngày pic-níc.

Nhớ lắm những ngày đầu tiên mới rời khỏi ghế trường tiểu học. Lúc ấy, tôi còn nhỏ lắm, chỉ mới ngang tầm bụng người lớn. Thằng "Hải lùn" nghịch như quỉ sứ, suốt cả bốn năm chẳng một lần được điểm khá, cái thằng ấy lúc mới vào trường chỉ nhỏ bằng hạt mít. Thế mà bây giờ cũng ra dáng một chàng trai. Còn cái Lan Anh, con bà hàng thịt thì lúc mới vào xinh xắn là thế mà bây giờ lại béo ị... Ôi, tất cả chúng bạn, rồi đây sẽ mỗi đứa một nơi, thật là xao xuyến quá!

Tôi nhớ nhất là cô giáo chủ nhiệm lớp hồi đầu cấp. Cô Nga yêu kính của tất cả chúng em. Cô đã để lại ấn tượng sâu nặng nhất đối với cả lớp. Hồi ấy, chúng tôi mới vào lớp 6, còn rất bỡ ngỡ, và rất trẻ con. Cô giáo mới ra trường, nhiệt tình và sôi nổi. Cô dạy bảo và chăm chút chúng tôi từng li từng tí. Có lần, thấy chúng tôi đọc truyện tranh trong lớp, cô Nga xuống cầm lấy cuốn truyện. Tôi cứ tưởng cô sẽ tịch thu và quát mắng như những bà mẹ thường la hét khi thấy chúng tôi dí mũi vào Đô-rê-mon. Chẳng ngờ, cô giáo dành thời gian nói về Đô-rê-mon, về các loại truyện tranh khác, ca ngợi chúng rất nhiều, nhưng vẫn khuyến cáo chúng tôi đọc những loại sách văn học đích thực, không hoặc ít cần có tranh minh hoạ, để phát triển khả năng suy đoán, tưởng tượng... Cô còn tự tay mượn sách trong thư viện trường đưa cho chúng tôi mượn. Tôi vì thế mới được đọc những tác phẩm tuyệt vời như *Ruồi trâu, Những người khốn khổ, Thép đã tôi thế đấy*...Đến bây giờ tôi còn không dám chắc rằng, mình đã thay đổi và trưởng thành hẳn lên nhờ những cuốn sách ấy.

Rồi cô phải chia tay. Cô Nga chuyển trường về quê, nghe nói quê cô cách chúng tôi xa lắm! Hôm chia tay, bọn con gái ngồi quây quần xung quanh cô thút thít khóc. Còn chúng tôi, tất cả đều cảm thấy mất đi một điều gì lớn lắm! Tôi chắc trong lòng rằng, sau này lớn lên sẽ có dịp tìm lại cô.

Ôi, biết bao kỉ niệm! Và thời gian như dòng nước, chảy mãi, không bao giờ ngừng.

Chúng em sẽ lớn lên. Một số bạn bây giờ đã học ở trung học phổ thông. Một số khác vào các lớp dân lập. Còn số ít thì đã bỏ học, đi kiếm việc làm. Mười, mười lăm năm sau, gặp lại nhau, chắc sẽ nhắc nhiều đến trường trung học cơ sở.

Ôi, mái trường thân yêu. Tình cảm và lòng biết ơn của mỗi chúng tôi thật không thể nào diễn tả cho hết được. Và với mỗi người, chỉ cần nhắc tới ngôi trường cũ, đã xốn xang biết bao kỉ niệm không thể nào quên.

(Theo thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà)

Bài làm số 2

Chiều nay, đứng ở lan can tầng hai nhìn các bạn chơi đùa, những cơn gió cuối thu lành lạnh và về, lòng tôi lại nao nao nhớ về trường cũ.

Mới đó mà đã bốn tháng trôi qua, tôi không còn được học ở ngôi trường cấp hai yêu dấu. Ngôi trường xưa của tôi có hai tầng, sơn xanh nằm trên đường quốc lộ, nên ngày ngày tôi vẫn đi học qua. Mỗi lần qua,

tôi đạp xe chầm chậm, lòng bâng khuâng khi mình không còn được ngồi trong đó nữa. Không còn được nô đùa dưới gốc cây phượng già, không còn được đuổi nhau trên con đường tới lớp đầy hoa dại trắng. Tôi như vẫn còn nghe văng vẳng đâu đây tiếng cười của lũ bạn, giòn tan và náo động cả một vùng ký ức của tôi. Tôi nhớ sân trường, nhớ hàng cây keo mùa này hoa nở vàng, thơm thoang thoảng. Nhớ những cây hoa sữa như những tháp đèn màu xanh, mùa thu đưa một thứ hương nồng nồng vào lớp học, để khi xa trường rồi mùi hoa ấy vẫn thoảng theo tôi, để tôi ngỡ rằng đó là mùi của mùa thu sân trường cũ. Nhớ cây xà cừ do tổ tôi trồng, nhớ những ngày lao động. Đứa nào cũng tranh nhau được chăm sóc cây. Không biết bây giờ cây đã lớn chưa? Chúng tôi ra trường rồi, các em tôi sẽ lo tưới cây, chăm cây, và có vui không khi thấy cây mỗi ngày mỗi lớn, như ngày xưa chúng tôi đã reo lên khi thấy mầm lá non đầu tiên mơn mởn bung ra dưới nắng trời. Bờ hoa dại nơi góc sân trường có còn không? Bông hoa trinh nữ ngày xưa tôi để khô trong vở, nhớ những lúc bâng khuâng thấy ngăn bàn mình những lá thư làm quen ngộ nghĩnh. Đến bây giờ vẫn chẳng biết họ là ai.

Thầy cô của tôi, chiều nay vẫn đến lớp, vẫn say sưa với những bài giảng của mình. Tôi nhớ giờ văn, thầy giảng bài như ru làm tôi say mê những trang truyện, bài thơ như say mê khám phá những chân trời bí ẩn. Tôi biết làm thơ từ đây, biết xúc động và yêu thương nhiều hơn. Tôi nhớ thầy với mái tóc hoa râm, cái dáng cao gầy bước chậm trên hành lang trường học. Nhớ thầy Khải dạy Lí thường xoa đầu tôi, rồi cười hiền lạ! Lũ bạn tôi trêu: thầy đã "nhắm" tôi cho con trai thầy rồi! Lúc đó tôi đỏ bừng mặt, ngúng nguẩy giữa tiếng cười khúc khích của lũ bạn. Nhớ thầy Sơn dạy Địa, không bao giờ bắt phạt con gái vì tội nghịch ngợm. Nhớ cô Viên dạy Văn hiền từ, nhân hậu... Tôi nhớ tất cả những giờ học đã qua, có lúc say mê, có lúc chán nản. Nhưng điều làm tôi ân hận nhất là chúng tôi đã bỏ qua rất nhiều cơ hội học tập, để bây giờ kiến thức có nhiều khoảng trống.

Giá như được trở về học lại dưới mái trường xưa, tôi sẽ chăm chỉ và siêng năng hơn, không lơ đãng và ham chơi nữa.

Bạn bè tôi nay cũng chia thành mấy ngả, đứa học phổ thông, đứa học dân lập, đứa học bổ túc, đứa phải bỏ học ở nhà. Chẳng ai còn chuyền cho ai những trái bồng chín mọng? Ai bứt cho tôi những bông phượng đỏ trên cành cao? Tất cả tên tuổi, gương mặt của bạn bè đều trở về trong lòng tôi da diết! Tôi điểm tên từng đứa... Có ai còn nhớ tôi không?

Tôi nhớ mấy cậu con trai tinh nghịch, hay lấy bút của tôi chuyền cho nhau, làm tôi suýt khóc. Các "nhóc" ấy giờ đã học khác trường, chúng tôi không còn gặp nhau nữa.

Tôi nhớ từng nét chữ của chúng bạn tôi. Mấy thằng "qui" còn khắc tên chúng tôi để gán ghép trên mặt bàn?

Ô cửa sổ nơi tôi ngồi, nhìn ra cả vòm trời xanh. Đó là thế giới của tôi, thế giới ấy cho tôi bao điều mơ mộng.

Cạnh tôi là Hạnh, rồi đến Nam và Hà. Nam con trai, hay bắt nạt Hạnh con gái. Rồi thằng Hà bênh...

Ôi! Tôi nhớ những kỉ niệm xưa! Tất cả xa rồi!

Sẽ chẳng bao giờ tôi được một lần nữa ngồi học trên mái trường xưa. Nhưng tôi sẽ không bao giờ quên những kí ức tuổi thơ đã in đậm nơi này, để ngày ngày đạp xe qua tôi vẫn còn nghe tiếng nói cười của chúng tôi hôm nào. Cảm ơn trường, ơn thầy cô, bè bạn đã chắp cho chúng tôi đôi cánh.

(Theo cô giáo Nguyễn Hồng Kiên)

Đề 46- *Cảm xúc của em trước cảnh con chim bị nhốt trong lồng.*

Bài làm

Thằng Ba là bạn cùng thôn của em mới bắt được một con chim chào mào nhỏ. Nó nhốt chim vào cái lồng tre. Con chim bị nhốt, đập cánh phành phạch đòi ra. Nó mổ lia lịa vào những cái nan tre giam hãm nó.

Thằng Ba luôn miệng hát:

"Chào mào đỏ đít, đỏ đon

Đánh trống, đánh phách đi chôn chào mào"

Ừ nhỉ ! Con chim chào mào có những cái lông ở hậu môn màu đỏ. Nhưng mà ai sẽ chôn chào mào chứ? Chắc lại là cái thằng chuyên đi phá tổ chim như thằng Ba mà thôi. Nhốt vào lồng như vậy thì chim dễ chết lắm. Mới có hai ngày mà con chim chào mào đã gầy tọp và xù lông. Nó muốn thoát khỏi cái lồng kia lắm! Nửa quả chuối tiêu mà thằng Ba bỏ vào lồng cho chim chỉ thấy có vài vết mổ. Đó là thứ thức ăn ưa thích của chim nhưng phải là lúc nó chưa bị bắt.

Giờ đây nó là tên tù binh của một kẻ tinh khôn to lớn hơn nó nhiều lần. Chỉ có kẻ không có cánh chẳng biết bay mới ghen tức và hành hạ chim như vậy. Kẻ kia muốn nhốt con chim để làm cảnh, nhảy múa và hát cho nó nghe. Một khi chim đã bị giam trong một cái lồng chật hẹp như vậy thì nó còn tâm trí, hồn vía đâu để mà làm đẹp cho thế gian nữa. Con chim giờ đây không còn là dấu hiệu của thanh bình, yên vui. Nó đang bị

cưỡng bức. Nó đang bị tước đoạt. Bầu trời kia vẫn xanh, vòm cây kia gió lộng. Quê hương của nó là ở đó. Vậy mà...

Chiều qua, tôi đã khuyên thằng Ba nên thả chim ra. Nó cự lại tôi, vì cho rằng bắt giữ được con chào mào ấy phải tốn rất nhiều công sức. Nó phải đi rình, phải tinh mắt lắm mới phát hiện được tổ chim. Rồi phải hồi hộp chờ đợi cho chim mẹ đẻ, ấp trứng, rồi tính toán sao cho đúng ngày chim con khôn lớn, trèo lên cây cao, rất nguy hiểm, mới bắt được lũ chim non đấy!

Mặc dù thằng Ba đã thôi ý định đặt bẫy bắt chim mẹ nhưng thả con chim nhỏ ra thì nó không chịu.

Hôm nay, tôi đọc lại bài Tập đọc cũ cho thằng Ba nghe với rất nhiều hi vọng:

"Con chim có tổ.
Như ta có nhà
Tối về chim ở
Ban ngày chim ca.
Con chim yêu tổ
Như ta yêu nhà
Chim mà mất tổ
Chim buồn không ca".

Tôi vẫn hi vọng thằng Ba sẽ thấm thía nỗi buồn của con chim nhỏ, và vào một ngày nào đó, nó sẽ tự tay tung con chim nhỏ về phía bầu trời.

(Theo thầy giáo Nguyễn Xuân Hoà)

Đề 47- *Kể lại một câu chuyện cười mà anh (chị) cho là có ý nghĩa phê phán sâu sắc.*

Bài làm

Lớp em có bạn Lan là người học giỏi môn văn. Lần nào thi hay kiểm tra, bạn ấy đều đạt điểm cao nhất. Cả lớp ai cũng trầm trồ khen bạn ấy giỏi. Ngay cả các thầy cô giáo cũng rất thích giọng văn của bạn ấy. Chỉ có điều trong các giờ học bình thường, không hiểu sao, Lan lại luôn tỏ ra là người không được nhanh nhẹn, thông minh bằng các bạn.

Thế rồi một hôm, trường em tổ chức Hội nghị học sinh giỏi, cô giáo phân công bạn Lan viết một bài báo cáo kinh nghiệm. Lan sợ hãi đến mức phải cáo ốm, trốn học suốt cả tuần.

Sau đó, cô giáo cho chúng em điều tra, mới biết: thì ra, Lan không phải là học sinh giỏi, bạn ấy chỉ tình cờ có được cuốn sách *Những bài văn mẫu lớp 10* mà cô giáo và các bạn đều không có. Thế là bạn ấy chép lại, gian lận ngay cả trong bài thi và bài kiểm tra.

(Theo thầy giáo Phạm Minh Diệu)

Đề 48- *Kể lại một chuyện xảy ra trong lớp học hoặc trong đời sống khiến anh chị băn khoăn về đạo đức, lối sống.*

Bài làm

Tôi và Thành chơi với nhau từ nhỏ. Nhà chúng tôi ở cùng một xóm. Chúng tôi cùng lớn lên ở vùng quê nghèo, hoàn cảnh gia đình cũng khó khăn nên dễ đồng cảm với nhau.

Bố Thành mất từ khi Thành còn rất nhỏ. Thương con sớm mồ côi cha nên bác Thoa- mẹ Thành- rất chiều cậu. Mỗi bận đi chợ về thế nào bác cũng bớt mấy đồng mua cho cậu cái bánh xèo, cây mía hay những thứ hoa quả mà cậu thích. Dù khó khăn nhưng hễ Thành xin tiền nộp học là mẹ cho liền, không có cũng đi vay cho bằng được. Đáp lại, Thành cũng chăm học và đỡ đần công việc nhà giúp mẹ. Thành không thông minh nhưng cần cù, cẩn thận, nên cuối năm học nào Thành cũng có giấy khen mang về. Bác Thoa mừng lắm. Bà con lối xóm cũng mừng lây. Có người còn bảo:

- Đấy, "con mất cha như nhà mất nóc", nhưng thằng Thành còn giúp mẹ nó làm được cái nóc vững hơn lúc cha nó còn ấy chứ !

Nghe vậy má Thành đỏ ửng, còn mẹ thì cười rạng rỡ nhưng mắt vẫn ngấn nước.

Thế rồi một lần, Thành và tôi trên đường đi học về, gặp một người bán lô-tô. Bà ta tên thật là gì không rõ, nhưng cả phố gọi là bà Mập. Vì người bà ta to béo, đúng là "mập" thật! Nhưng gọi thế mà bà ta cũng chẳng tự ái.

Bà gọi chúng tôi đến, dỗ ngon dỗ ngọt mua cho bà mấy cái vé số. Tôi can Thành đừng có dính vào đấy. Cậu ta từ lâu vẫn ngấm ngầm chơi đề, giờ nghe bà Mập nói liền tỏ ra say mê lắm:

- Sao? Bác nói nó về hai à? Ôi, tiếc quá!

Tôi can bạn không được, liền nghĩ: từ nay, mình sẽ không chơi với nó nữa!

Thế là chúng tôi xa nhau dần.

Bỗng một ngày kia, khi tôi đi học về, thấy trong nhà Thành rất đông người. Có cả mấy chú công an. Hỏi ra mới biết Thành bị bắt vì tội trộm cắp. Hắn cùng mấy đứa thất học trong phố lừa ăn trộm xe gắn máy, bán đi để lấy tiền chơi đề.

Ôi, khốn nạn! Thật là khốn nạn! Sao Thành lại đến nông nỗi ấy cơ chứ? Tôi xấu hổ vì đã từng chơi thân với một đứa như thế!

Nhưng không! Tự nhiên tôi thấy ân hận. Đáng lẽ tôi không nên xa lánh bạn dễ dàng như thế! Nhưng tôi biết làm thế nào? Tôi sợ chính mình cũng dính vào cái trò chơi đỏ đen, cái mà ngày nào bố mẹ tôi cũng dạy dỗ, răn đe trong từng bữa ăn, giấc ngủ.

Nhưng Thành ạ! Tất cả hãy còn chưa muộn! Tôi vẫn nhớ bạn là một đứa trẻ ngày nào chăm học, chăm làm, "lấy cần cù bù khả năng", và biết thương yêu mẹ.

Giờ này, chắc mẹ Thành đang đau lòng lắm!

(Theo cô giáo Phạm Thị Anh)

Đề 49- *Kể lại một câu chuyện trong sinh hoạt hàng ngày mà em được chứng kiến và cho là có ý nghĩa nhân đạo sâu sắc.*

Bài làm

Nhà tôi ở xa trường nên những buổi trưa, tôi thường phải ở lại, vào quán ăn cơm. Và ở cái quán cơm quen thuộc này, tôi đã được chứng kiến một câu chuyện thật xúc động.

Lần đầu tiên bước chân vào quán, tôi còn đang bỡ ngỡ... thì một người phụ nữ khoảng chừng bốn mươi tuổi đi đến hỏi han, và phục vụ tận

tình. Nhìn cô tôi không khỏi chạnh lòng, gương mặt cô xanh xao, gầy gò, đặc biệt là đôi mắt, đôi mắt ngơ ngác như vừa trải qua một việc gì đó kinh hoàng. Nhìn nhanh sang phía bên kia, tôi thấy một người phụ nữ khác trông nhanh nhẹn và tháo vát đang lúi húi làm việc trong bếp lò, vừa làm vừa nhìn lại cô, tôi hiểu vai trò của cô ở nơi này. Vâng, họ là bà chủ và cô giúp việc! Nhưng một điều lạ là họ nói chuyện với nhau, gọi nhau rất nhẹ nhàng, thân mật giống như người trong một nhà vậy.

Một bé gái chừng độ 9 tuổi chạy ra níu áo cô. Tôi mỉm cười hỏi:

- Con gái cô đây ạ?

Người đàn bà ngơ ngác gật đầu, rồi mang bát đũa ra cho khách. Quán vắng người. Cái thị trấn nhỏ này chỉ có mấy cô chú làm ở cây xăng, hoặc vài người chuyển hàng từ miền ngoài vào là khách của quán cơm trưa duy nhất. Mẹ con người làm thuê thường phải mang cơm ra tận nơi làm của họ. Hôm đó, tôi mới có dịp hỏi chuyện về mẹ con người đi ở. Bác chủ quán mới thong thả kể:

Người đàn bà ấy vốn là một đứa trẻ mồ côi, rồi lớn lên, lấy chồng, lại bị nhà chồng hắt hủi, đến nỗi phải bỏ nhà ra đi. Chị có con, nhưng người chồng tệ bạc cũng không nhận. Cuối cùng, chị phải bế con đi ăn xin.

Cuộc đời khổ ải khiến chị trở thành một người ngơ ngác. Đôi mắt lúc nào cũng ngây ngây. Và chị sợ, luôn sợ một cái gì đó, có lúc ánh mắt trông hoang dại, thật đáng thương.

Đến thị trấn này, hai mẹ con người đàn bà tội nghiệp đã gặp bác chủ quán. Công việc chẳng nhiều, nhưng bác trai vốn là một thầy giáo, cả hai bác giàu lòng thương người cứ nhận họ về ở, vừa để giúp việc cho gia đình, vừa để tạo điều kiện cho mẹ con họ có chỗ ăn chỗ ở. Rồi mấy năm sau, hai bác còn cho đứa con gái nhỏ được đi học.

Chỉ vì cuộc đời xô đẩy mà mẹ con họ ra nông nỗi này! Biết bao giờ mẹ con chị mới có một mái nhà để sống như những người bình thường khác? Tôi thầm cảm ơn bác chủ quán và thầy giáo đã cho hai mẹ con tội nghiệp ấy một chỗ ở, một nơi làm, dù chỉ tạm bợ, để những đêm đông giá lạnh hay những ngày mưa bão, mẹ con họ có chỗ nương nhờ.

Tấm lòng của gia đình bác thật đáng trân trọng. Tôi mong sao mẹ con họ sẽ còn gặp được nhiều tấm lòng hảo tâm như vậy để có một ngày mai tươi sáng hơn.

(Bài viết do cô giáo Nguyễn Hồng Kiên cung cấp).

MỤC LỤC

PHẦN I- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 1

Đề 1- Tóm tắt đoạn trích Đăm Săn chiến thắng Mtao Mxây 5
Đề 2- Hãy tưởng tượng mình là Đăm Săn, kể lại trận đánh Mtao Mxây 6
Đề 3- Tả quang cảnh nhà Đăm Săn sau khi chiến thắng Mtao Mxây 10
Đề 4- Có ý kiến cho rằng, cuộc chiến của Đăm Săn với Mtao Mxây tuy có mục đích cụ thể là giành lại vợ, nhưng vẫn có ý nghĩa và tầm quan trọng đối với lợi ích của toàn cộng đồng. Qua đoạn trích "Chiến thắng Mtao Mxây", hãy chứng minh. 11
Đề 5- Cảm nghĩ của anh (chị) về vẻ đẹp của một nhân vật văn học mà anh (chị) thích. 14
Đề 6- Cảm nghĩ anh (chị) sau một chuyến đi (du lịch hoặc tham quan). 16
Đề 7- Thuyết minh về văn học dân gian Việt Nam cho đoàn học sinh nước ngoài đến thăm trường em. 22
Đề 8- Hãy viết một bài văn ngắn giới thiệu về trường hoặc về lớp của anh (chị). 24
Đề 9- Viết bài văn giới thiệu bức tranh chùa Một Cột. 26
Đề 10- Giới thiệu hình ảnh đầm sen Việt Nam 27
Đề 11- Giới thiệu hình ảnh cánh đồng lúa quê hương bạn.....28
Đề 12- Giới thiệu hình ảnh con trâu trên đồng ruộng. 32
Đề 13- Giải thích và làm sáng tỏ ý nghĩa của câu ngạn ngữ: "Học vấn có những chùm rễ đắng cay nhưng hoa quả lại ngọt ngào". 33
Đề 14- Nhận xét về nội dung câu tục ngữ: "Học thầy không tày học bạn". 37
Đề 15- Giải thích và chứng minh câu tục ngữ: "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn".....39
Đề 16- Phân tích tác dụng của yếu tố kì ảo trong truyền thuyết "An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thuỷ". 41
Đề 17- Qua đoạn trích "Đẻ đất đẻ nước " của dân tộc Mường, nêu nhận xét của em về quan niệm của nhân dân lao động thời xưa về nguồn gốc vũ trụ. 43
Đề 18- Viết đơn xin học môn cờ vua tại câu lạc bộ thể thao. 46

PHẦN II- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 2

Đề 19- Tóm tắt chuyện của nhân vật Trọng Thuỷ trong truyền thuyết An Dương Vương và Mỵ Châu, Trọng Thuỷ. 47
Đề 20- Kể lại truyện An Dương Vương và Mỵ Châu Trọng Thuỷ, tưởng tượng một cách kết thúc khác với tác giả dân gian. 48
Đề 21- Tê-lê-mác kể lại buổi Uy-lit-xơ trở về. 50
Đề 22- Tóm tắt truyện *Tấm Cám*. 52
Đề 23- Từ truyện *Tấm Cám*, hãy viết ba đoạn văn miêu tả cô Tấm trong ba hoàn cảnh. 53
Đề 24- Tả lại ngôi nhà Tấm ở khi còn nhỏ theo tưởng tượng của em.....55
Đề 25- Kể lại một câu chuyện ngoài cuộc sống mà anh(chị) đã được chứng kiến và cho là có ý nghĩa nhân đạo sâu sắc. 58
Đề 26- Tả lại một con chim bị nhốt trong lồng. 60
Đề 27- Con chim bị nhốt trong lồng tự kể chuyện mình.....63

PHẦN III- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 3
(BIỂU CẢM)

Đề 28- Cảm nghĩ của anh chị về thân phận người phụ nữ trong xã hội cũ qua một số bài ca dao than thân trách phận. 67
Đề 29- Cảm nghĩ về một bài ca dao mà anh (chị) thích. 71
Bài 30- Cảm nhận về truyền thuyết Mị Châu – Trọng Thuỷ 73
Đề 31- Ca dao có một số câu bắt đầu bằng "Thân em...". Anh (chị) hãy tìm hiểu khoảng ba, bốn câu như thế và làm rõ nét đặc sắc của chúng. 75
Đề 32- Cảm nghĩ của anh (chị) về bài thơ *Tỏ lòng* của Phạm Ngũ Lão. 78
Bài 33- Cảm nghĩ của em về bài Tựa "Trích diễm thi tập" của Hoàng Đức Lương 80
Đề 34- Cảm nhận của anh (chị) về nhân vật nàng Xi-ta trong đoạn trích "Ra-ma buộc tội" (SGK *Ngữ văn 10*, tập 1) 82
Đề 35- Cảm nghĩ của anh (chị) khi học bài thơ *Độc Tiểu Thanh kí* của Nguyễn Du. 85
Bài 36- Cảm nhận của em sau khi đọc bài "Thái sư Trần Thủ Độ" trích Đại Việt sử kí toàn thư của Ngô Sĩ Liên. 92
Đề 37- Cảm nghĩ khi đọc bài "Cảm xúc mùa thu" của Đỗ Phủ. 95
Bài 38- Cảm nghĩ của em sau khi đọc bài "Chuyện chức phán sự đền Tản Viên" trích trong "Truyền kì mạn lục" của Nguyễn Dữ 97
Đề 39- Quan sát và nêu cảm xúc của anh (chị) trước quang cảnh một cánh đồng lúa chín. 99
Đề 40- Quan sát ngôi nhà cao tầng đang xây và nêu cảm xúc của anh (chị).....100
Đề 41- Cảm xúc của anh (chị) khi nhìn một đứa bé mồ côi không nơi nương tựa. 101
Đề 42- Cảm nghĩ trong đêm thanh tĩnh. 103
Đề 43- Cảm nghĩ đêm trăng sáng đẹp. 105
Đề 44- Cảm nghĩ khi xa nhà. 106
Đề 45- Cảm nghĩ khi xa mái trường trung học cơ sở. 109
Đề 46- Cảm xúc của em trước cảnh con chim bị nhốt trong lồng 112

PHẦN IV- CÁC ĐỀ PHỤC VỤ BÀI VIẾT SỐ 4
(KIỂM TRA KÌ I)

Đề 47- Kể lại một câu chuyện cười mà anh (chị) cho là có ý nghĩa phê phán sâu sắc. 114
Đề 48- Kể lại một chuyện xảy ra trong lớp học hoặc trong đời sống khiến anh chị băn khoăn về đạo đức, lối sống. 114
Đề 49- Kể lại một câu chuyện trong sinh hoạt hàng ngày mà em được chứng kiến và cho là có ý nghĩa nhân đạo sâu sắc. 115